

## **MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do chọn đề tài**

Vào 14h45 (giờ Việt Nam, tức 10h45 giờ Abu Dhabi) ngày 1/10/2009, Ca trù của Việt Nam được UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp. Đây là một sự kiện đánh dấu sự trở lại của ca trù sau nhiều thế kỉ bị quên lãng và có nguy cơ bị mai một. Ca trù là một bộ môn nghệ thuật truyền thống đặc sắc của dân tộc và có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Hải Phòng cũng là một trong những nơi có nghệ thuật hát ca trù từ lâu đời, trong đó làng Đông Môn, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên chính là nơi khởi nguyên của nghệ thuật hát ca trù Hải Phòng. Mặc dù hàng năm, vào ngày 23-24/9 âm lịch, tại Đông Môn vẫn diễn ra Hội hát ca trù nhưng nghệ thuật ca trù nơi đây cũng đang đứng trước nguy cơ bị mai một. Chính vì vậy, với mong muốn được góp một phần công sức nhỏ bé của mình trong việc khôi phục và lưu giữ loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc, người viết đã lựa chọn đề tài: “Tìm hiểu nghệ thuật ca trù Đông Môn - Thủy Nguyên - Hải Phòng và định hướng khai thác trong du lịch” cho công trình nghiên cứu khoa học đầu tay của mình. Việc khai thác ca trù Đông Môn hiệu quả trong du lịch chính là một cách góp phần vào việc bảo tồn và phát triển loại hình nghệ thuật độc đáo này, đồng thời cũng là một cách giới thiệu với bạn bè gần xa về kiệt tác phi vật thể này của Hải Phòng nói riêng và của Việt Nam nói chung, đóng góp vào ngân sách chung của ngành du lịch cả nước.

### **2. Mục tiêu của đề tài**

Mục tiêu của đề tài là đi vào tìm hiểu nghệ thuật Ca trù nói chung và những nét đặc sắc của Ca trù Đông Môn - Thủy Nguyên - Hải Phòng nói riêng, đồng thời cũng tiến hành xem xét thực trạng khai thác Ca trù Đông Môn trong đời sống xã hội những năm gần đây, trên cơ sở đó sẽ đề ra một số định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác Ca trù Đông Môn phục vụ phát triển du lịch Hải Phòng.

### **3. Lịch sử nghiên cứu vấn đề**

Dưới góc độ một bộ môn nghệ thuật, ca trù được khá nhiều học giả dày công nghiên cứu. Có thể kể tên một số công trình và tác giả tiêu biểu như:

1. *Ca trù - thú xưa tao nhã*, tác giả Nguyễn Quảng Tuân, NXB Văn học, 2003.
2. *Góp phần tìm hiểu lịch sử ca trù*, của Nguyễn Xuân Diện, NXB Khoa học xã hội, 2000.
3. *Ca trù nhìn từ nhiều phía*, tác giả Phạm Đình Hồ, Xuân Lan, Phạm Văn Duyệt, NXB Văn hoá Thông tin, 2003.

Hay như giáo sư Trần Văn Khê, một người con Việt Nam sống ở nước ngoài cũng dày công nghiên cứu và giới thiệu loại hình nghệ thuật đặc sắc này của dân tộc đến bạn bè quốc tế. Có thể tìm hiểu những ghi chép của ông về Ca trù thông qua cuốn “*Trần Văn Khê & âm nhạc dân tộc*”, NXB Trẻ, 2000.

Về Ca trù Hải Phòng, có thể kể tên tác phẩm “*Tìm hiểu Ca trù Hải Phòng*” do tác giả Giang Thu - Vũ Thu Loan viết. Trong tác phẩm này, các tác giả đã giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành, phát triển và một vài nét về đặc trưng nghệ thuật của Ca trù Hải Phòng.

### **4. Ý nghĩa của đề tài**

Như vậy có thể thấy, những tác phẩm trên đây phần lớn đều nghiên cứu về Ca trù dưới góc độ nghệ thuật, hầu như chưa có tài liệu nào đề cập một cách sâu sắc đến việc định hướng khai thác những giá trị của ca trù cho hoạt động du lịch. Số lượng tài liệu tìm hiểu về nghệ thuật ca trù tại một địa phương nhỏ như Đông Môn càng ít. Vì thế, với đề tài này, người thực hiện mong muốn trên cơ sở những hiểu biết về Ca trù nói chung, kết hợp với việc tìm hiểu thực tiễn về nghệ thuật Ca trù Đông Môn nói riêng sẽ đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm bảo vệ và khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên đang dần bị mai một này, đóng góp vào sự phát triển chung của du lịch Hải Phòng.

Ngoài ra, đề tài còn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên ngành VHDL cũng như là tài liệu hữu ích đối với du khách đến với Hải Phòng khi muốn tìm hiểu về nghệ thuật ca trù Đông Môn.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Trong đề tài đã sử dụng các phương pháp sau: phương pháp thu thập và xử lý số liệu; phương pháp thực địa; phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp.

### *Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu:*

Là phương pháp chính được sử dụng trong đề tài. Trên cơ sở thu thập thông tin từ nhiều lĩnh vực, nhiều nguồn khác nhau có liên quan tới đề tài nghiên cứu, người viết sẽ xử lý, chọn lọc để có những kết luận cần thiết, có được tầm nhìn khái quát về vấn đề nghiên cứu.

### *Phương pháp thực địa:*

Quá trình thực địa giúp sưu tầm thu thập tài liệu, nhằm nhận được thông tin xác thực cần thiết để thành lập ngân hàng số liệu cho việc hoàn thiện đề tài .

### *Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp:*

Phương pháp này giúp định hướng, thống kê, phân tích để có cách nhìn tương quan, phát hiện ra các yếu tố và sự ảnh hưởng của yếu tố tới hoạt động du lịch trong đề tài nghiên cứu; việc phân tích, so sánh, tổng hợp các thông tin và số liệu mang lại cho đề tài cơ sở trong việc thực hiện các mục tiêu dự báo, các chương trình phát triển, các định hướng, các chiến lược và giải pháp phát triển du lịch trong phạm vi nghiên cứu của đề tài.

## **6. Kết cấu của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, tài liệu tham khảo, nội dung của đề tài chia làm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về nghệ thuật Ca trù

Chương 2: Tìm hiểu về nghệ thuật Ca trù Đông Môn - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

Chương 3: Một số đề xuất nhằm bảo tồn và khai thác hiệu quả Ca trù Đông Môn phục vụ phát triển du lịch Hải Phòng.

## **CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ NGHỆ THUẬT CA TRÙ**

### **1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Ca trù**

#### **1.1.1. Câu chuyện truyền thuyết về vị tổ Ca trù**

Trước đây nhiều nhà nghiên cứu cho rằng ca trù có từ thời Lý - Trần - Hồ, thế kỷ XI, XII khi căn cứ vào các bức chạm khắc ở các chùa Phật Tích (Bắc Ninh), Thái Lạc (Hung Yên) và mấy chữ ả đào, đào nương trong các sách cổ Đại Việt sử ký toàn thư, Việt sử tiêu án, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Công dư tiệp ký. Nhưng thông qua những câu chuyện thần tích lưu truyền trong dân gian và những ngôi đình thờ tự các vị tổ ca trù, dấu tích chính thức sớm nhất của bộ môn nghệ thuật này là vào khoảng thế kỷ XV, thời Hậu Lê.

Ca trù có một truyền thuyết rất đẹp và lung linh huyền thoại về sự ra đời, trong đó, các vị tổ ca trù đã được chính các vị tiên xui khiến chế tác ra cây đàn đáy, mà tiếng đàn này có thể giải mọi phiền muộn, chữa được bệnh cho mọi người, tiếng đàn ấy còn se duyên cho hai vị tổ ca trù thành đôi lứa... Câu chuyện lưu truyền như sau: Vào đời Lê, Đinh Lễ, tự Nguyên Sinh, người làng Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, con nhà gia thế, tính tình phóng khoáng. Một hôm, Nguyên Sinh đem đàn nguyệt và rượu vào rừng thông để tiêu khiển, gặp được hai ông cụ già. Đó chính là hai tiên ông Lý Thiết Quài và Lã Động Tân. Hai tiên ông đưa cho chàng khúc gỗ ngô đồng và tờ giấy vẽ kiểu mẫu đàn và dặn đóng đàn theo kiểu mẫu như trong giấy. Tiếng đàn ấy sẽ trừ được ma quỷ, giải được phiền muộn. Nguyên Sinh y theo lời. Nhờ tiếng đàn kỳ diệu, chàng chữa được bệnh cho rất nhiều người. Một lần, Nguyên Sinh đến châu Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chàng đã chữa bệnh cho người con gái tên Hoa, con của vị Quan châu Bạch Đình Sa khỏi bệnh câm. Sau Nguyên Sinh và Bạch Hoa nên vợ nên chồng, sống cùng nhau rất hòa hợp tương đắc ở bên nhà Bạch công. Nguyên Sinh đã đặt ra lối múa hát mới, rồi lấy hai thanh tre vót thực đẹp để cho nàng gõ lên trên mảnh gỗ theo với nhịp đàn mà hát. Sau hai vợ chồng từ biệt ông bà nhạc dẫn nhau về quê Nguyên Sinh ở Cổ Đạm để lập nghiệp. Ít lâu sau, chàng gặp lại các vị tiên ông và được ghi tên tuổi vào tiên phả rồi cùng nhau hóa. Vợ Nguyên Sinh biết chuyện, bèn phát tán hết gia tài rồi đóng cửa dạy cho đám con em trong làng hát múa. Sau nàng

bệnh mà chết. Dân làng Cổ Đạm và đệ tử nhớ ơn lập đền thờ, gọi là đền Tô Cô đầu, hay là đền bà Bạch Hoa Công chúa. Trãi các triều đều phong tặng Đinh Lễ là Thanh Xà Đại vương, Bạch Hoa là Mãn Đào Hoa Công chúa.

Nhiều nơi có giáo phường ca trù trong khắp châu thổ Bắc bộ đều có đền thờ tổ ca trù. Trong đó gần kề Thăng Long - Hà Nội nhất phải kể đến làng Lỗ Khê thuộc xã Liên Hà, huyện Đông Anh ngoại thành Hà Nội. Làng có đình chùa riêng, trong làng còn có một đền thờ tổ ca trù, mà dân địa phương gọi là đình ca công. Đình ca công xây dựng từ bao giờ không rõ. Về mặt kiến trúc, quy mô hiện nay gồm 5 gian, kiến trúc như nhà ở dân dụng bình thường. Đình còn giữ được một bức hoành phi Sinh từ tự điển (Thờ phụng và dựng đền lúc còn sống) và bức phù điêu các vị tổ ca trù. Bản gốc của thần tích tổ ca trù cũng còn lưu tại đình ca công. Ngày nay, hàng năm vào dịp ngày 6 tháng 4 (ngày sinh của Đinh Lễ) hoặc ngày 13 tháng 11 (ngày hóa của Đinh Lễ), những nghệ sỹ ca trù ở Hà Nội và các vùng lân cận vẫn thường về “chón tổ” Lỗ Khê để tỏ lòng sùng phụng và gặp gỡ bạn nghề. Năm 1984, Trung tâm Nghe Nhìn (nay là Hãng Phim truyền hình Việt Nam) đã tổ chức làm phim “Hát cửa đình” tại Lỗ Khê. Đây cũng là dịp tập trung nhiều nhất các danh ca, danh cầm nổi tiếng trong giới ca trù như: Quách Thị Hồ, Nguyễn Thị Phúc, Nguyễn Thị Hào, Chu Văn Du, Nguyễn Thế Tuất, Phó Đình Kỳ, Đinh Khắc Ban, Phó Thị Kim Đức, Phạm Thị Mùi...

Vùng ven đô Thăng Long cũng còn một làng quê còn giữ được đền ca công. Đó là Phú Đô - một làng thuộc xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội. Tại đây cũng có một đền Ca công ở xóm 1. Đền có ba chữ “Ca công từ” xác nhận tên gọi của đền. Trong đền có một sắc phong có nội dung: Sắc cho Mãn Đường Hoa Phương Phi Chân Thực Từ Hoà Công chúa và Thanh Xà Thuận Bình Hưng Linh Thông Tuy Hưu Tích Hồ Đại vương. Niên đại của sắc là năm Chiêu Thống thứ 1 (1787). Sắc này cũng chỉ là một bản sao, vì trên sắc không thấy có dấu ấn triện. Thần tích hiện còn giữ cũng là một bản sao, trên giấy sắc, nội dung cũng không có gì khác thần tích Lỗ Khê.

Làng Phượng Cách, xã Phượng Cách, huyện Quốc Oai, Hà Tây cũ cũng là một nơi có di tích đền thờ tổ. Trong lịch sử nơi đây là một vùng rất thịnh của ca trù. Ở trong khu nhà thờ họ Nguyễn Thế (do ông Nguyễn Thế Mạnh trông nom) có một gian

điện thờ đức tổ ca trù với hai pho tượng tròn rất đẹp. Theo các vị cao tuổi trong dòng họ thì đây là nơi các giáo phường lớn nhỏ trong huyện Quốc Oai về dâng hương lễ tổ hàng năm. Phương Cách cũng là quê hương của ông Tụ So và bà Đào Nhu - một đào nương nổi tiếng đã từng chống Pháp. Gần đây nhất, dòng họ có Kép Tư Châu và cô Đào Phê (thường gọi là Bà Hương Phê), những danh ca, danh cầm ở ấp Thái Hà, Hà Nội trước 1945. (<http://nhacvietplus.vietnamnet.vn>.)

Bên cạnh những thần tích và di tích kể trên, gần đây với các tài liệu khảo cổ học, mỹ thuật học và nhất là tài liệu bằng chữ Hán Nôm xác thực và tin cậy, các nhà nghiên cứu đã khẳng định rằng tài liệu chính thức đề cập đến ca trù sớm nhất cũng là vào khoảng thế kỷ XV. Căn cứ về khảo cổ học là các bức chạm khắc đàn đáy - một cây đàn 3 dây đặc biệt chỉ dùng riêng trong ca trù, tìm thấy ở các ngôi đình làng, chùa làng ở Bắc bộ thế kỷ XVI. Tư liệu chữ viết là bài *Đại nghi bát giáp thưởng đào giải văn* của Tiến sĩ Lê Đức Mao (1462- 1529) trong sách *Lê tộc gia phả* (kí hiệu tài liệu A. 1855 thuộc Viện Hán Nôm) soạn trước năm 1505, tức là khoảng cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI. 500 năm về trước, tại đình làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm (Hà Nội) đã diễn ra lễ hội đầu xuân cầu phúc. Một văn nhân hay chữ trong làng là Lê Đức Mao thay mặt 8 giáp viết 9 bài thơ để các giáp đọc và khen thưởng cho các cô đào. Đây chính là tư liệu sớm nhất mang hai chữ Ca trù. Đây cũng là Bài thơ cổ nhất hiện biết có hai chữ Ca trù lần đầu tiên có mặt trong văn học viết.

Bài thơ cho chúng ta thông tin quan trọng: ngôi đình Đông Ngạc, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội có trước năm 1500 và hát cửa đình đã có trước năm 1500. Bài thơ cho ta mừng tượng ra không khí đại lễ trang nghiêm, hào hùng của lễ hội đầu xuân cầu phúc của làng Đông Ngạc hồi cuối thế kỷ XV. Trong ngày hội lớn của làng Đông Ngạc bấy giờ có ít nhất là 8 giáp, đã cùng nhau thưởng đào ở đình làng. Các cô đào hát những bài thơ ca ngợi thành hoàng làng và cầu phúc cho dân làng.

Trong bài thơ này, chữ “ca trù” xuất hiện hai lần: *Thọ bôi kể chực, ca trù điểm trãm* và *Mừng nay tiệc ca trù thị yến*. Ở câu thơ thứ nhất, chữ “ca trù” cho thấy đây là lời hát dùng thẻ (trù) để thưởng cho người hát người đàn (đào và kép). Mỗi khi thấy hay, người cầm châu gõ một tiếng “chát” vào tang trống để thưởng và khi đó sẽ thả

một thẻ tre (mỗi thẻ tương ứng một số tiền) vào chiếc chậu thau (để tiếng ném thẻ vào chậu thau sẽ báo cho đào kép biết là làng thưởng khiến cho họ hát càng hay hơn nữa). Ở câu thơ thứ hai, cho thấy tiệc ca trù được mở để thờ thần.

Hát thờ ở cửa đình Đông Ngạc cho thấy chiếc trống châu đã có vai trò riêng: để thưởng và để phạt (để khen và để chê), điều này nói lên rằng việc thưởng thức ca nhạc đã đạt được đến một chuẩn mực, một trình độ đáng kể. Chính việc khen chê như vậy (khen gọi là thưởng đào, hoặc thưởng đào) đã góp phần nâng cao các thành tố trong cuộc biểu diễn lên một trình độ mới. Tiếng hát, tiếng phách của đào nương, tiếng đàn đáy của kép và lời thơ đã có cái tiêu chuẩn để đánh giá. Trải qua nhiều thế kỷ, tục hát thờ thần ở đình Đông Ngạc vẫn được duy trì và tạo thêm nhiều yếu tố văn hóa đặc sắc, trong đó có lệ thưởng đào thị yến đã trở thành một nét đẹp về sự trân trọng của cộng đồng đối với nghệ thuật và nghệ sỹ. Và như thế có thể khẳng định rằng, vào thế kỷ XV, Ca trù đã trở thành một bộ môn nghệ thuật hoàn chỉnh.

### ***1.1.2. Thế kỷ XVI - Ca trù gắn với ngôi đình làng ở Bắc bộ***

Bước sang thế kỷ XVI, sự phát triển và phổ biến của ca trù được ghi nhận bằng các bức chạm khắc dân gian tại các đình làng. Các bức chạm đình Lỗ Hạnh (huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang) và đình Tây Đằng (xã Tây Đằng, huyện Ba Vì, Hà Nội) đều có các bức chạm hoặc tượng hình người cầm đàn đáy. Đình Tây Đằng có tượng tròn hình người đứng cầm đàn đáy. Đình Lỗ Hạnh có bức chạm tiên nữ ngồi trên mình con hươu cầm đàn đáy và một bức chạm khác có cả đám nhạc công đang hòa nhạc trong đó có 1 người đàn ông ngồi cầm đàn đáy. Hình ảnh này cho thấy ca trù đã có mặt trong những sinh hoạt văn hóa dân gian tại các làng quê và có mặt trong điêu khắc đình làng.

Ở chùa Cói (Thần Tiên tự), xã Hợp Thịnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc cũng có bức chạm người phụ nữ gảy đàn đáy. Tiếc rằng hiện vật đã bị cháy cùng với ngôi chùa, và chúng ta chỉ còn lại bức ảnh chụp bức chạm này. Đây là tư liệu mỹ thuật về đàn đáy duy nhất hiện biết tìm thấy ở một ngôi chùa.

Qua những hình chạm người cầm đàn đáy ở các đình, đền, có thể thấy rằng: đàn đáy đã trở nên phổ biến ở thế kỷ XVI, ở đồng bằng Bắc bộ. Đàn đáy mới đầu được sử dụng trong các cuộc hoà nhạc, cùng với các nhạc khí khác trong một đám đông (có khi có cả người múa), mà người đàn có thể là nam, có thể là nữ với tư thế là đứng hoặc ngồi. Về sau ca quán thính phòng ra đời, đàn đáy là loại đàn duy nhất trong cuộc hát.

### ***1.1.3. Thế kỷ XVII và XVIII - nghi lễ hát cửa đình trong các làng quê***

Tiếp tục dòng chảy của điêu khắc đình làng từ thế kỷ trước, sang đến thế kỷ XVII và XVIII chúng ta vẫn bắt gặp sự ghi nhận của dân gian đối với cây đàn đáy. Điều này càng chứng tỏ cây đàn đáy đã có một chỗ đứng trong đời sống và phong tục dân gian, và hoạt động diễn xướng ca trù đã trở thành một nét sinh hoạt phổ biến tại các đình làng dân gian.

Những ngôi đình có niên đại thế kỷ XVII như đình Đại Phùng (xã Đại Phùng, huyện Đan Phượng, Hà Nội), đình Hoàng Xá (xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, Hà Nội), đình Xóm (xã Hùng Lô, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ) hiện còn giữ các bức chạm những người đang sử dụng đàn đáy. Đặc biệt ở đình Đại Phùng đặc tả học đàn ở mặt sau hộp đàn đáy, còn bức chạm ở đình Xóm miêu tả cả nhóm nhạc công đang hoà nhạc.

Hai ngôi đền có niên đại thế kỷ XVIII là đền Tam Lang (xã Ích Hậu, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh) và đền Lê Khôi (huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh) cũng cho các cứ liệu rất cụ thể về đàn đáy, phách và sinh hoạt diễn xướng ca trù ở thế kỷ XVIII. Các bức chạm này có nét điêu khắc tinh tế hơn chứ không còn vẻ mộc mạc thô phác của các bức chạm trước đó. Điều này thể hiện rõ nhất là những đặc tả về trang phục và vũ điệu mềm mại của các nghệ sĩ dân gian. Các nghệ sĩ đã mang trang phục của nghi lễ hát thờ, với chiếc mũ trên đầu, hoặc búi tóc gọn ghẽ và khá kiểu cách, và những bộ trang phục của những vũ công chuyên nghiệp. Đây cũng là tư liệu rất quý, làm cơ sở cho việc phục hồi các nghi thức hát thờ tại các đình đền trong dân gian.

Về các nhạc cụ và trình diễn các nhạc cụ, các bức chạm này không những miêu tả một cảnh hoà nhạc vui vẻ, với sự góp mặt của đàn đáy và cỗ phách, của sáo, trống



com, chũm chọe. Điều này cho biết trong sinh hoạt ca trù tại các cuộc vui mang tính cộng đồng như thế, ngoài đàn đáy và phách, sự góp mặt của các nhạc cụ khác càng làm cho không khí thêm rộn ràng và ca trù trong lúc này không chỉ có ba thứ nhạc cụ là trống châu, đàn đáy và phách như ca trù về sau.

Như vậy, qua các ngôi đình có các bức chạm các cảnh sinh hoạt ca trù và việc sử dụng cây đàn đáy, chúng ta biết ca trù có mặt ở các tỉnh Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Hà Tây, Hà Tĩnh. Nguồn tư liệu văn bia cũng cho biết giáo phường ca trù đã phục vụ hát thờ ở khắp vùng đồng bằng châu thổ Bắc bộ. Đó là các tỉnh Hà Tây (cũ), Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Hải Dương, Nam Định. Tỉnh có nhiều bia nhất là Hà Tây cũ (33 bia), trong đó các huyện có nhiều bia là Quốc Oai (10 bia), Phú Thọ (8 bia), Thạch Thất và Đan Phượng (mỗi huyện 6 bia). Trong các huyện của các tỉnh thì huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc có nhiều bia nhất, với 19 bia. Hà Nội có 11 bia, chủ yếu ở ngoại thành và đều thuộc thế kỷ XVIII. Các tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Nam Định mỗi tỉnh 1 bia. Những tỉnh thành khác, tuy không có các văn bia ghi nhận nhưng thực tế, sinh hoạt ca trù đã có mặt ở hầu khắp các làng quê mỗi dịp tế thân. Các bản hương ước, tục lệ của các làng quê có ghi nhận về những ngày tiệc lớn trong làng đều có hát thờ ở cửa đình, nhiều khi là kéo dài vài ba ngày thậm chí cả nửa tháng trời. (<http://nhacvietplus.vietnamnet.vn/>)

Trong thế kỉ XVII - XVIII, việc tổ chức giáo phường Ca trù cũng được hoàn tất. Theo ghi chép của các văn bia thì Ty giáo phường là một tổ chức quản lí hoạt động ca xướng tương đương cấp huyện. Giáo phường các xã thuộc về Ty giáo phường của huyện. Mỗi huyện thường có một Ty giáo phường. Người đứng đầu Ty giáo phường là một ông trùm. Ty giáo phường chia việc giữ các cửa đình trong huyện cho các giáo phường. Việc giữ này được truyền từ đời này qua đời khác.

Các giáo phường này được phép toàn quyền biểu diễn tại đình làng này, hoặc được phép mời giáo phường khác đến hát giúp trong một dịp nào đó. Ngược lại, giáo phường cũng có một số trách nhiệm đóng góp vào các nghi thức hát xướng tế lễ của làng, theo mức độ quy định giữa làng xã sở tại với giáo phường.

Xã có thể có một hoặc nhiều giáo phường. Mỗi giáo phường là một họ riêng. Đúng đầu là một ông trùm họ. Người thuộc về họ nào, lấy chữ họ đó đặt trên trước tên mình. Ví dụ tên là Thuận mà thuộc về họ Thịnh thì gọi là Thịnh Thuận.

Giáo phường Ca trù xưa kia còn tôn vinh tri ân người có công truyền nghề. Giáo phường Ca trù không những biểu diễn phục vụ trong các lễ hội dân gian ở các làng xã mà còn vượt ra khỏi địa phương để tham gia vào các nghi thức tiếp khách của nhà nước. Từ đó cho phép nhận định rằng nghệ thuật Ca trù vào thế kỉ XVIII đã là một trong những đại diện của âm nhạc nước ta được đem giới thiệu trong hoạt động đối ngoại ở cấp quốc gia.

#### **1.1.4. Thế kỉ XIX**

Trong thời kì này ghi dấu sự hoàn thiện của thể cách hát nói, cả về mặt âm nhạc, văn chương và việc thưởng ngoạn. Sự ra đời và phát triển của thể Hát nói vừa với tư cách là một thể loại văn học, vừa với tư cách là một thể Ca trù mới đã đánh dấu bước phát triển cao của Ca trù. Hát nói là một thể thơ ca dân tộc được sinh ra từ nhu cầu của môn nghệ thuật Ca trù trở thành một thể thơ độc đáo đối với văn học Việt Nam nói chung và văn học chữ Nôm nói riêng. Cùng với lục bát, song thất lục bát, Hát nói là một sáng tạo về mặt thể loại của văn học chữ Nôm Việt Nam. Hát nói có ba cách gọi khác nhau: Hát nói (nếu đào hát), hát Hà Nam (nếu là hát kép), Hát nói (chỉ các bài đôi khổ).

Ngoài hát nói đủ khổ (11 câu) thì thể Hát nói còn có một số biến thể khác như: Hát nói thiếu khổ (bài hát chỉ có 6 câu thơ), Hát nói đôi khổ tức là đôi thêm một hoặc nhiều khổ (mỗi khổ 4 câu thơ), hát nói gói hạc (một vài câu thơ kéo dài ra, số chữ trong câu thơ có thể là 12, 18 và thậm chí là 24 chữ)

Hát nói thường hay đi cùng với Hát Mưỡu. Hát Mưỡu được hát mở đầu hay kết thúc cho một bài hát nói. Hát nói không nhằm tới việc thuyết giáo hay rao giảng mà chỉ nhằm tới một nhu cầu rất chính đáng của con người đó là nhu cầu giải trí.

Ca trù ở Ca quán được tinh giản chỉ gồm: phách, đàn đáy và chiếc trống châu. Thơ nương vào nhạc và nhạc là để phục vụ cho thơ, người nghe nhằm đến thưởng thức

thơ là chính. Trong lịch trình phát triển của Ca trù, chỉ đến khi có Ca trù ca quán mới có môi trường của văn nhân và ca nương.

#### **1.1.5. Thế kỷ XX**

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, người Pháp đã đặt xong nền đô hộ tại Đông Dương. Nhiều tỉnh lỵ, huyện lỵ được mọc lên bên cạnh những trục đường giao thông lớn nhỏ. Một số giáo phường ca trù ở nông thôn đã di chuyển ra tỉnh và bám theo dọc các trục đường giao thông để mở nhà hát (ca quán).

Trước kia người hát đến nhà người nghe hát. Kể từ khi có ca quán, người nghe hát đến ca quán để nghe hát. Từ đó nảy nở môi trường giữa văn nhân và đào nương. Khắp các nơi phố thị, ca quán ca trù mọc lên như nấm sau mưa. Ở miền Trung thì Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, tỉnh nào cũng có nhà hát cô đầu. Ở miền Bắc những thành phố lớn đều có nhà hát, ở Nam Định trước cô đầu mở nhà hát ở phố Hàng Thao, sau thiên xuống Ngã Sáu. Theo phóng sự điều tra của ký giả Hồng Lam trên báo Trung Bắc chủ nhật số 129, năm 1942 thì riêng năm 1938, ngoại ô Hà Nội có 216 nhà hát và gần 2000 cô đầu tập trung trước thì ở Hàng Giấy, áp Thái Hà, sau đến Khâm Thiên, Ngã Tư Sở, Vạn Thái, Chùa Mới, Cầu Giấy, Kim Mã, Văn Điển, Gia Quất.

Trong các khu phố có các ca quán ả đào, Khâm Thiên và Ngã Tư Sở là những địa chỉ tiêu biểu vì sự gắn bó với các nhà văn nhà thơ nổi tiếng: Tản Đà, Nguyễn Tuân, Vũ Bằng, Hoài Điệp Thứ Lang, Vũ Hoàng Chương.

Khâm Thiên là nơi nhộn nhịp nhất của làng cầm ca thuở ấy. Nơi đây có nhà hát 24 gian, có những người quản lý giỏi, khiến cho cả khu phố quanh năm đỏ đèn. Nhà văn Vũ Bằng gọi xóm Khâm Thiên là “cái nôi văn nghệ của Hà Nội”. Ông cho biết: “tôi chưa thấy có nhà văn nhà báo đất Bắc nào mà lại không ra vào nhà hát cô đầu”, và các xóm cô đầu “quả là cái lò đúc ra văn nghệ sĩ”. Và ông kể về việc làm báo ở những tòa báo “lúc đó ở những con đường Nhà thương Phủ Doãn nhưng thật tình chỉ có một anh quản lý và một người tùy phái ở đây thường trực mà thôi. Còn bao nhiêu nhân viên tòa soạn thiết lập đại bản doanh ở Khâm Thiên, Vạn Thái... Đại bản doanh lưu động, nay ở nhà này mai ở nhà khác. Chúng tôi viết bài, sửa bài ở nhà hát rồi gói tròn

cả lại để vào một chỗ nhất định. Sáng ra người tùy phái đạp xe cọc cà, cọc cách xuống lấy bài, đem về cho nhà in xếp chữ. Mỗi tuần lễ một lần, tôi lại hạ san từ xóm về nhà in để “mi” và vét tiền kết chi nhà hát”.

Phải nói rằng văn hóa ả đào, văn hóa ca trù đã thấm đẫm trong sáng tạo của thi sĩ, văn sĩ trước 1945. Cũng tại Khâm Thiên, Nguyễn Tuân đã sống và tích lũy vốn liếng cho các tác phẩm về ca trù như Đới roi, Chùa Đàn. Trần Huyền Trân đã sống ở ngõ Cống Trắng, Khâm Thiên, và đã viết tặng danh ca Quách Thị Hồ những dòng thơ chứa chan niềm ưu tư trong bài “Sầu chung” (Năm ấy Quách Thị Hồ tròn 30 tuổi):

Tự cổ sầu chung kiếp xướng ca  
Mệnh mông trời đất vẫn không nhà  
Người ơi mưa đây ? Hay sênh phách?  
Tay yếu gieo lòng xuống chiếu hoa. ...  
Thôi khóc chi ai kiếp đọa đầy  
Tỳ bà tâm sự rớt nhau say  
Thơ ta gửi tặng người ngâm nhé  
Cho vút giọng sầu tan bóng mây.

Thế Lữ, Vũ Hoàng Chương, Xuân Diệu, Nguyễn Bính cũng có nhiều bài thơ gửi gắm tâm hồn đồng điệu với các đào nương đem tài sắc tuổi thanh xuân dâng tặng tri âm. Thường thức ca trù gọi là “nghe hát”, chứ không phải là “xem hát”. Đào nương ca trù chỉ ngồi yên gần như bất động trong suốt cuộc hát trên một mảnh chiếu cạp điều, với vẻ mặt bình thản, đoan trang. Đào nương chỉ có một cỗ phách tre đặt trước mặt và “đối thoại” với khách nghe chỉ bằng giọng hát và tiếng phách của mình. Thế nhưng nghệ thuật này đã góp cho văn chương hàng nghìn bài thơ viết bằng chữ Nôm chứa đựng rất nhiều tâm trạng, rất nhiều biến thái vi tế của tâm hồn Việt Nam qua

nhiều thế kỷ với các tên tuổi tiêu biểu như: Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Dương Tự Nhu, Nguyễn Hàm Ninh, Chu Mạnh Trinh, Vũ Phạm Hàm, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Bội Châu, Bùi Kỳ, Tản Đà...

Cùng với sinh hoạt ả đào ở các ca quán đô thị, tại các nhà giam đế quốc, các tù chính trị là các trí sĩ yêu nước, những chiến sĩ cộng sản kiên cường đã vui hát ả đào hàng ngày sau song sắt nhà tù thực dân khủng khiếp để rồi vượt qua không gian chật hẹp đó, kêu gọi quần chúng tập hợp đi theo cách mạng và vững tin vào ngày thắng lợi.

Tại Huế, vào những năm trước cách mạng tháng Tám, vẫn là nơi diễn ra các nghi lễ cung đình để chúc thọ Hoàng đế. Các thi sĩ thuộc Hoàng tộc như Ứng Bình Phúc Gia Thị cũng rất chuộng hát Ả đào và đã sáng tác nhiều bài thể Hát nói.

Song, bên cạnh đó, do ảnh hưởng của nền văn minh phương Tây, những nền tảng đạo đức của dân tộc ta bị lung lay khiến các lề lối, luật lệ khắt khe của Ca trù bị phá vỡ. Ca trù trở thành một thứ kinh doanh, phục vụ nhu cầu của tầng lớp quan lại, người giàu sang thỏa mãn ăn chơi, hưởng lạc khiến ca trù không còn là một thú vui tao nhã. Chính vì thế, sau năm 1945, trong một thời gian khá dài sinh hoạt ca trù vốn tao nhã và sang trọng trước đây đã bị hiểu lầm và đánh đồng với các sinh hoạt thiếu lành mạnh ở một số ca quán đô thị khiến cho xã hội chối bỏ và quyết loại sinh hoạt ca trù ra khỏi đời sống văn hóa. Ca trù đã không được nuôi dưỡng và phát triển một cách tự nhiên, không được tôn vinh đúng mức, phải chịu tồn tại thiếu sinh khí và tàn lụi. Để tránh mang tiếng xấu, sợ người đời khinh miệt, hầu hết các nghệ nhân Ca trù từng nổi tiếng một thời, người thì mai danh ẩn tích, người thì rời bỏ giáo phường, bỏ phách, bỏ đàn đi tìm nghề khác để kiếm sống. Nhắc đến Cô đầu người ta sợ. Nhắc đến hát Ả đào người ta nghĩ đến một thú ăn chơi làm cho người ta khuyh gia bại sản, có hại cho phong hóa và luân lý. Nghề hát của đào kép ả đào, của sinh hoạt Ả đào, Cô đầu bị xã hội xa lánh và nhìn nhận rất ác cảm, khiến cho ca trù không thể nảy mầm trở nụ trong suốt hàng chục năm sau đó. Năm 1976, giáo sư Trần Văn Khê từ Pháp trở về. Ông đã đến Khâm Thiên gặp bà Quách Thị Hồ. Tại đây ông đã ghi âm tiếng hát của bà để giới thiệu với thế giới. Năm 1978, Hội đồng âm nhạc quốc tế của UNESCO và viện nghiên cứu quốc tế về Âm nhạc so sánh đã trao bằng cho bà vì công lao đặc biệt trong việc

bảo tồn một bộ môn âm nhạc truyền thống có giá trị văn hóa nghệ thuật cao. Năm 1988, tại Liên hoan Quốc tế Âm nhạc tại Bình Nhưỡng, có sự tham gia của 29 quốc gia, băng ghi âm tiếng hát của bà đại diện cho Việt Nam đã được xếp hạng cao nhất.

Năm 1991, với sự cố gắng bền bỉ của nghệ sĩ Lê Thị Bạch Vân, cùng với sự giúp đỡ của các nghệ sĩ già, Câu lạc bộ Ca trù Hà Nội ra đời. Câu lạc bộ này hoạt động liên tục từ đó đến nay, được nhiều người biết tới, nhiều báo chí đưa tin và khen ngợi.

Năm 1995, nhóm Ca trù Thái Hà và nhiều nhóm khác đã lần lượt ra đời, đi vào hoạt động. Nhóm Ca trù Thái Hà được coi là nhóm Ca trù đầy đủ và bề thế nhất hiện nay.

Năm 1997, một nhóm ca trù khác cũng tự phát hình thành và thường xuyên hoạt động tại đền Bích Câu, mà chủ nhiệm câu lạc bộ là người làng Lỗ Khê, nơi vốn có truyền thống hát Ca trù lâu đời.

Năm 2000, Liên hoan Ca trù mở rộng được tổ chức tại Văn miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội, lần đầu tiên tụ họp những người hát ca trù của 14 tỉnh thành trong cả miền Bắc.

Nhờ có sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội cùng với sự nỗ lực cố gắng của các nghệ nhân, sự hăm mộ nhiệt tình của đông đảo công chúng, bắt đầu từ đó, Ca trù đã tìm được chỗ đứng của âm nhạc cổ truyền trong xã hội đương đại.

#### ***1.1.6. Ca trù hiện nay***

Trải qua hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển, Ca trù đã trở thành một loại hình ca nhạc cổ truyền của dân tộc. Đã từng có một thời Ca trù giữ vai trò khá đặc biệt trong đời sống cộng đồng. Nó thịnh hành ở nhiều vùng đất Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Hà Nội, Hà Tây, Bắc Ninh, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng...

Sau một thời dài trầm lắng, nghệ thuật Ca trù đang từng bước được khôi phục và đi vào đời sống bằng nhiều cách. Từ năm 2000 tới nay, một số cuộc Liên hoan Ca trù đã được tổ chức nhằm quảng bá loại hình nghệ thuật văn hóa truyền thống đặc sắc

này tới cộng đồng rộng rãi hơn như: Liên hoan Ca trù Hà Nội (2000), Liên hoan Ca trù toàn quốc (2005), Đêm Ca trù toàn quốc (2006), Thi hát Ca trù toàn quốc và đêm tôn vinh Ca trù (2007), Liên hoan câu lạc bộ ca trù toàn quốc (10/2009)... Những động thái tích cực này phần nào đã giúp nghệ thuật Ca trù nhận được sự chú ý của công chúng trong nước và bạn bè quốc tế; thêm nữa, nó khích lệ các nghệ nhân thêm vững tâm theo nghiệp đàn, hát mà cha ông để lại.

Sinh hoạt Ca trù hiện nay ở các địa phương thường diễn ra với các hình thức: hát phục vụ lễ hội địa phương như hội làng, hội xuân, mừng thọ; hát phục vụ các chính quyền, các tổ chức xã hội; hát trong các buổi sinh hoạt câu lạc bộ thường kì.

Tuy có những khởi sắc nhất định, nhưng giới nghiên cứu âm nhạc dân gian Việt Nam vẫn không khỏi lo ngại về công tác gìn giữ, phát huy giá trị của loại hình nghệ thuật Ca trù. Có một thực trạng đáng buồn là mặc dù Ca trù đã bước đầu được Đảng và Nhà nước quan tâm nhưng số người biết hát, biết đàn, biết thưởng thức Ca trù thuộc diện “con nhà nòi” hiện nay không nhiều. Phần lớn các nghệ nhân biết đàn, biết hát, biết nghe Ca trù đã ở tuổi “thất thập cổ lai hi”. Một mặt do xã hội chưa thật sự trân trọng; mặt khác do nghệ nhân già yếu và thế hệ trẻ chưa được đào tạo kịp để có khả năng tiếp thu, giữ gìn vốn nghệ.

Trước tình trạng đó, năm 2002, Cục nghệ thuật Biểu diễn thuộc Bộ văn hóa - Thông tin đã phối hợp với nhạc viện Hà Nội tổ chức lớp đào tạo diễn viên trẻ Ca trù, bao gồm 41 học viên học hát và 24 học viên chơi đàn đáy và đánh trống châu. Sau khi kết thúc đào tạo họ quay về địa phương, tiếp tục cùng các nghệ nhân mở lớp đào tạo Ca trù, thành lập thêm các câu lạc bộ ca trù ở nhiều làng, xã. Hiện nay Ca trù bắt đầu sống lại, tiếng hát ca trù đã gây được ấn tượng tại các cuộc hội diễn, hội thi, liên hoan nghệ thuật tổ chức tại các địa phương trong và ngoài nước.

Song song với quá trình đào tạo nghệ, nhiều hoạt động khác cũng được thực hiện nhằm đóng góp vào công tác bảo tồn và phục dựng một trong những vốn văn hóa cổ truyền của dân tộc. Một cuộc kiểm kê, khảo sát trên qui mô lớn đã được thực hiện tại 14 tỉnh thành trên toàn quốc có sự hiện diện của nghệ thuật ca trù là Hà Nội, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định,

Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, TP. Hồ Chí Minh. Theo kết quả báo cáo của nhà nghiên cứu Hồ Thị Hồng Dung (Viện Âm nhạc Việt Nam), tính đến tháng 10/2008, cả nước có 63 câu lạc bộ ở 14 tỉnh thành, tổng số người biết đàn, hát và múa Ca trù trong cả nước gồm 769 người (513 đào nương, 256 kép đàn và người đánh trống chầu). Số lượng các di tích liên quan đến ca trù là 99 di tích.

Hà Nội kể từ khi sát nhập với Hà Tây (cũ) đã trở thành địa phương có số đào nương nhiều nhất (130 người), nhưng số lượng kép đàn và người chơi trống chầu lại đứng thứ 2, sau Quảng Bình (59 người). Kết quả khảo sát và kiểm kê của các chuyên gia cho thấy, đây cũng là hai địa danh có số lượng CLB hát ca trù nhiều nhất (Hà Nội có 13 CLB, Quảng Bình có 11 CLB), các tỉnh Vĩnh Phúc và Nam Định được ghi nhận là có số người biết đàn hát và số tổ chức sinh hoạt Ca trù ít nhất.

Hiện nay, nghệ thuật Ca trù Việt Nam và những gì liên quan, như di tích, tư liệu vẫn đang được các tỉnh cố gắng bảo tồn và coi đó là tài sản văn hóa của địa phương mình. Theo tổng kết của Viện Âm nhạc Việt Nam thì chúng ta đang sở hữu 42 bài bản ca trù, 7 điệu múa, 117 băng - đĩa tiếng suu tầm điền dã, 250 băng - đĩa hình, 25 cuốn sách viết về ca trù...

Một tín hiệu đáng mừng cho sự hồi sinh của nghệ thuật Ca trù là 14h45 (giờ Việt Nam, tức 10h45 giờ Abu Dhabi) ngày 1/10/2009, Ca Trù của Việt Nam được UNESCO ghi danh vào *Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp*. Trong lần xét chọn đầu tiên kể từ khi Công ước có hiệu lực, Việt Nam đã quyết định đề cử Ca trù vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp bởi mặc dầu đã được phục hồi trong 5 năm gần đây nhưng nguy cơ thất truyền những bài bản, thể cách của Ca trù xưa đang đặt ra như một thách thức không dễ gì giải quyết.

Việc Ca trù trở thành *Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp* mang lại nhiều lợi ích cho ngành du lịch Việt Nam, sẽ không chỉ ca trù được thế giới biết đến mà hình ảnh Việt Nam sẽ có cơ hội quảng bá rất lớn, vì chúng ta đang nỗ lực hết mình để quảng bá hình ảnh đất nước qua con đường văn hóa. Sẽ có thêm nhiều du



khách quốc tế đến Việt Nam để mong được một lần thưởng thức loại hình nghệ thuật truyền thống đặc sắc này. Song bên cạnh đó, việc công nhận danh hiệu của UNESCO cũng đặt ra không ít thách thức đối với việc gìn giữ và phát huy một trong những vốn quý của dân tộc. Theo nhạc sĩ Đặng Hoàn Loan, người có nhiều năm nghiên cứu về ca trù, cho biết thách thức đối với việc bảo tồn ca trù chủ yếu xuất phát từ đặc trưng của chính loại hình này:

Ca trù là hình thức nghệ thuật rất chuyên nghiệp. Việc đào tạo nghệ nhân đòi hỏi phải có thời gian, có quy trình nghiêm ngặt, lâu dài. Ca trù không phải là văn hóa bình dân, mà ca từ của nó rất bác học, đòi hỏi sự tham gia sáng tác của giới trí thức, các nhà văn, nhà thơ. Thêm vào đó, âm nhạc đi kèm ca trù cũng rất phức tạp. Không gian trình diễn ca trù cũng không thể diễn ra ở mọi nơi, mọi lúc mà cần có đặc trưng riêng. Cũng như âm nhạc thính phòng không thể mang ra đường phố biểu diễn. Chính vì vậy, để bảo tồn ca trù, cần rất hiểu về hình thức nghệ thuật này. (Luu Hà. Ca trù được công nhận là di sản văn hóa thế giới.[trực tuyến]. *Ca trù Thăng Long*. Đọc từ: <http://www.catruthanglong.com/p289-ca-tru-duoc-cong-nhan-la-di-san-the-gioi.html>)

Bảo tồn đã khó, đưa vào khai thác trong du lịch như thế nào cho hiệu quả mà không làm mất đi cái hay, cái đẹp, cái bản sắc của nghệ thuật Ca trù còn khó hơn. Hy vọng rằng với sự phân công, phân nhiệm như hiện nay (Theo cam kết của Việt Nam với UNESCO, Ca trù thuộc lĩnh vực quản lý chuyên môn của Viện Âm nhạc, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch), các cơ quan ban ngành đoàn thể có liên quan sẽ cùng phối hợp để Ca trù mãi mãi là niềm tự hào của văn hóa Việt và là một điểm sáng thu hút bạn bè du khách bốn phương.

## **1. 2. Đặc trưng nghệ thuật của Ca trù**

### ***1.2.1. Về tên gọi của Ca trù***

Trong nền âm nhạc dân tộc cổ truyền Việt Nam, không một thể loại âm nhạc nào lại đa diện, đa sắc như nghệ thuật Ca trù. Trải qua dòng chảy của thời gian, tùy theo từng không gian văn hóa hay chức năng phối thuộc mà loại hình này mang những tên

gọi với nhiều ý nghĩa khác nhau. Nguyên tắc đặt tên của Ca trù rất phong phú và có thể phân loại như sau:

- Tên gọi xuất phát từ danh từ chỉ người nghệ sĩ thực hành âm nhạc được dùng như danh từ chỉ thể loại: Hát Ả đào, Hát Ca công.

- Tên gọi thể loại xuất phát từ địa điểm, không gian văn hóa sinh hoạt: Hát Cửa quyền, Hát Cửa đình và Hát Nhà tơ.

- Tên gọi thể loại gắn với danh từ phẩm chỉ chỉ chế độ “tiền bảo hiểm” cho đào nương lão thành: Hát Cô đầu; đồng thời, cô đầu cũng chính là danh từ chỉ người ca nương giống như chữ ả đào...

- Tên gọi thể loại xuất phát từ hành động diễn xướng, sân khấu: Hát Nhà trò.

- Tên gọi thể loại hình thành danh từ chỉ phương thức chi trả thù lao cho đào kép: Hát Ca trù.

Trên cơ sở các cách đặt tên như vậy, có thể thống kê Ca trù có 8 tên gọi khác nhau:

#### *1.2.1.1. Hát Ả đào*

Nguồn gốc của tên gọi này bắt nguồn từ đời vua Lê Thái Tổ có người ca nương tên Đào Thị giỏi nghề ca hát, thường được nhà vua ban thưởng. Người thời bấy giờ ngưỡng mộ danh tiếng của đào nên phàm ca hát đều gọi là Đào nương hay Ả đào.

#### *1.2.1.2. Hát Ca trù*

Ở cửa đền ngày xưa có lệ hát thẻ. Thẻ gọi là Trù, làm bằng mảnh tre ghi mức tiền ứng với giá trị mỗi thẻ, dùng để thưởng cho ả đào thay cho tiền mặt. Khi hát, quan viên thị lễ chia ngồi hai bên, một bên đánh chiêng (cồng) và một bên đánh trống. Chỗ nào ả đào hát hay, bên trống thưởng một tiếng chát, bên chiêng đánh một tiếng chiêng rồi thưởng cho một cái trù. Vì thế hát Ả đào còn được gọi là Ca trù, nghĩa là hát thẻ. Có thể nói Ca trù thể hiện rõ tính thương mại của một loại hình nghệ thuật - tức

loại hình nghệ thuật này đã đạt tầm nghệ thuật cao để trở thành một giá trị hàng hóa trong đời sống xã hội.

#### *1.2.1.3. Hát Cửa quyền*

Đây là hình thức sinh hoạt nghệ thuật Ca trù trong các nghi thức của cung đình phong kiến. Chức quan phụ trách phần lễ nhạc trong cung gọi là quan Thái thường. Hát Cửa quyền được dùng vào các dịp khánh tiết của hoàng cung.

#### *1.2.1.4. Hát Ca công*

Cho đến cuối thời Lê, Ca công là danh từ được dùng để chỉ các nghệ sĩ chốn giáo phường. Theo đó Hát Ca công hàm ý là âm nhạc Giáo phường. Hát Ca công thời xưa là một thể loại rất phổ biến, bao trùm khắp nơi chốn, phường hội của những nghệ sĩ dân gian chuyên nghiệp.

Danh từ Ca công thời xưa rất thông dụng ở khắp các vùng miền Bắc. Thế nhưng về sau, tên gọi Ca công lại được dùng phổ biến ở Thanh Hóa. Điều đó có nghĩa là trải theo năm tháng thuật ngữ cổ xưa này đã biến mất khỏi cộng đồng Bắc Bộ - trung tâm văn hóa của Đại Việt và được lưu giữ được tại vùng ngoại biên.

#### *1.2.1.5. Hát Cửa đình*

Đây là hình thức sinh hoạt Ca trù phục vụ cho nghi thức tế lễ thần thánh ở các đình hay đền làng. Trên thực tế, người ta còn mượn không gian đình đền để tổ chức hát Ca trù với mục đích giải trí đơn thuần. Song, hát lễ vẫn là hình thức được coi trọng hơn cả với một hình thức diễn xướng tổng hợp kéo dài. Bởi vậy thuật ngữ Hát Cửa đình vẫn được sử dụng với hàm ý chỉ loại âm nhạc Ca trù mang chức năng nghi lễ tín ngưỡng nơi đình (đền) làng.

#### *1.2.1.6. Hát Nhà trò*

Trong hình thức Hát cửa đình, bên cạnh âm nhạc bao giờ cũng có sự kết hợp của nghệ thuật múa và một số trò diễn mang tính sân khấu. Người ta gọi đó là “bỏ bộ”.

Ả đào miệng hát tay múa uốn éo lên xuống, làm bộ điệu người điên, người say rượu, người đi săn..., vì vừa hát vừa làm trò nên gọi là hát Nhà trò.

#### *1.2.1.7. Hát Nhà tơ*

So với các tên gọi khác của nghệ thuật Ca trù, Hát Nhà tơ là một thuật ngữ ít phổ biến. Cách gọi này xác định hình thức sinh hoạt phục vụ nhu cầu giải trí của nghệ thuật Ca trù trong môi trường nhà quan lại. Tuy nhiên, Hát Nhà tơ còn có thể hiểu theo nghĩa khác: Đời Hồng Đức (1470 - 1497) nhà Lê, Ty giáo phường là một thiết chế do triều đình sắp đặt để trông coi âm nhạc chốn dân gian. Về sau khái niệm này còn được dùng phổ biến ở thế kỉ XVII, XVIII. Vì thế khái niệm Hát Nhà tơ - hát Nhà ty rất có thể chỉ là cách “diễn Nôm” phiếm chỉ loại hình âm nhạc của Ty giáo phường mà thôi.

#### *1.2.1.8. Hát Cô đầu*

Những ả đào danh ca dạy con em mình thành nghề, mỗi khi đi hát đình đám, bọn con em phải trích ra một món tiền để phụng dưỡng thầy gọi là tiền Đầu. Sau người ta dùng tiếng cô hay ả cho rõ ràng và tiếng đầu thay thế tiếng đào để tỏ ý tán tụng là bậc danh ca lão luyện đã dạy nhiều con em thành tài và được tặng nhiều món tiền đầu nên được gọi là Cô đầu. Tên gọi này của nghệ thuật Ca trù chính là sự phản ánh phần nào nhu cầu “Nôm Hóa” ngôn ngữ, đồng thời phản ánh một luật tục của giới nghề, đó là việc trọng thầy và phụng dưỡng thầy. Trong lịch sử nghệ thuật Ca trù, có lẽ đây là tên gọi xuất hiện muộn hơn cả và được giới thị thành biết đến nhiều hơn - trước khi thể loại này biến mất khỏi đời sống xã hội vào cuối thập niên 50 của thế kỉ XX.

#### *1.2.2. Thành phần của một chầu hát*

Một chầu hát có ba thành phần chính:

- Một ca sĩ (gọi là **Đào nương**, còn được gọi là Ca nương, Ả đào): là người nữ, thường là người hát, kết hợp sử dụng bộ phách gõ lấy nhịp. Người nữ đánh đàn đáy sẽ được gọi là “Đào đàn”<sup>1</sup>.

---

<sup>1</sup> Sách Việt sử tiêu án viết, vào thời Lê Thái Tổ, có người ca nhi họ Đào hát hay, được vua ban thưởng. Người sau vì mộ danh tiếng của Đào thị nên gọi con hát là Đào nương. Sách Công dư tiệp ký chép

Ca nương là một trong ba thành phần quan trọng của một chầu hát Ca trù. Chính vì vậy có thể khẳng định sự tồn tại của Ca trù luôn luôn gắn liền với các đào nương: “không có đào nương bắt thành ca trù, khi nói tới ca trù không thể không nói tới đào nương”. Để trở thành một đào nương cũng không phải là một chuyện dễ, phải hội được nhiều tiêu chuẩn khắt khe như giọng hát, năng khiếu âm nhạc (thảm âm, gõ phách), tri thức âm nhạc và văn thơ, lòng đam mê và kiên trì... Do đó sự tồn tại của ca trù được quyết định bởi chính các đào nương. Các đào nương là người truyền tải và thể hiện những cái hay, cái đẹp, cái độc đáo của ca trù, giúp ca trù tồn tại cho đến ngày nay.

Ca trù là nghệ thuật chuyên nghiệp cho nên nó rất thận trọng trong việc đào tạo ca nương. Người ca nữ trước tiên phải học cho thật thành thạo 5 khổ phách. Yêu cầu là phải gõ phách đúng cao độ và trường độ, có thể tập phách với đàn. Sau khi gõ phách đã thành thạo thì sẽ học hát. Ca trù chỉ có năm khổ phách, nhưng phách lại là một yếu tố rất cơ bản để đánh giá trình độ của người ca nữ. Người ca nữ giỏi là người biết biến hóa tiếng phách của mình, tùy theo từng bài thơ hoặc tùy theo ý riêng của mình. Người trong nghề nghe tiếng phách mà biết cá tính sáng tạo của người ca nữ. Song điều quan trọng nhất là cho dù có biến hóa thế nào, thì phách ca trù vẫn có trong một khuôn khổ nhất định, và sự biến hóa này là để phục vụ cho việc phô diễn sự tinh tế của bài thơ mà nghệ sĩ đang thể hiện. Cách lấy hơi nhả chữ là một nét rất độc đáo khác của ca trù. Khác với các lối hát cổ truyền khác, cách lấy hơi trong hát ca trù tinh tế và phức tạp hơn. Trong khi hát chèo, người nghệ sĩ lấy hơi chủ yếu là từ khoang miệng, trong hát quan họ, người nghệ sĩ lấy hơi ở khoang miệng và cổ họng; thì hát ca trù, người nghệ sĩ lấy hơi không chỉ ở khoang miệng hay cổ họng mà còn vận hơi từ đan điền lên, lấy hơi ở khoang mũi nữa. Điều này rất khó, nhưng cái khó hơn là làm sao khi chuyển hơi mà người nghe không thể nhận ra, không để lộ và làm thô sự biến hóa này. Tất cả các kỹ thuật đở hột, sang hơi, đở con kiến đều ở nơi cổ họng của đào nương. Đạt được như

---

chuyện người ca nữ giỏi nghề ca xướng, lại thông minh trung dũng, họ Đào, quê làng Đào Đặng, Tiên Lữ, Hưng Yên, sống vào khoảng cuối đời Hồ. Khi quân Minh đem quân xâm lược nước ta, bà đã mưu trí giết nhiều giặc Minh. Khi bà mất, nhân dân đều kính trọng và lập đền thờ. Từ đó, người làm phụ nữ theo nghề ca hát đều được gọi chung là Đào nương (hay Á đào).

vậy, tiếng hát của đào nương sẽ trở nên tinh tế, giàu âm sắc và đạt được đến sự biểu cảm cao nhất.

Quá trình luyện tập cách lấy hơi là một khổ luyện thật sự. Quan trọng nhất là học lấy hơi cho ra chất riêng của ca trù. Các giáo phường xưa, khi dạy hát ca trù, người ta dạy điệu Bắc phần đầu tiên rồi mới sang các làn điệu khác. Bắc phần là một điệu hát sử dụng nhiều âm ư kéo dài, tiết tấu chậm. Do đặc điểm của lối giữ hơi, nhà chữ và luyện lấy trong lối hát mà đào nương ca trù có khước miệng luôn đoan trang, đài các, đôi môi cắn chỉ luôn mím lại, khi đổi giọng sang hơi thì chỉ rung lên khe khẽ. Miệng cô đào luôn ở hình chữ “nhất”, rất kín đáo.

Bấy nhiêu vẫn chưa nói hết cái công phu của đào nương. Mọi cố gắng của cô đào sẽ còn thể hiện ở năng lực cảm thụ văn chương nữa. Đào nương trước hết cảm thụ ý thơ, bài thơ để mới có thể nhập vào nó, phô diễn ý thơ một cách đúng và hay nhất. Nếu chỉ cậy tốt giọng hoặc cố phô giọng hát trời phú, thì dù tiếng vàng tiếng ngọc thật đầy, nhưng nếu không diễn tả tình ý của bài thơ, ý thơ thì chỉ là một giọng hát vô hồn. Sau 5 năm học nghề, ca nương sẽ phải trình diễn 1 năm mới được làm lễ mở xiêm y. Như vậy, sau 6 năm đào tạo và thực tập thì đào nương mới được công nhận là nghệ nhân thật sự. Do những đòi hỏi cao như thế nên hiện nay ca trù đứng trước nguy cơ tầng lớp kế cận không còn.

- Một nhạc công (gọi là “kép”). Chữ Kép nguyên được gọi chệch ra từ Quán giáp, là chức quan được giao nhiệm vụ trông coi, giữ trật tự ở giáo phường. Trong ca trù, kép đàn là người đàn ông, chơi đàn đáy đệm cho ca nương hát. Kép thường không thường hát như đào, mà chỉ hát trong những điệu đặc biệt, như điệu Hà nam, điệu hát Giai, hay Đào luôn kép với (đào hát giọng thấp, như giọng nam, còn kép hát giọng cao, như giọng nữ).

- Người thưởng ngoạn (gọi là “quan viên”, thường là tác giả bài hát) là người cầm châu trong canh hát. Quan viên thường là một thính giả có hiểu biết về âm luật của ca trù. Người quan viên giữ trách nhiệm đánh trống châu chấm câu, khen thưởng hoặc trách phạt người hát. Cái tên Quan viên được sử dụng để ám chỉ người cầm châu thường là bậc phong lưu quân tử. Xưa, người có thể trả tiền cho canh hát thường phải

giàu có hoặc con nhà quan lại, gia thế. Mặt khác, cũng có thể hiểu, Quan viên là vị quan Cỗ lệnh được vua chúa giao việc cầm châu, điều khiển canh hát. Lâu dần mà thành tên gọi chung đối với những thính giả cầm châu.

Vì là nghệ thuật âm nhạc thính phòng, không gian trình diễn ca trù có phạm vi tương đối nhỏ. Đào hát ngồi trên chiếu ở giữa. Kép và quan viên ngồi chếch sang hai bên. Khi bài hát được sáng tác và trình diễn ngay tại chỗ thì gọi là "tức tịch, " nghĩa là "ngay ở chiếu".

### **1.2.3. Nhạc cụ trong ca trù.**

#### **1.2.3.1. Phách**

Phách là nhạc cụ gõ, xuất hiện trong nhiều thể loại ca, múa nhạc ở Việt Nam từ lâu đời. Phách có nhiều loại và tên gọi khác nhau. Trong hát xẩm, phách gọi là cặp kè; trong cải lương và dàn nhạc tài tử phách là song lang; trong ca Huế phách là sênh, còn trong dàn nhạc tuồng, đám ma, múa tôn giáo, múa dân gian người ta mới gọi là phách.

Nhiệm vụ của phách là giữ nhịp cho dàn nhạc, người hát hay múa. Nhịp của phách đơn giản trong cải lương nhưng lại phức tạp và biến tấu trong những dàn nhạc sân khấu.

Bộ phách Á đào gồm: bàn phách, tay ba và hai lá phách.

- Bàn phách là miếng tre dài khoảng 30 cm, bản rộng chừng khoảng 4 cm. Nó có hai đầu mấu tre dùng làm chân cho mạch bàn phách cao lên.

- Hai lá phách là dùi gỗ kép. Người ta cầm hai lá phách đập vào nhau để gõ vào mặt bàn phách.

- Tay ba là dùi gỗ làm bằng gỗ mít, dài như hai lá phách, được người sử dụng cầm bằng tay trái.

Khi phách hai lá gõ vào bàn phách âm sắc phát ra nhòa, bẹt và hơi đục. Lúc dùng tay ba gõ vào bàn phách âm sắc sẽ trong, gọn và dòn.

Phách cấu tạo đơn giản nhưng kỹ thuật sử dụng rất phong phú, gồm những cách chính sau:

- Ngón rục: tay ba gõ nhẹ, nảy nhanh trên bàn phách hai tiếng, tiếp ngay sau đó là phách hai lá gõ cuống bàn phách một tiếng. Ba âm phách gán nhau gọi là tiếng rục.

- Ngón chất: tay ba và phách hai lá cùng gõ xuống bàn phách (phách hai lá gõ hơi nhanh hơn một chút). Gõ xong không nhắc lên ngay nên âm thanh chất, hơi thô.

- Ngón vê: tay ba và phách hai lá gõ thay phiên gõ nhanh trên bàn phách hoặc giơ tay ba giơ cao đối diện bàn phách. Phách hai lá luồn vào giữa gõ xuống bàn phách rồi nảy ngược nhanh gõ vào tay ba (ít sử dụng).

Với ba lá phách gõ trên một bàn phách trong hai bàn tay (hữu là dương, tả là âm) chụp xuống cùng một điểm (bàn phách) có 4 góc vuông và 4 cạnh (2 dài, 2 ngắn) tạo nên 3 âm sắc “chat, rục, phách” vẫn là một triết lí vũ trụ “tam trùng nhất điểm”: con số 4 (góc cạnh), ở đây cũng như 3 (lá phách) + 1 (bàn phách), thì cũng vẫn 1 (dương) + 2 (âm) + 3 (dương) + 4 (âm), với biểu tượng ẩn dụ nói lên âm dương giao hòa hợp thành và cũng là “hành mộc” trong ngũ hành, là hành thuộc mùa xuân, bắt nguồn từ đây ngày một sinh sôi phát triển (cả bộ phách đều bằng tre và gỗ).

Với khổ phách, ở con số 5 sau đây cũng hàm ý thể hiện cả âm dương, ngũ hành, số một là dương sinh thủy âm, là huyền diệu trong sáng; số 2 là âm sinh hỏa dương, là lửa soi sáng đường; số 3 là dương sinh kim âm, là lưỡi thép đẩy cỏ; số 4 là âm sinh mộc dương, là xanh tươi phát triển; số 5 là dương sinh thổ âm, là đất này sống mãi và là trung tâm nhìn ra bốn hướng đó là: mộc (đông), kim (tây), hỏa (nam), thủy (bắc) và cứ thế vận hành quanh đi quẩn lại 5 rồi lại 5, có tương sinh tương khắc giao hòa, sinh ra với tất cả. Với trung tâm là bàn tay điều khiển cùng hát với người, ca trù nhằm khơi dậy tinh thần “Anh uy dũng quyết, dịch dụ giáo dân, thuần khoan minh mẫn” (Giang Thu và Vũ Thiện Loan, 2001.)[7]

Xưa kia đào ca khi hát cũng bắt buộc phải vừa hát vừa gõ phách, giữ nhịp điệu và tiết tấu của lời hát nên gọi hát ca trù là lối hát gõ. Bởi thế nên người nào trước khi



học hát, kể cả người học đánh trống cầm trầu cũng phải học thật nhuần nhuyễn 5 khổ phách :

- Khổ sòng (còn gọi là sòng 3 hay sòng 5)
- Khổ giữa
- Khổ siết hay còn gọi là khổ rãi
- Khổ lá đầu
- Khổ chặn, hay còn gọi là khổ khóa, tiếp khổ mở môi cho lời hát theo vào.

Thường mỗi khi mở đầu buổi hát, hay mở đầu bài hát, sau 3 tiếng trống gọi của người cầm châu, đàn ca cùng kếp đàn dạo 5 khổ nhạc đàn, phách, trống với 5 khổ phách trên để tạo cho những người xung quanh chưa nghe hát, mới chỉ nghe phách đã thấy hứng thú, gọi cảnh như đang đi chơi non ngàn, đang dạo cảnh thiên thai nào đó, với tiếng chim ca riu rít, với tiếng vó ngựa tung bồm, hay tiếng gió đu đưa, tiếng mưa sầm sập - trảm bồng lằng lằng, vừa ung dung đỉnh đạc, vừa mạch lạc kiên quyết, vừa khuôn khổ lại vừa linh hoạt tùy hứng. Và đan nhau giữa tiếng phách và tiếng đàn, ngay từ những khổ phách dạo đầu này, ta thấy còn nổi lên một hòa âm rất độc đáo trữ tình lãng mạn, thể hiện đức tin truyền thống Việt Nam. Như phách và đàn không song song mà luôn tương ứng, không đồng giới mà rất đồng lòng, không lồng nhau mà vẫn khớp nhau, hơn thế nữa còn tương ứng, đồng lòng khớp nhau rất chặt chẽ, kể cả tiếng trống cầm châu, vừa như cương bức nhưng cũng rất tự do thả bồng, vẫn trong khuôn và khổ nhất định.

Để gõ phách được hay, cơ cổ tay phải thật dẻo sao cho khi rung khi luyến chỉ còn trông thấy bàn tay, ngón tay thấp thoáng như trong sương mờ và nghe âm thanh của phách như xiết vào nhau. Còn phải gõ sao cho được rõ ba âm sắc, tiếng “chat” của tiếng phách tròn bên tay trái buông xuống nhọn sắc, tiếng “rục” của ba lá ở cả hai tay cùng cùng chụp xuống thật giục giã, tiếng “phách” của hai lá dẹp bên tay phải gõ xuống đầy lưu luyến.

Như trên đã nói, trước khi học hát phải tập luyện nhuần nhuyễn 5 khổ phách, nhưng khi hát thì phách phải phục vụ cho tiếng hát. Như vậy tiếng phách phải gõ sao đan vào tiếng hát, như cùng đồng ca với người, dù là câu thơ đủ khổ hay đôi khổ, hoặc bớt khổ, dù là câu thơ ngắn hay câu thơ dài; có gói hạc hay không gói hạc; dù chuyển giai tần hay thay làn điệu, hoặc đổi tiết tấu, quanh đi quẩn lại; phách gõ khổ nào còn phải đủ khổ ấy, không thiếu không thừa. Tiếng phách phải công kênh cho tiếng hát nâng cao thêm cảm xúc của tình thơ ý thơ, nếu chậm rãi thì khoan thai như tiếng nhận bay, nếu dồn nén thì giòn đanh như tiếng vó ngựa, nếu mơ màng thì lơ thơ như tiếng gió thoảng, cũng như ngôn từ của thơ khi dồn nén, khi nâng nâng, khi gấp khúc, khi trơn tru, lúc ẩn lúc hiện, lên xuống uyển chuyển đỉnh đạ, khoan dung, khi vút cao sôi nổi, lúc đu đưa trầm lắng, thể hiện quyết tâm sâu sắc, nhất là tiếng phách nhạc lưu không ở chỗ ngắt đoạn giữa những khổ thơ không có tiếng hát. Tóm lại, phách ở đây cũng phải buông, nhả, nhấn nhá, luyện láy, vừa làm nhiệm vụ san bằng khoảng trống lưu không, vừa phải đảm bảo tốt cho tiếng hát.

Phách còn làm nhiệm vụ giữ nhịp và ngắt nhịp ý thơ khi lời thơ đã lộn nghĩa - giúp cho tiếng hát sau khi ngừng không bị lơ lửng chơi vơi và tiếp sang tiếng hát câu sau vẫn có tiếng phách lót nối kè.

Phách gõ nặng hay nhẹ cũng tùy theo lời thơ. Nếu lời thơ hát bằng giọng Bắc vút cao, thì tiếng phách cũng mạnh hơn, đanh hơn. Nếu hát giọng Nam thì phách cũng gõ thưa nhẹ hơn. Nếu hát đến đoạn thơ có tính khăng định dứt khoát, tiếng hát dồn vang, quả quyết, thì phách cũng dồn nhịp mạnh mẽ hơn.

### *1.2.3.2. Trống châu*

Trống đế là nhạc cụ gõ, xuất hiện ở Việt Nam từ khá lâu đời. Trong Chèo người ta gọi nó là trống đế, còn trong Ca trù gọi là trống châu. Nhìn chung nó chỉ xuất hiện trong Chèo và Ca trù.

Trống châu có hai mặt trống hình tròn, đường kính bằng nhau khoảng 15 cm. Mặt trống thường là da nách trâu nạo mỏng (rất dai và bền). Đường viền da bịt mặt trống trùm xuống thân trống khoảng 3cm, được đóng bằng đinh tre. Da trống căng

nhưng phải định âm tương ứng giọng hát của diễn viên. Tang trống cao khoảng 18 cm, bằng gỗ mít nguyên khúc gọi là tang liền, song có khi bằng những mảnh gỗ mít chắp lại, sơn phết bên ngoài. Hai dùi trống dài khoảng 25cm, bằng gỗ cứng. Phía đầu tay cầm to hơn phía đầu gõ vào mặt trống. Trống châu có âm sắc thanh gọn, thể hiện tốt tình cảm trong sáng, vui tươi. Tuy nhiên tùy thuộc vào kỹ thuật đánh nó có thể diễn tả nhiều sắc thái tình cảm khác nhau (ngón vè, ngón bịt, đánh trên tang trống hay mặt trống...).

Tiếng trống châu là để ngắt câu, ngắt mạch thơ, giục hát, khen câu thơ hay, thưởng giọng hát đẹp, thưởng cho nhịp phách tuyệt kỹ hoặc cho cung đàn ngọt. Đánh trống châu là một nghệ thuật. Trong lối hát tuồng, hát chèo, cũng có sự khen chê, thưởng phạt như trong lối hát ca trù. Song trống châu trong ca trù biểu thị sự tinh tế rất cao vì trống châu ca trù là để “bình phẩm” cả tiếng phách, tiếng hát, tiếng đàn, và hơn hết là lời thơ. Người cầm châu vừa phải bộc lộ khả năng thẩm âm, lại vừa phải bộc lộ khả năng cảm thụ văn chương thì mới có thể cầm châu để thưởng thức, khen chê đích đáng. Và do vậy, tiếng trống châu rất giàu cá tính sáng tạo của người thưởng thức.

Trong một cuộc hát ca trù, những khách nghe (quan viên) đều bình đẳng trước văn chương và âm nhạc. Tham gia cuộc hát có thể là một ông quan to đương chức, một hưu quan, một ông đồ hồng thi, một thầy khóa... Khi vào chiếu hát, mọi người quên đi chức tước, quyền hành, bình đẳng trong thưởng thức. Mọi người thay nhau cầm châu. Cái trống châu là nhạc khí giữ vai trò nối sợi dây liên hệ giữa người nghe hát và người hát, người đàn. Ai có bài thơ mới làm thì đưa cho cô đào hát. Người hát, người đàn, người nghe cùng góp cho cuộc thưởng thức nhạc - thơ thêm hoàn hảo. Đó là một lối chơi tao nhã của cha ông ta suốt nhiều thế kỷ qua.

### *1.2.3.3. Đàn đáy*

Theo nhiều nhà nghiên cứu thì đàn đáy là một nhạc cụ chỉ có duy nhất ở Việt Nam và đàn đáy cũng chỉ dùng trong khi hát Ca trù. Cây đàn này gắn bó với một thể loại ca nhạc độc đáo của người Việt, và chỉ với một thể loại thôi đã trở thành một nhân tố đặc trưng, khu biệt ca trù với các thể loại ca nhạc khác. Không rõ đàn đáy xuất hiện lần

đầu vào năm nào nhưng nó được nhắc đến gần 200 năm qua. Đàn đáy có tên gọi là “đàn không đáy” tức là “vô đề cầm” vì nó không có đáy (hậu đàn), do đó người ta gọi tắt là đàn đáy, lâu ngày thành tên chính thức như ngày nay. Một giả thuyết khác cho rằng nhạc cụ này có dây đeo bằng vải, dây này trong chữ Hán là “đái” (đai) nên mới gọi là “đàn đái”, đọc chệch đi lâu ngày thành “đàn đáy”.

Đàn đáy có 4 bộ phận chính:

- Bầu đàn: bằng gỗ, hình thang cân. Đáy lớn nằm phía trên, rộng khoảng 23cm, đáy nhỏ nằm phía dưới rộng khoảng 20 cm. Cạnh hai bên rộng khoảng 31 cm. Thành đàn vang bằng gỗ cứng, dày khoảng 8 cm. Mặt đàn bằng gỗ ngô đồng, có một bộ phận để móc dây đàn (cái thú). Đáy đàn thủng hình chữ nhật.

- Cần đàn: dài 1, 16 mét gắn phía trên từ 10 phím đến 12 phím đàn bằng tre. Các phím này dày và cao, phần đỉnh dài hơn phần chân phím. Tính từ đầu đàn trở xuống, phím đầu tiên không gắn sát vào sơn khê như nhiều nhạc cụ khác mà lại nằm ở quãng giữa cần đàn.

- Đầu đàn: hình lá đề, hộc luôn dây có ba trục chỉnh dây.

- Dây đàn: ba dây bằng tơ se, dài, mềm và dễ nhấn. Ngày nay, những dây đàn này có thể bằng nilon với kích cỡ to nhỏ khác nhau, mỗi dây cách nhau một quãng bốn đúng.

Đàn đáy có âm vực rộng hơn hai quãng tám, âm sắc giống đàn nguyệt, âm áp, dịu ngọt và có thể diễn tả tình cảm sâu sắc.

Người biểu diễn thường dùng đàn đáy đệm cho giọng nữ cao hoặc phối hợp với những dụng cụ gõ có âm thanh khô (ít vang). Trước đây, đàn đáy đệm cho hát ả đào cùng với phách và trống, ngày nay có thường hiện diện trong một số dàn nhạc dân tộc để hòa tấu.

Ngày xưa nghệ sĩ cầm miếng khảy bằng tre để đánh, ngày nay thường dùng miếng khảy nhựa hơn. Kỹ thuật tay phải gồm có ngón khảy, hát, lia (vê) giống như

cách diễn đàn nguyệt và đàn tì bà; kỹ thuật tay trái gồm có ngón chùng, đánh chông âm và hợp âm. . .

Ở loại đàn đáy cổ truyền người ta không đánh dây buông mà bấm vào ngăn phím thứ nhất để khảy, cách này coi như đánh dây buông. Ngày xưa đàn đáy có 16 phím, hiện nay chỉ còn 10 phím đến 12 phím.

#### **1.2.4. Các lối hát của Ca trù**

Theo Việt Nam ca trù biên khảo, Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề cho rằng ca trù có tất cả 46 thể và được chia ra làm 3 lối hát chính: **Hát chơi** (tại tư gia, tại ca quán), **Hát cửa đình** (còn gọi là hát thờ tại đình làng hay hát nhân dịp tế tổ Ca công) và **Hát thi**. Ngoài ra, còn có thể kể đến một không gian trình diễn đặc sắc nữa của Ca trù, nơi mà Ca trù từ chốn dân gian xâm nhập một cách mạnh mẽ vào chốn lầu rồng gác phượng, đó là Hát cung đình hay còn gọi là Hát chúc hỷ nơi cung vua phủ chúa, một sự kết hợp nhuần nhuyễn, vừa tao nhã vừa linh thiêng giữa phong cách của hát chơi (hát cho vua chúa thưởng thức, lời thơ có thể do vua quan đặt) và những bài bản, làn điệu chúc tụng của lối hát cửa đình (một số bài bản Ca trù được đặt ra dùng để tế tự trong Tông miếu).

##### **1.2.4.1. Hát chơi**

**Hát chơi** là lối hát tổ chức tại nhà quan viên hay nhà ả đào để quan viên thưởng thức. Hát chơi thường hát những bài tả tình, tả cảnh với sự phóng khoáng, phong lưu, tình tứ. Hát chơi gồm có 15 thể: Bắc phẩm, Mưỡu (mưỡu đơn, mưỡu kép, mưỡu dựng), Hát nói, Gửi thư, Đọc thơ-thông-dồn, Đọc phú, Chừ khi (có nơi gọi là Chử khi), Hát ru, Nhịp ba cung bắc, Tỳ bà, Kể truyện, Hãm, Ngâm vọng, Sẩm cô đầu (Sẩm nhà trò), Ả phiến (riêng Ả phiến có tới 20 giọng).

Từ nhà quan viên, hát chơi dần dần mang tính thương mại hóa và được mở rộng thành các ca quán. Hát ở ca quán đơn giản hơn ở cửa đình. Đàn hát giảm đi, chỉ cần một đào, một kép. Khách nghe hát thường chỉ dăm bảy người, có khi một, hai người; trống chầu là loại trống nhỏ, roi chầu cũng nhỏ xinh; tiếng chầu “cắc, thòm” mạnh mẽ

ở cửa đình đổi thành tiếng “chát, tom” tình tứ, duyên dáng. ( Hữu Trịnh. 29.08.2008.

Tìm hiểu về nghệ thuật ca trù.[trực tuyến]. *Họ Đố Việt Nam*. Đọc từ :

[http://hodovietnam.vn/index.php?option=com\\_content&task=view&id=907&Itemid=3](http://hodovietnam.vn/index.php?option=com_content&task=view&id=907&Itemid=3)

3.)

Tuy nhiên, yêu cầu nghệ thuật đảm bảo chất thơ, chất nhạc của ca trù ca quán rất cao. Những bài hát cổ điển giàu chất trữ tình như Tỳ bà hành, nhịp ba cung bậc, thường dành lại tới đêm khuya mới hát. Ca trù ca quán được xây dựng trên cơ sở của làn điệu hát giai của lối hát cửa đình, ngày một thêm hoàn chỉnh với sự tham gia sáng tác của đông đảo nhà thơ từ cuối thế kỉ XVIII đến nay.

Có thể nói rằng hát Ca trù ở ở ca quán, ở chôn nhà quan, ở tư gia hay nhân các dịp chúc thọ, sinh hoạt câu lạc bộ nghệ thuật, sinh hoạt tôn giáo... không đòi hỏi nhiều ở tuổi tác, ở đây đòi hỏi chủ yếu là tính nghệ thuật diễn xướng. Nghệ nhân hát thương mặc trang phục nền nã, không lòe loẹt như nghệ thuật chèo. Giai đoạn sau này, nghệ nhân hát thường mặc áo dài gấm, lụa tơ tằm, kếp... màu tím, nâu nhã nhặn, trang điểm nhẹ nhàng cùng nữ trang vòng, xuyên, chuỗi hạt bằng vàng, bạc, ngọc...

#### **1.2.4.2. Hát cửa đình**

**Hát cửa đình** là lối hát thờ thần (Thành hoàng). Hát cửa đình thường hát về những bài sử, về kinh truyện và sự tích danh nhân. Cách hát rõ ràng, cần nhiều hơi, cao giọng để mọi người cùng nghe rõ. Điệu bộ nghiêm trang không được lảng lơ như hát chơi. Hát cửa đình gồm có 12 thể: Giáo trống, Giáo hương, Dâng hương, Thét nhạc, Hát giai, Đọc phú, Đọc thơ, Gửi thư, Đại thạch, Bỏ bộ, Múa bài bông (múa), Tấu nhạc và múa tứ linh (múa).

1. Giáo trống (tiết mục chỉ có trong Hát thờ). Kếp dạo trống, dạo đàn rồi đứng trước hương án đọc bốn câu thơ có nhan đề là Giáo trống.

2. Giáo hương (tiết mục chỉ có trong hát thờ). Kếp lùi xuống hai bước rồi đọc tiếp bốn câu thơ có nhan đề là giáo hương.

3. Dâng hương (thể hát có trong hai lối Hát thờ và Hát thi). Đào dâng hương lên ban thờ rồi ngâm và hát hai khổ thơ thất ngôn bát cú có nhan đề Dâng hương với nội dung chúc tụng thần linh, vua chúa, đất nước, trời đất.

4. Thét nhạc (bài hát có trong ba lối Hát thờ, Hát chơi và hát thi). Dâng hương xong, đào và kếp chia nhau đứng hai bên hương án hát bài Thét nhạc. Đây là bài hát mở đầu cho lối Hát thờ cửa đình, cũng là một làn điệu hát cổ còn truyền lại được tới ngày nay. Thét theo tiếng Việt cổ có nghĩa là reo lên, tiếng vút cao lên, cũng có nghĩa là gọi hoặc sai khiến điều gì. Khúc hát này cốt mượn lời ca để dẫn nhạc, lời chỉ được dùng như một phương tiện để đào nương phát âm thành tiếng nhạc. Bởi thế, ý nghĩa lời ca rất rời rạc, không gắn bó với nhau, nhiều câu vô nghĩa, nhưng khi hát lên thì nghe âm hưởng rất hay. Bài hát này từ xưa đến nay chỉ có một lời ca.

5. Hát giai (thể hát có trong Hát thờ và Hát thi). Một thể hát có nhiều điệu, dùng để hát lên nhiều bài thơ khác nhau. Nội dung các bài thơ này thường ca ngợi đất nước, tôn vinh thần linh, vịnh phong cảnh, vịnh sử hoặc hát dã sử, hát truyện... Do thể Hát giai có nhiều bài với lời ca và nội dung khác nhau nên phần trình bày các bài Hát giai luôn chiếm một khoảng thời gian dài trong hát thờ. Thể hát giai có nhiều bài dành cho đào nương hát và cũng có một số bài dành cho kếp hát. Như đã nói ở phần trên, Hát lót cửa đình cũng thường dùng thể hát này. Đôi khi thể Hát giai còn được gọi là Hát nói cửa đình vì chính nó sau này tiến triển thành điệu Hát nói trong lối Hát chơi.

6. Đọc phú (thể ngâm có trong ba lối Hát thờ, Hát chơi và Hát thi). Phú là một thể văn cổ có vần hoặc xen lẫn vần vắn với văn xuôi dùng để tả cảnh, kể sự việc hay bàn chuyện đời... Phú cũng có thể là một lối văn biên ngẫu hoặc như một bài văn xuôi có vần. Phú thường được đọc theo một vài mô hình giai điệu có cá tính riêng, tuy gọi là đọc nhưng thực chất là ngâm và cũng có thể coi là hát. Có bài dành cho đào đọc, có bài dành cho kếp đọc. Thính giả Ca trù rất thích nghe các nương đọc phú.

7. Ngâm thơ, Thông, Dồn (thể hát ngâm có trong hai lối Hát thờ và Hát chơi). Các bài thơ xưa kia đều được mọi người ngâm lên chứ không đọc như văn xuôi, cho dù có lúc gọi là đọc thơ. Ngâm thơ thực chất là một lối hát và có nhiều làn điệu khác nhau dùng để phổ vào một bài thơ. Trong tiết mục này, sau bài thơ đầu thất ngôn bát cú viết bằng

chữ Hán thì tiếp theo là một bài Thông gồm hai cặp lục bát viết bằng chữ Nôm nhằm tóm tắt hoặc giải thích ý của bài thơ trên, tăng thêm thi cảm cho người nghe. Cuối cùng là đoạn Dồn, lời ca dài khoảng từ bốn đến năm cặp lục bát, lúc này đàn hát trống phách đều nhanh nên được gọi là Dồn. Đó là đoạn ca trào lớn trước khi chấm dứt tiết mục. Trong lối Hát thờ, cũng có khi người ta chỉ đọc các bài thơ chữ Hán mà không ngâm tiếp các bài Thông cũng như không hát Dồn.

8. Gửi thư (điệu hát có trong ba lối Hát thờ, Hát chơi và Hát thi). Đây là một điệu hát trữ tình vào bậc nhất của nghệ thuật Ca trù, giọng hát bóng bẩy mượt mà, làn điệu thiết tha nồng ấm. Điệu hát này cho phép người ta diễn đạt tình ý của mình dưới hình thức một bức thư. Nó cũng là một mô hình giai điệu có tính riêng dùng để hát một số bài thơ viết theo thể song thất lục bát.

9. Hát múa Đại thạch hay Đại thực (tiết mục có trong hai lối Hát thờ và Hát thi). Đây là một tiết mục cổ trong lối Hát cửa đình. Các đào nương vừa múa vừa hát, có đàn phách phụ họa một bên, tính chất vui tươi, nhộn nhịp. Tuy có nguồn gốc từ cung đình nhưng tiết mục này vẫn mang rõ nét dân gian. Mở đầu, một cô đào ngâm sáu câu thơ lục bát với phách khoan. Sau đó vào phách mau để chuyển sang đoạn mới, các đào nương vừa múa vừa hát, âm điệu dồn dập, gấp rút nên được gọi là Dồn đại thạch. Cũng giống như bài Thét nhạc, lời ca ở đây chỉ là sự lắp ghép những câu lục bát tả cảnh, tả tình chung chung, không nhất thiết phải gắn kết với nhau và cũng không cần phải mang một ý nghĩa rõ ràng nào. Chủ yếu người ta xem múa và nghe nhạc.

10. Hát múa bỏ bộ (tiết mục chỉ có trong Hát thờ). Cũng là một tiết mục múa rất cổ của nghệ thuật Ca trù còn mang đậm tính dân gian. Bỏ bộ là vừa hát vừa làm bộ theo nghĩa của lời ca. Điệu múa này được thực hiện bởi từ sáu đến tám cô đào hoặc nhiều hơn nữa. Trang phục đồng đều nhưng không cầu kỳ và không nệ quy cách. Tiết mục mở đầu chậm rãi bằng 9 động tác đi kèm. Tiếp theo, vào phách nhịp nhàng với 2 sấp (đoạn) thơ, mỗi sấp có từ 12 đến 14 câu. Các đào nương vừa hát vừa làm động tác. Đây là một đoạn dài, diễn tả cảnh lao động sản xuất như xe chỉ, vá may, quay tơ, dệt gấm, thêu hoa, hái chè, bắt ốc, hái rau, đi săn... và ca ngợi tinh thần thượng võ như luyện gươm, tập bắn súng, chiến đấu với quân thù... Cuối điệu múa, đào nương vừa hát



vừa diễn thêm ba sắp trò vui có tên là Bọm gái say, Đào điên và Người đi săn nhằm tăng thêm tính chất cho ngày hội.

11. Hát múa bài bông (tiết mục chỉ có trong Hát thờ và Hát Cửa quyền nơi cung đình). Bài là bày ra hay dàn hàng ngang. bông là hoa. Đây là điệu múa mà các cô đào đeo trên vai những chiếc đèn có cắm hoa xung quanh, làm cho mình trở thành những bông hoa đẹp. Một màn múa có từ nguồn gốc cung đình, dùng trong những ngày có đại lễ, đại yến chúc thọ nhà vua. Múa hát Bài bông dùng Nhã nhạc của đế vương, nhạc và hát gắn với tính chất của sân khấu Tuồng. Đào nương tham gia hát múa phải được tuyển chọn kỹ về nhan sắc và hình thể. Trang phục cầu kỳ tốn kém, số lượng diễn viên thường rất đông, ít nhất là 8 người, đông hơn thì 16 hoặc 32 người. Múa trong cung đình có khi lên tới 64 người. Do quá tốn kém, múa hát Bài bông ít khi được trình diễn tại sân đình.

12. Tấu nhạc và múa tứ linh (tiết mục chỉ có trong Hát thờ). Tứ linh là bốn con vật thiêng: Long (rồng), Ly (kỳ lân), Quy (rùa), Phụng (chim phượng). Đôi khi do múa rồng (long) phải dùng nhiều người nên được thay thế bằng múa chim hạc chỉ dùng một người. Đây là điệu múa tượng trưng cho bốn con vật thiêng quy tụ trong lễ tế thần ở sân đình. Dàn nhạc bát âm hòa tấu các bản nhạc cổ điển. Các đào nương dâng hương, dâng rượu rồi dàn hàng ngang hai bên hương án cùng hát múa, trong khi bốn con vật thiêng được hóa trang do bốn kép thủ vai múa vòng xung quanh sân đình. Làng xóm tung bưng, tràn ngập không khí ngày hội.

Trong bốn tiết mục múa hát trên, thường dùng nhất vẫn là Bỏ bộ và hầu như chẳng bao giờ diễn liên tiếp và đầy đủ cả bốn tiết mục múa hát kể trên tại sân đình. (<http://www.catruthanglong.com/p8-cac-loi-hat-ca-tru-%28phan-1%29.html>)

### **1.2.4.3. Hát thi**

**Hát thi** được tổ chức ở cửa đình, là lối hát để khảo sát tài năng của đào kép. Vào mùa xuân, các làng sung túc, giàu có thường mở hội và mở cuộc thi ở cửa đình để chọn đào hay, kép giỏi. Các cô đầu có thể đỗ hoặc không đỗ trong các cuộc thi ở cửa

đình, nhưng phải qua cuộc thi này họ mới được công nhận là người biết hát ca trù, mới trở thành một cô đầu chính thức.

Hát thi thường qua 4 giai đoạn là: *Vãn*, *Chầu thi*, *Chầu cầm*, *Thi lại*. *Vãn* là hát sơ khởi, đào hát vài câu Gửi thư hoặc Thông Thiên thai; kép hát vài câu thơ để ban giám khảo chọn vào Chầu thi. *Chầu thi* gồm 28 thể, *Chầu cầm* gồm 17 thể, trong đó có thể Làm trò vui (làm trò). Trong *Chầu thi* và *Chầu cầm* có những thể dành riêng cho đào, thể dành riêng cho kép, thể dành cho đào và kép cùng hát. *Thi lại* để ban giám khảo cân nhắc chính xác để định giải. Thông thường hát thi gồm 10 giải, có nơi lấy thêm 4-5 giải khuyến khích. Người đoạt giải nhất gọi là Thủ khoa và giải nhì gọi là Á nguyên.

Theo thư tịch cổ, kết hợp với sự khảo cứu của các học giả, có các trường hợp thi trong hát ca trù như sau: Thứ nhất: Thi giữa các giáo phường với nhau để chọn đào kép hay nhất vào hát thờ ở cửa đình, phục vụ lễ hội địa phương (cuộc thi do Hội đồng chức sắc địa phương tổ chức); Thứ hai: Cuộc thi do Ty giáo phường tổ chức để chọn lấy đào kép hay để phục vụ hát chúc hồ trong các khánh tiết của nhà nước; Thứ ba là cuộc sát hạch do giáo phường tổ chức để công nhận người đào nương đã đạt đến trình độ được phép hành nghề (gọi là lễ mở xiêm áo).

Về cuộc thi thứ nhất, chỉ thực hiện ở những làng giàu có về kinh tế, hoặc chỉ tổ chức vào những năm đặc biệt như làng được triều đình ban thưởng hoặc làng có người đỗ đạt cao. Thể lệ thi hát được thể hiện dưới các bản thông báo treo tại đình khi làng tổ chức thi hát.

Những người thi đỗ sẽ được hát chính thức trước điện thờ, còn những người không trúng đều được làng phát tiền phần sấp hoặc tiền trầu cau để vui vẻ ra về. Xem thể đủ biết lệ thi hát ở những làng xã ngày xưa là một dịp so tài sắc vui vẻ thu hút sự tham gia của đông đảo các giáo phường xa gần.

### **1.2.5. Khế ước và điều luật của Ca trù**

#### **1.2.5.1. Vấn đề tổ chức giáo phường**

Mô hình giáo phường bao gồm giáo phường cung đình và giáo phường dân gian - chính thức được sách vở ghi chép lại chỉ có thể bắt đầu từ thời Lê. Vào đầu thời Lê có các cơ quan biểu diễn nhạc vũ thuộc triều đình gồm Ty Giáo phường, Thự Đồng văn, Thự Nhã Nhạc, Sở Ca vũ, Sở Húy thuật, Xiếc, Múa Chiêm, Múa rối, đều là nha môn thuộc Thái thường tự. Hai Thự Đồng văn và Nhã nhạc chuyên trách nhạc vũ cung đình, dùng để trình diễn vào những dịp quan trọng, riêng giáo phường là cơ quan chuyên trách nắm giữ tục nhạc (âm nhạc dân gian), là nơi thu thập, chỉnh lí, biểu diễn và truyền bá nhạc vũ dân gian. Như vậy vào đầu thời Lê, tổ chức giáo phường cung đình đã chính thức được thành lập và được gọi là Ty giáo phường.

Còn đối với giáo phường dân gian thì vào đầu triều Lê, có thể thấy nhiều điều luật về việc cấm tổ chức hát xướng lan tràn đã được ban hành trong thời kì này. Điều đó cho thấy, việc hát xướng trong dân gian do những tổ chức chuyên nghiệp biểu diễn cũng đã khá phát triển, song những tổ chức này đã thực sự được gọi là giáo phường chưa thì chưa có tài liệu nào ghi nhận.

Ở thời Lê, nhà nước cũng đặt cơ quan nắm giữ về thuế má và lương thực đối với giáo phường ở các xứ, gọi là Tri giáo phường, các cơ quan này chịu trách nhiệm thu thuế cửa đình và cấp phát ngụ lộc cho giáo phường. Ngoài ra cho đến đầu thế kỉ XVIII, tổ chức giáo phường chỉ tồn tại ở kinh đô Thăng Long, tứ trấn và hai xứ Thanh Hóa - Nghệ An.

Thời Nguyễn trong cung đình không đặt Ty giáo phường, cũng không thấy nói tới một cơ quan nào khác chịu trách nhiệm sưu tầm, lưu giữ, biểu diễn nhạc vũ dân gian như Ty giáo phường thời Lê. Vì vậy, mà luật lệ điển chế thời Nguyễn không có quy định gì về hoạt động nhạc vũ trong dân gian, các khoản thuế ở thời Nguyễn không còn nhắc tới thuế cửa đình. Có lẽ giáo phường dân gian thời kì này hoạt động không chịu sự quản lí về mặt hành chính của nhà nước nữa mà hoàn toàn theo tính chất phường hội.

#### *1.2.5.2. Quyền lợi của giáo phường và việc mua bán các quyền lợi*

Giáo phường là một tổ chức có vai trò quan trọng, chính vì vậy mà tổ chức này sẽ được hưởng những quyền lợi nhất định trong các cuộc lễ. Đây là vấn đề chính mà các văn khế đều đề cập đến. Tuy nhiên trên thực tế việc thực hiện trách nhiệm và quyền lợi của giáo phường cũng như các làng xã thường không suôn sẻ, giáo phường ở thời kì hoàng kim của nó cũng đã gây nhiều phiền nhiễu rắc rối cho làng, họ có thể hạch sách làng hoặc người mời về chuyện tiền nong cỡ bàn, ngăn cấm giáo phường nơi khác đến địa bàn của mình biểu diễn, cho dù bản thân họ không đáp ứng được yêu cầu của làng. Chính vì vậy, triều đình phải đặt điều lệ, quy định rất chi tiết từ lệ tiền trừ đến lệ xông đình cùng các mức độ xử phạt đối với những trường hợp làm trái.

Nhìn chung, việc tổ chức giáo phường được hình dung như sau: các đào kép được tổ chức thành các giáo phường. Nhiều giáo phường được đặt dưới sự quản lý của Ty giáo phường. Theo ghi chép của các văn bia thì Ty giáo phường là một tổ chức quản lý hoạt động ca xướng tương đương cấp huyện. Giáo phường các xã thuộc về Ty giáo phường của huyện. Ty giáo phường huyện quản lý hoạt động của các giáo phường các xã trong huyện. Mỗi huyện thường có một Ty giáo phường. Người đứng đầu Ty giáo phường là một ông trùm. Ty giáo phường phân chia việc giữ các cửa đình trong huyện cho các giáo phường. Việc giữ này được truyền từ đời này sang đời khác. Theo đó các giáo phường này được phép toàn quyền biểu diễn tại đình làng này, hoặc được phép tùy ý mời giáo phường khác đến hát giúp trong những ngày tiệc của làng và hưởng quyền lợi. Đặc biệt là giáo phường sẽ được hát trong lễ xông đình trong dịp hoàn thành công việc tu tạo sửa chữa đình làng. Ngược lại, giáo phường cũng phải có một số trách nhiệm đóng góp vào các nghi thức hát xướng tế lễ của làng, theo mức độ quy định giữa làng xã sở tại với giáo phường. Quyền lợi của giáo phường được xác định bằng một tấm bia đá đặt trang trọng ngay trước cửa đình làng mà giáo phường được quyền hưởng lợi.

Việc giữ cửa đình này được truyền từ đời này sang đời khác, tuy nhiên nếu cần tiền để lo việc quan hoặc để chi dùng các việc, giáo phường có thể sang nhượng lại quyền này cho quan viên trong chính làng xã có đình, từ đó làng xã này không phải trả

tiền cho giáo phường như quy định trước đó nữa. Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện có bản rập của 64 văn bản mua bán này, trong đó có 14 văn bản soạn vào thế kỷ XVII, có 39 văn bản soạn vào thế kỷ XVIII, có 9 văn bản soạn vào thế kỷ XIX và 2 văn bản không ghi rõ niên đại. Căn cứ vào niên đại của các văn khế mua bán quyền giữ cửa đình, chúng ta thấy việc mua bán xảy ra phổ biến nhất là vào thế kỷ XVIII. Và trong số các bia thuộc thế kỷ XVIII thì phần lớn là thuộc về nửa sau của thế kỷ này. Việc soạn văn bản sang nhượng, mua bán các lệ hát cửa đình phần lớn đều do các giáo phường và quan viên làng xã có đình thực hiện, không ghi rõ tên người soạn bia, nhưng có xác nhận của các bên với họ tên và chức vụ rõ ràng. Có 3 văn bia ghi rõ soạn giả soạn bản giao kèo về việc sang nhượng quyền giữ cửa đình do các Tiến sĩ soạn. Đó là TS. Phan Lê Phiên soạn 1 bia, TS. Đào Hoàng Thực soạn 2 bia. Những tư liệu văn bia về hát cửa đình với lượng thông tin phong phú cho thấy trong suốt thời gian lịch sử dài lâu (ít nhất là từ năm 1672) đông đảo nhân dân đã yêu thích ca trù, coi việc thưởng thức ca trù như một nhu cầu văn hóa, và quan trọng hơn, việc biểu diễn ca trù đã đem lại nguồn lợi kinh tế cho cả người nghệ sĩ dân gian lẫn các nhà tổ chức. (Nguyễn Xuân Diện. 03.12.2008. Đi tìm vẻ đẹp ca trù.[trực tuyến]. *Lý học đông phương*. Đọc từ: <http://www.lyhocdongphuong.org.vn/News/03/Di-tim-ve-dep-ca-tru-Phan-4/9/1128/>)

Bên cạnh đó còn có những qui định về lệ tiền trừ (trừ tiền), còn được gọi là tiền xướng trừ (xướng trừ tiền). Đây là khoản tiền trả mỗi ngày cho giáo phường tham gia hát xướng trong lễ tế, khoản tiền này tùy thuộc theo thỏa thuận của hai bên, thường là từ một hai quan trở lên, đi kèm theo nó là cỗ bàn bao gồm xôi gà, rượu thịt, trầu cau.

Cũng có lúc tiền trừ được nhà nước quy định như sau: “Các nơi phủ, huyện, xã, thôn trang, động, sách, trại, sở, phường, vạ trong thiên hạ, nếu có nhập tịch tàn cầu, mỗi cửa đình phải bỏ ra năm mạch làm tiền trừ và mỗi một mâm xôi chuẩn là mười cấp gạo”. Tuy nhiên, so với những quy định trong văn khế của làng thì giá này rất thấp, trên thực tế tiền trừ thường được quy ước trên một quan đến hai, ba quan, tùy theo địa phương và thời điểm.

Ngoại lệ tiền trừ ra còn có nhiều lệ khác như lệ về tiền lệnh (tức là tiền trả cho người cầm hiệu lệnh trong tế lễ - đánh chiêng trống làm hiệu lệnh), tiền trùm (tiền trả

cho người trùm), tiền trí tịch (tiền đặt tiệc hát sau khi đã tiến hành tế lễ), tiền nhiều trùm (tiền các châu hát thêm), tiền thưởng lệ khảo thí... Đặc biệt còn có lệ xông đình, ngôi đình thuộc sở hữu của giáo phường nào thì giáo phường đó tham gia làm lễ và được hưởng lợi từ công việc đó.

### *1.2.5.3. Những nét đẹp nhân văn của giáo phường xưa*

Xã có thể có một hoặc nhiều giáo phường. Mỗi giáo phường là một họ riêng. Văn bia về việc các giáo phường được tập hợp theo “họ”, thể hiện trên 11 bia có bản rập lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Các họ thống kê được trên bia gồm 8 họ: họ Xuân (2 bia), họ Đông (4 bia), họ Thịnh (1 bia), họ Từ (1 bia), họ Hoàng (1 bia), họ Việt (1 bia), họ Kiều (1 bia), họ Khổng (1 bia). Đứng đầu họ là một ông trùm họ. Người thuộc về họ nào, lấy chữ họ đó đặt lên trước tên mình. Ví dụ tên là Thuận mà thuộc về họ Thịnh thì gọi là Thịnh Thuận. Lối gọi này chỉ dùng trong giáo phường với nhau. Những văn bia này đã cung cấp cho chúng ta một tư liệu quý về sinh hoạt và quan hệ giữa các cá nhân và có thể coi là một nét đẹp trong một giáo phường ca trù thời trước.

Giáo phường ca trù xưa còn tôn vinh tri ân người có công truyền nghề. Bia Bản huyện giáo phường lập bi, tạo năm Vĩnh Trị 5 (1681), đặt tại đình xã Trung Việt, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Văn bia cho biết có vị trong Ty giáo phường xã Đông Lâm, huyện Hiệp Hoà, phủ Bắc Hà, đạo Kinh Bắc, vì có ngoại tổ họ Hà là Phúc Đạo, ở xã Trung Trật trước có mở nghiệp giáo phường, sinh con gái Hà Thị Khánh lấy chồng họ Nguyễn ở Đông Lâm và tạo nên giáo phường ở đây. Nay các vị trong giáo phường xã Đông Lâm nhớ đến ân nghĩa sinh thành của ngoại tổ, tỏ lòng báo đáp, đặt ra lệ, hễ đình Trung Trật có mở tiệc thì các khoản tiền tiệc, tiền khao và tiền lễ xông đình, các khoản tiền làm cỗ, thầy đều do giáo phường Đông Lâm trang trải. Bia còn ghi tên các vị ngoại tổ họ Hà do dân xã Trung Trật cúng giỗ. Đây cũng là một nét đẹp nhân văn của một giáo phường ca trù, vừa tôn vinh nghề tổ, vừa thành kính tri ân người có công gây dựng nghề cho giáo phường.

Giáo phường ca trù ở nông thôn hoạt động bán chuyên nghiệp. Họ là những người nông dân vẫn phải lo việc đồng áng, chăn tằm dệt vải. Họ được cha mẹ hoặc các đào kép lớn tuổi trong “họ” dạy dỗ về nghề. Người trong giáo phường đều phải tuân thủ các phong tục và luân lý trong làng trong họ. Họ không được phép làm những việc bất chính. Nếu vi phạm, họ bị các bậc cao niên và người Quản giáp luận tội và bắt phạt, thậm chí đến bị đuổi ra khỏi giáo phường và thông báo cho các giáo phường khác biết để không giáo phường nào cho vào nữa. Việc đi hát ở các đình miếu bao giờ cũng do người Quản giáp cắt đặt, và thường là chồng đàn vợ hát, anh đàn em hát, bố đàn con hát.

Trong giáo phường xưa, việc thờ kính thầy dạy rất được xem trọng. Trò coi thầy như cha mẹ, “sống tết, chết giỗ”. Những ả đào già có tài thường dạy dỗ được nhiều học trò thành nghề và rất được kính trọng. Mỗi khi các học trò đi hát được trả tiền công vẫn thường trích ra một khoản tiền để góp với giáo phường cung dưỡng thầy.

Đối với giáo phường, tất cả các công việc như lễ tế tổ hàng năm, các lệ kiêng tên tổ ca trù, việc thờ thầy, việc chia tiền hát, lệ mở xiêm áo để công nhận một cô đào bắt đầu được hành nghề đều được tổ chức và tuân thủ nghiêm ngặt và tự nguyện. Chính cách tổ chức giáo phường như thế đã tạo nên những nét đẹp nhân văn của giáo phường, khiến cho đào kép ngày xưa rất được cộng đồng làng xã trân trọng và kính nể.

Ca trù còn lại được đến hôm nay chính là nhờ các đào kép xưa đã từng sống trong các giáo phường như thế truyền lại.

### **1. 3. Giá trị của Ca trù**

#### ***1.3.1. Giá trị lịch sử***

Ca trù là một bộ môn nghệ thuật được hình thành từ rất lâu đời. Điều đó được chứng minh trong các chứng tích cổ còn lưu giữ lại được trong các bức chạm cổ ở nhiều ngôi đình của nước ta hiện nay...

Lịch sử Việt Nam cho biết trong các thời đại Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn đã có những hoạt động nghệ thuật dân gian như nhảy, múa, ca hát, bơi thuyền...

Ca trù có thể là một bộ phận nghệ thuật ca múa song song với các môn ca múa khác với những “nghệ sĩ dân gian” tụ họp lại thành phường hội do những yêu cầu nghiệp vụ. Đến đời Lí, Nhà nước trung ương Thăng Long đặt ra chức “quản giáp” để quản lí các phường hát múa dân gian, qua đó tuyển chọn những người hát hay múa giỏi vào phục vụ cho triều đình. Qua các triều đại, ca trù ngày càng phát triển và hoàn thiện hơn. Ca trù không chỉ phát triển và thịnh hành trong cung đình mà nó còn ăn sâu vào phong tục, nghi lễ của con người trong đời sống hàng ngày. Có thể nói ca trù từ dân gian vào trong cung đình tiếp nhận lấy những cái gì cần lấy rồi trở lại với dân gian phong phú thêm, nên càng “thịnh hành” thêm. Không những thế, với đà phát triển không ngừng của nền âm nhạc nước nhà, ca trù ngoài giáo phường mỗi ngày có thêm một xoang điệu mới.

Trong hồ sơ đệ trình UNESCO, Ca trù đã được đánh giá như sau: “Ca trù đã trải qua một quá trình phát triển ít nhất từ thế kỷ 15 đến nay, được biểu diễn trong không gian văn hóa đa dạng gắn liền, ở nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau. Ca trù thể hiện một ý thức về bản sắc và sự kế tục trong nghệ thuật biểu diễn, có tính sáng tạo, được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua các tổ chức giáo phường”.

(Hồng Minh. 28.03.2009. Chuyên nghiệp hóa Ca trù làm du lịch. [trực tuyến]. *Báo Nhân dân*. Đọc từ :

<http://thanglongcatrutheatre.com/vietnam/?act=News&do=Detail&cid=27&nid=337>)

Từ nhân dân mà ra, gắn liền với lịch sử nước nhà, ca trù đã trải qua một quá trình lịch sử lâu dài từ khoảng thế kỉ thứ 15 tới nay, đã được nhân dân ta vô cùng ưa thích. Không phải ca trù đi sâu vào xã hội Việt Nam từ làng xóm nông thôn đến triều đình vua chúa chỉ vì nó đã đạt được những đỉnh cao về nghệ thuật, mà còn vì phần nội dung tư tưởng phản ánh đầy đủ mọi góc độ của bản sắc dân tộc Việt Nam trong nó: lạc quan, nhân ái, rất nhạc, rất thơ, yêu cuộc sống yên lành, bình dị, nhưng tràn đầy tự hào dân tộc, kiên cường đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc thân yêu đến cùng. Cũng chính vì nội dung tư tưởng lành mạnh đó mà trong ca trù có đầy đủ các thể loại văn học: trữ tình lãng mạn, anh hùng ca, sử thi, thơ ca giáo huấn (giảng kinh truyện, khuyên đạo đức)... Đó là điều mà tất cả các môn nghệ thuật ca hát khác như tuồng, chèo, ca Huế, quan họ... không so sánh nổi với ca trù.



Từ thời Lê mạt tới hết thời nhà Nguyễn, lịch sử Việt Nam có nhiều biến động lớn, tác động mạnh mẽ và đa dạng đến tâm tư tình cảm từng người dân nước ta. Điều Hát Nói của ca trù, từ thời hát giai thời cổ phát triển lên, kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển nội tâm của con người cá thể, và mỗi ngày một thêm hoàn chỉnh về giai điệu, nhuận nhuyễn tinh vi về lời hát, lời thơ, đã trở thành một bộ phận văn học vô cùng quý báu của nước nhà.

Có lẽ trong các lối hát và ngâm vịnh cổ truyền Việt Nam hiếm có một lối hát nào lại xâm nhập sâu rộng hầu hết các sinh hoạt văn hóa tinh thần như là lối hát ca trù. Có thể nói, nghệ thuật ca trù trải mấy trăm năm, cả Thần và Người đều chuộng. Ở nơi đình miếu, đền đài thâm nghiêm các vị thần thánh nghe hát trong hương trầm đượm tỏa, trong sự sùng phụng của con dân. Trước khi dâng lên các vị thần thì các chức sắc địa phương cũng đã nghiêm trang thẩm định để chọn ra những đào hay kép giỏi, để những đào kép giỏi nhất dâng thần khúc hát tuyệt kỹ. Sau này khi Thiên chúa giáo du nhập vào nước ta, nơi giáo đường thênh thang uy nghiêm, Đức Chúa cũng nghe những lời xung tụng của con chiên thành kính qua những bài bản độc đáo của Ca trù.

Trong dân gian, mỗi khi khao vọng, cho dù là khao thọ, khao thi đỗ, khao được thăng chức, hay khai trương cửa hiệu, hoặc mừng đón nhau về hoặc mừng tiễn nhau đi đều vời đến đào kép ca trù, tùy việc tùy duyên mà thưởng ngoạn câu thơ khổ phách cung đàn. Hay những khi thư thả việc công, những khi buồn thế thái nhân tình, hoặc câu chuyện tình duyên gặp khi trắc trở, ai đó lại đến một ca quán vịn vào tiếng hát, tiếng thơ, tiếng tơ, nhịp phách ca trù, để sẻ chia tâm sự, để hoà mình vào thế giới nội tâm sâu thẳm của những tri âm, để hào hứng dốc sạch túi tiền vào một cuộc hát mà thưởng cho một ngón nghề tài hoa...

Có thể nói ca trù đã đồng hành cùng tâm hồn Việt, trải biết mấy thăng trầm cùng lịch sử vẫn lại đang về tìm lại chỗ đứng trong đời sống văn hóa văn nghệ phong phú đa dạng hôm nay.

### **1.3.2. Giá trị văn hóa nghệ thuật**

Với hai từ nghệ thuật, người ta thường ghép vào những hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau, như nghệ thuật chính trị, nghệ thuật quân sự, nghệ thuật kinh doanh, nghệ thuật nấu ăn, nghệ thuật sân khấu... Ai cũng biết nghệ thuật văn hóa trong mỗi âm thanh nhạc khí, mỗi giai điệu, ngữ điệu, mỗi âm từ, mỗi màu sắc, mỗi hình tượng trường đoản, mỗi động tác, mỗi con số, đạo cụ đều có ngôn ngữ riêng. Nói đến nghệ thuật ca trù, đã nhiều nhà nghiên cứu nói và viết: Ca trù mang tính hàn lâm và bác học.

Trong ca trù, từ nội dung lời ca, lời múa và âm thanh nhạc khí của ca trù là môn nghệ thuật đọc thơ, đọc phú, ngâm vịnh, từ lẽ lối hát và động tác múa của đào nương, với phối khí của nhịp phách ba lá, đàn lãn năm cung đàn đáy, năm khổ trống châu. Tất cả âm thanh tượng hình ấy, đều mang tải tâm hồn trong mỗi câu thơ, mỗi bài phú của một hay đồng tác giả cụ thể nào đó. Đào - Kép hát múa thể hiện bằng nhấn nhá, luyến láy, buông chữ, nhả chữ, không được sai âm, méo từ, và không được thêm vào hay bớt đi một chữ nào, như các lối dân dã khác đệm thêm “áy nấy”, “bây giờ”, “đề mà”... đan lãn vào trong các câu thơ. Dù ca trù có đôi âm từ muốn nhấn thêm, Đào nương có láy lại, nhưng cũng rất ít.

Những bài ca trù chủ yếu mang tải nội dung ca ngợi nghĩa cao đức cả, hay giáo huấn khuyên dụ lối sống nhân văn hoặc kích cảm mơ mộng cái Thiện, cái Mỹ, trước thiên nhiên và cộng đồng, như mục đích yêu cầu trong Thần phả, Thần sắc, nơi có đền thờ Tổ nghề đã nói ở trên là dạy cho trăm họ đức nghĩa chu toàn, khoan dung hòa hợp, kính cẩn sửa mình trong sạch, quyết đoán thông minh, dũng cảm vì dân vì nước.

Như vậy “nghệ thuật ca trù, là cái nghề tận dụng năng khiếu của thanh đơi thiên bẩm và dày công luyện rèn cả cánh tay, ngón tay sao cho uyển chuyển khéo léo hết mình, bỏ thêm than, thổi thêm lửa, hâm thêm nóng, với lòng ngực căng phồng tim phổi, dồn sức nén hơi, đẩy bật dâng trào, ngút ngàn hương vị, vào một vật thể có xương, có thịt, bằng chữ, bằng câu, mà nhà thơ đã sàng lọc, giữa gọt sấp xấp sẵn,

khích lệ ai đó dù khó tính, giàu mơ mộng hay sống khô khan cũng phải đắm chìm vào say sưa thưởng thức. Hay nói nghệ thuật ca trù là phương tiện chấp cánh cho thơ, gắn thêm kim tuyến cho lời, thổi thêm lửa tình cho chữ, tạo cho thơ bay thêm cao, liêng thêm xa, rải rợp đường hoa, lấp la lấp lánh. (Giang Thu và Vũ Thiện Loan, 2001:54-57)

Do đó, nói đến nghệ thuật ca trù, trước tiên phải nói đến những câu thơ sâu lắng và ý tình, từ hiện thực cảnh vật sống động, chứa đựng trong nội dung bài thơ ấy. Để tạo ra tiếng ca, tiếng nhạc độc đáo làm nên nghệ thuật ca trù thì cần phải có: một là Thơ, hai là Hát, ba là Phách, bốn là Đàn đáy, năm là Trống châu.

Ngày xưa hát múa ở cung đình đều do vua chúa và quan trong triều chế tác, cùng Bộ Lễ sắp xếp, nhằm chúc tụng đấng quang, chúc Quân vương trường thọ, hay mừng công chiến thắng, mừng cảnh thanh bình. Còn hát múa Cửa đình hầu hết là hát những bài thơ, bài kinh, bài truyện có sẵn, vừa múa hát theo các tiết mục hành lễ, như hát dâng rượu, tuần thứ nhất, tuần thứ hai, tuần thứ ba... đến cáo biệt Thần. Đôi khi, trong những bài hát thờ thần này còn có thêm một số bài thơ bằng chữ Hán, hoặc nửa Nôm, nửa Hán của những nho sĩ văn nhân ở địa phương, hoặc chức sắc ở nơi sở tại sáng tác, ca tụng công đức phò nước, cứu dân của vị Thành hoàng ở làng mình.

Có thể nói không có nghệ thuật nào của Việt Nam có tính quy chuẩn, nguyên tắc, tính bài bản như ca trù. Một mặt nữa đó là nghệ thuật mà trên thế giới không có: như cây đàn đáy không nước nào có, phương pháp đánh trống châu trong ca trù không nước nào có, một nghệ thuật đào nương vừa hát vừa gõ phách không nước nào có. Ca trù thực sự là một hình thức độc lập, sáng tạo riêng biệt của quá trình lịch sử.

Cái bất ngờ nhất là càng tìm hiểu sâu thì mới thấy ca trù thực sự là hình thức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp đầu tiên của Việt Nam. Ca trù bao hàm rất nhiều hình thức nghệ thuật trong đó có nghệ thuật ca hát, nghệ thuật múa và nghệ thuật trình diễn.

Một điều nữa là ca trù thực sự là nghệ thuật âm nhạc của người Việt Nam sáng tác, nó không vay mượn. Cái hay của loại hình nghệ thuật này còn ở chỗ bản thân ca

trù có sự dịch chuyển rất mạnh mẽ. Từ hát ở cửa đình ra sinh hoạt đời thường, hát khao vọng, hát mừng lên lão, rồi nó ra ca quán hát cho các nhà văn, nhà thơ nghe.

Những nhà văn, thơ lớn của chúng ta như Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Tuân, Thạch Lam đều “chơi” với Ca trù, một thú chơi cực kỳ văn minh. Và trong quá trình dịch chuyển đó, Ca trù vẫn bảo tồn được ba hình thức nghệ thuật ca, múa và trình diễn, tự dịch chuyển không gian và bảo tồn luôn giá trị.

Vẻ đẹp của ca trù là vẻ đẹp của âm thanh đã chuốt thành những chuỗi ngọc lung linh mà người hát trao cho người nghe hát, cũng đồng thời là những người làm ra các bài thơ đó, lại cũng là người phẩm bình, chấm điểm tiếng hát, tiếng phách ấy. Chính vì vậy mà Ca trù xứng đáng là một di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại bởi nó là nghệ thuật có giá trị lịch sử lâu đời nhất, một không gian văn hóa rộng nhất với những quy chuẩn nghệ thuật cao nhất.

## **Tiểu kết chương 1**

Trong chương 1, đề tài đã đi sâu làm rõ nhằm đem lại một cái nhìn tổng quan về nghệ thuật Ca trù của Việt Nam, từ lịch sử hình thành và phát triển đến những đặc trưng nghệ thuật cũng như những giá trị của ca trù..., tất cả đều nhằm khẳng định rằng đây là một di sản văn hóa quý báu mà ông cha ta đã để lại cần phải được các thế hệ mai sau tiếp tục giữ gìn, bảo tồn và phát huy. Và khai thác nghệ thuật ca trù một cách hiệu quả trong phát triển du lịch cũng là một biện pháp quan trọng góp phần bảo tồn và giới thiệu sâu rộng hơn nữa loại hình nghệ thuật đặc sắc này đến với công chúng trong và ngoài nước.

Hải Phòng tự hào có 2 câu lạc bộ Ca trù vẫn đang hoạt động thường xuyên đều đặn, đóng góp vào việc lưu giữ vốn cổ của dân tộc trong tổng số 22 câu lạc bộ Ca trù trên cả nước hiện nay. Đó là Câu lạc bộ Ca trù Hải Phòng và Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn, thuộc xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên. So với Câu lạc bộ Ca trù Hải Phòng, Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời hơn, còn lưu giữ được truyền thống nghệ thuật sâu sắc của một thời kỳ có tổ chức giáo phường hoạt động

chuyên nghiệp và mạnh mẽ. Đó cũng là một trong số ít những nơi còn lưu giữ được dấu tích của đình thờ tổ nghề Ca công và những bài bản làn điệu tương đối cổ. Vì thế, Ca trù Đông Môn hoàn toàn có đủ điều kiện để đưa vào khai thác phục vụ phát triển du lịch, đóng góp vào ngân sách du lịch chung của toàn thành phố

## **CHƯƠNG 2:**

### **TÌM HIỂU VỀ NGHỆ THUẬT CA TRÙ**

#### **ĐÔNG MÔN - THỦY NGUYÊN - HẢI PHÒNG**

##### **2.1. Vài nét về huyện Thủy Nguyên - Hải Phòng**

###### ***2.1.1. Điều kiện tự nhiên***

###### ***2.1.1.1. Vị trí địa lý***

Thủy Nguyên là huyện thuộc miền duyên hải Hải Phòng, nằm trong tọa độ 20°55' vĩ độ bắc, 106°45' kinh đông, có diện tích 242 km<sup>2</sup>. Hiện nay huyện Thủy Nguyên có 37 đơn vị hành chính gồm 2 thị trấn: Minh Đức, Núi Đèo và 35 xã.

Vùng đất nơi đây đã được hình thành từ rất lâu, xưa được gọi là Nam Triệu Giang, nằm trong vùng An Biên do nữ tướng Lê Chân cai quản, sau gọi là huyện Thủy Đường thuộc phủ Tân An Châu - Đông Triều. Đến triều vua Duy Tân thời Nguyễn (1908) đổi tên là huyện Thủy Nguyên thuộc tỉnh Kiến An, sau đó sát nhập vào Hải Phòng.

Từ lịch sử xa xưa, Thủy Nguyên là nơi trung gian quá cảnh đi nhiều vùng miền khác nhau bằng cả đường bộ lẫn đường thủy. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây giáp với huyện Kinh Môn (Hải Dương), phía Nam giáp với quận Hải An và nội thành Hải Phòng, phía Đông nhìn ra cửa biển và cửa Nam Triệu. Chiều dài của huyện từ Bến Đụn (đập Phi Liệt) đến Bến Rừng (Tam Hưng) là 31 km, chiều rộng từ Bến Bính đến Cầu Đá Bạc dài khoảng 17 km.

Độc huyện là quốc lộ số 10 chạy nối liền Hải Phòng với khu mỏ Quảng Ninh. Bên cạnh quốc lộ số 10 là đường 5B và đường 205 từ Trịnh Xá qua bến Phà Đụn sang vùng mỏ Mạo Khê. Ngoài ra còn có đường máng nước từ Vàng Danh đưa nước ngọt qua Thủy Nguyên. Trên đường này có nhiều cây cầu lớn như: cầu Đá Bạc dài 700m, Cầu Giá dài gần 300m...

### *2.1.1.2. Địa hình*

Thủy Nguyên là huyện ven biển ở vào vị trí chuyển tiếp của 2 vùng địa lí tự nhiên lớn là châu thổ sông Hồng và vùng đồi núi Đông Bắc. Địa hình Thủy Nguyên gồm địa hình đồng bằng, đồi núi và vùng trũng cửa sông ven biển.

\* Địa hình có núi đá vôi xen kẽ: Dạng địa hình này nằm ở phía Bắc huyện gồm địa hình núi đá vôi, đồi núi đất chạy từ An Sơn qua xã Lại Xuân, Liên Khê, Lưu Kiếm, Minh Tân, Gia Minh, Gia Đức và Minh Đức.

\* Địa hình đồng bằng: Đồng bằng trung tâm huyện gồm các xã Kiền Bái, Mỹ Đồng, Thủy Sơn... có lượng phù sa lớn thích hợp cho việc trồng lúa, hoa màu và cây ăn quả, độ cao trung bình của bề mặt thường từ 0, 2- 0, 8m.

\* Đồng bằng ven sông: Đây là vùng đồng bằng mới được bồi tụ, thường bị ngập nước của các xã Hoàng Động, Hoa Động, Lâm Động, Tân Dương, Phục Lễ, Phả Lễ, An Lư, Thủy Triều thuận lợi cho nền nông nghiệp phát triển.

\* Vùng cửa sông ven biển: Nét khác biệt đặc trưng cho dải đất ven biển huyện Thủy Nguyên là các bãi lầy được tạo thành từ một lớp phù sa và bùn nhão, ở bề mặt thường có màu phớt hồng. Đây là môi trường thuận lợi cho việc phát triển hệ động thực vật phong phú và rừng ngập mặn.

### *2.1.1.3. Khí hậu*

Khí hậu Thủy Nguyên mang tính chất nhiệt đới nóng ẩm gió mùa, do sự chi phối của hoàn lưu gió mùa Đông Nam Á, đặc biệt là không khí cực đới nên khí hậu ở đây chia làm 2 mùa rõ rệt, nhiệt độ trung bình năm là 23°C, độ ẩm 82- 85%.

### *2.1.1.4. Tài nguyên nước*

Trên bản đồ Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên như một ốc đảo bao bọc xung quanh và cả trong lòng huyện là mạng lưới sông ngòi dày đặc, có sông nước ngọt, sông nước lợ, sông nước mặn ngay sát biển. Toàn bộ huyện nằm trong vòng ôm của

những dòng sông, phía Tây là sông Hàn, phía Bắc là sông Đá Bạc, phía Đông là sông Bạch Đằng (sông Rừng), phía Nam là Sông Cấm, nằm ngang huyện là hồ Sông Giá thơ mộng.

#### *2.1.1.5. Tài nguyên động thực vật*

\* Động vật : cho tới nay, trên vùng đất của Thủy Nguyên gần như vắng bóng động thực vật hoang dã. Đây là hậu quả của quá trình khai phá rừng hoang để mở rộng địa bàn cư trú và sản xuất của con người. Tuy nhiên, hiện nay ở Thủy Nguyên vẫn còn một số động vật tồn tại và phát triển, chúng thường xuất hiện ở các dãy núi đá vôi như khi, dê, sơn dương, trăn, rắn, tắc kè và các loại chim.

Hiện nay huyện Thủy Nguyên đang triển khai kế hoạch phủ xanh đồi trọc bằng cách trồng các loại cây có ích và thả các loài động vật hoang dã để giữ cân bằng sinh thái.

\* Thực vật: Thủy Nguyên có khí hậu nhiệt đới gió mùa, bị chi phối mạnh bởi khí hậu của biển nên thực vật xanh tốt và sinh trưởng mạnh mẽ quanh năm cùng với tính chất đa dạng của địa hình và cấu tạo địa chất đã tạo nên tính đa dạng các kiểu thực bì và phong phú về nguồn gen.

Dựa vào đặc điểm sinh thái và sự phân bố tự nhiên có thể chia thực vật Thủy Nguyên thành các kiểu thực vật chính sau:

- Rừng trên đỉnh núi đá vôi có đặc điểm cây cối thường không cao quá 5m, rừng chủ yếu gồm 1 đến 2 tầng.
- Rừng trong các thung áng, trên núi đá vôi và trên các sườn núi đá vôi.

#### *2.1.2. Điều kiện dân cư - kinh tế - xã hội*

Vùng đất Thủy Nguyên được hình thành từ rất sớm, dân cư sống tại vùng đất này đã xuất hiện từ rất xa xưa. Theo điều tra dân số của huyện Thủy Nguyên đến năm 2010 có khoảng trên 30 vạn người. Thủy Nguyên là một trong những huyện có mật độ dân số cao của Hải Phòng với tỉ lệ 1, 70 người/km<sup>2</sup>.



Từ xưa tới nay khi nói tới con người Thủy Nguyên, người ta thường nói tới trai tài gái sắc, thông minh duyên dáng nổi tiếng khắp vùng. Sự phong phú, đa dạng của địa hình tạo cho con người Thủy Nguyên có khả năng phát triển về mọi mặt, có thể khắc phục những khó khăn trong cuộc sống cũng như nhanh chóng thích nghi được với môi trường sống hiện đại.

Điều kiện đất đai, khí hậu đã giúp con người Thủy Nguyên không chỉ giỏi về làm nông nghiệp, nghề làm rừng, làm vườn, nghề chài lưới mà còn thông thạo các nghề thủ công, thương mại và máy móc công nghiệp.

Nằm ở phía bắc của thành phố Hải Phòng, Thủy Nguyên được đánh giá là huyện có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, an ninh, quốc phòng.

Với diện tích 242, 7 km<sup>2</sup> lớn nhất so với các quận huyện khác của thành phố, với 37 đơn vị hành chính. Thủy Nguyên là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sông, đường biển.

Trong phát triển kinh tế, Thủy Nguyên có tiềm năng lớn về phát triển ngành công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển, khai thác chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, nhiệt điện, phát triển đô thị hiện đại và dịch vụ thương mại, du lịch nuôi trồng và khai thác thủy sản.

Trong những năm qua, đảng bộ, quân và dân huyện Thủy Nguyên đã nỗ lực phấn đấu đạt được những kết quả quan trọng và khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, giảm dần tỉ trọng nhóm ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ. Kinh tế tăng trưởng liên tục và luôn ở mức khá cao. Kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng nông thôn, các công trình phục vụ sản xuất được quan tâm đầu tư, việc quản lí đất đai, xây dựng có chuyển biến tích cực, tốc độ đô thị hóa khá nhanh.

Các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa thông tin, thể dục thể thao từng bước xã hội hóa, phát triển khá nhanh cả về quy mô, chất lượng đạt nhiều thành tựu xuất sắc. Những vấn đề xã hội như xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, chăm lo

đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo các chính sách xã hội được chú trọng.

Thủy Nguyên hôm nay đang từng bước thay da đổi thịt nhờ những chính sách đổi mới phù hợp với đội ngũ lãnh đạo năng động, dám nghĩ dám làm. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện và nâng cao, tư tưởng quần chúng ổn định, tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng và sự lãnh đạo của huyện.

### **2.1.3. Tài nguyên du lịch huyện Thủy Nguyên**

#### **2.1.3.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên**

Tài nguyên du lịch tự nhiên của Thủy Nguyên phong phú, đa dạng và hấp dẫn, được hình thành bởi đặc điểm tổng hòa của các yếu tố địa chất- địa hình, khí hậu, thủy văn, thảm thực vật và thế giới động thực vật. Với sự phong phú về tài nguyên này, huyện Thủy Nguyên có khả năng phát triển nhiều loại hình du lịch như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, tham quan danh lam thắng cảnh, du lịch leo núi, du khảo đồng quê... Có thể kể tên một số tài nguyên du lịch tự nhiên tiêu biểu của Thủy Nguyên như:

\* Khu du lịch sinh thái Hồ Sông Giá:

Đẹp nhất và có tiềm năng du lịch lớn nhất là sông Giá. Sông Giá là một vùng cảnh quan thiên nhiên đẹp, không phải ngẫu nhiên người ta gọi con sông Giá là con sông giàu huyền thoại.

Sông Giá là một chi lưu của hệ thống sông Bạch Đằng, bắt nguồn từ sông Đá Bạc tại thôn Giao Dương, xã Lại Xuân chảy qua các xã phía đông bắc huyện Thủy Nguyên rồi đổ ra sông Bạch Đằng ở khu Đầm De thị trấn Minh Đức. Sông Giá len lỏi giữa vùng núi non kì vĩ, tả ngạn là các xã Liên Khê, Lưu Kiếm, Minh Đức và hữu ngạn là các xã Lại Xuân, Kỳ Sơn, Chính Mỹ, Kênh Giang, Hòa Bình, Trung Hà, Phục Lễ.

Sông Giá nằm giữa miền châu thổ ven Biển Đông, nơi tạo tác nền văn minh sớm của cư dân Lạc Việt. Ngàn năm trước sông Giá hiền hòa góp phần hình thành

“Hành lang văn hóa” của vùng đất Thủy Nguyên cổ kính, đỉnh cao là văn hóa Tràng Kênh, văn minh Đông Sơn. Đồi bờ sông Giá còn là một kho tàng văn hóa phong phú, là quê hương của nhiều nhân tài, mặc khách, nơi gìn giữ phong tục tập quán lâu đời của quê hương đất nước.

Hồ Sông Giá là vùng du lịch cảnh quan sinh thái bao gồm 3 khu vực chính, có mối quan hệ với nhau trong khai thác. Đó là:

- Vùng lòng hồ Sông Giá có chiều dài 16, 5km từ đập Minh Đức đến đập Phi Liệt, chiều rộng trung bình từ 250-400m, diện tích mặt hồ là 6, 6km<sup>2</sup>.

- Vùng bờ phía Bắc hồ bao gồm các xã Minh Tân, Lưu Kiếm, Liên Khê và thị trấn Minh Đức. Nơi đây có nhiều núi đá, hang động và danh thắng đẹp như Hang Vua, đền thờ Trần Quốc Bảo...

- Vùng phía nam hồ gồm các xã Ngũ Lão, Thủy Triều, Trung Hà, Hòa Bình... với những đồi thấp ven hồ, những vườn cây ăn quả trù phú, có những địa danh nổi tiếng như Quán Đá, Bến Hà Tê, Chợ Giá, Chợ Chính Mỹ... đã đi vào lịch sử địa phương, từ đây có những tuyến đường liên tỉnh, liên huyện, liên xã thuận tiện cho việc di chuyển và phát triển du lịch của huyện Thủy Nguyên.

Bên sông Giá là Chợ Giá (kênh Giang) là một trong những chợ truyền thống xưa của người Thủy Nguyên nói chung và các huyện lân cận khác. Bên Sông Giá còn có xóm Bến, xóm Lò (Minh Tân) - một thời gian buôn bán sầm uất trên bến dưới thuyền, làng Đông Môn (Hòa Bình) có truyền thống hát ca trù, đền thờ hổ tướng Hà Trí Sĩ và thành đồn nhà Mạc...

\*Núi U Bò:

“Tràng Kênh có núi U Bò

Có sông Quán Giá, có đò sang ngang”.

Đây là ngọn núi cao chừng 400m, nằm gần đền thờ Trần Quốc Bảo. Hình dáng của núi giống cái u của con bò nên được gọi là núi U Bò. Núi U Bò đứng sừng sững ngay

bên bờ sông Bạch Đằng lịch sử. Tương truyền đây là nơi Trần Hưng Đạo đã đứng đề chỉ huy trận thủy chiến chống quân xâm lược thế kỉ XIII. Dưới chân núi Hoàng Tôn, gần núi U Bò còn phần mộ và đền thờ Trần Quốc Bảo cách đây trên 700 năm. Đứng trên núi U Bò có thể nhìn bao quát toàn cảnh sông Bạch Đằng. Sông núi tĩnh lặng trời nước mênh mông, đã có những huyền thoại về các nàng tiên vào những đêm trăng thanh gió mát đã rủ nhau đến núi U Bò để đánh cờ, mãi đánh cờ quên cả gà gáy sáng, lúc ra đi vội vàng đã để rơi xuống chân núi những quân cờ đủ màu sắc xanh, đỏ, tím, vàng. Qua một trận mưa các quân cờ càng óng ánh, khoe sắc, đi qua có thể nhặt được. Sau này nhờ khoa học khảo cổ mới rõ cách đây 4000 năm, nơi đây là xưởng chế tác đồ trang sức của người xưa. Những quân cờ là lõi của các vòng tay, vòng cổ. Nhiều đồ trang sức bằng đá quý có màu sắc đẹp khác nhau, có đường kính to nhỏ không giống nhau, còn có dụng cụ để chế tác đồ đá của người thợ Tràng Kênh xưa.

\* Hang động:

Trong quá trình hoạt động của vỏ trái đất đã ban tặng cho Thủy Nguyên một địa hình Karst trên cạn với nhiều hang động hấp dẫn và kỳ thú. Các hang động chủ yếu tập trung ở phía bắc huyện, trong đó còn rất nhiều hang động vẫn giữ được vẻ hoang sơ như thời kỳ ban đầu.

Ở đây có nhiều hang động nổi tiếng như: hang Vua, hang Vải, hang Ma, hang Sộp, hang Sơn, hang Lương, hang Đốc Tít... Hiện nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống về quá trình thành tạo các hang động kỳ thú này.

Hầu hết các hang động ở đây đều có độ dài dưới 200m, các hang động có độ dài lớn nhất cũng không vượt quá 500m. Vị trí của hang động thường tập trung ở mức cao 4-6m, 15-20m, hoặc 30m, chiều rộng từ 5-10m, chiều cao từ 10-18m. Tuy kích thước hang động không lớn nhưng các hang động ở Thủy Nguyên lại có địa hình đẹp, nhiều thành tạo địa chất hấp dẫn, nhiều thạch nhũ. Bên cạnh đó các hang động ở đây thường gắn liền với tên tuổi của các vị anh hùng dân tộc qua các cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

\* Sông Bạch Đằng:

Nói đến Thủy Nguyên trước hết phải nói đến sông Bạch Đằng lịch sử, một tuyến đầu chống giặc ngoại xâm từ biển ở phía đông bắc của đất nước ta. Sông Bạch Đằng ở phía Bắc của Hải Phòng, cách trung tâm thành phố 20 km. Dòng sông dài nhưng tiếp giáp với biển nên cảnh sắc ở đây mênh mông hùng vĩ. Sông có tên là Vân Cừ hay sông Rừng, sông có địa thế thiên hiểm. Nguyễn Trãi - một nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam - đã từng ca ngợi:

“Quan hà bách nhị do thiên thiết

Hào kiệt công danh thử địa tăng”

Nghĩa là: “trời sắp đặt ra sông núi hiểm trở, một người có thể chống cả trăm. Anh hùng hào kiệt thường lập công nơi này”. Nơi đây Ngô Quyền (938), Lê Hoàn (981), Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (1288) đã đánh tan các đạo thủy binh lớn của giặc ngoại xâm bằng các bãi cọc đóng trên sông. Cọc lim - chiến tích của những chiến công lẫy lừng đó hiện còn lưu giữ ở một bãi cọc tại bờ sông Chanh, thị xã Quảng Yên (tỉnh Quảng Ninh) cách bến Rừng 1km về phía Đông và một số đang được trưng bày ở nhà bảo tàng thành phố Hải Phòng. Vùng quanh đó còn có những cái tên làng như Lưu Kiếm (nơi giữ kiếm), Lưu Kỳ (nơi giữ cờ), chùa Vẽ (nơi vẽ bản đồ quân sự), đền thờ Ngô Quyền, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Bảo... và nhiều truyền thuyết lịch sử về các danh tướng lưu truyền từ đời trước sang đời sau, đều gợi nhắc về chiến công và quá khứ hào hùng của cha ông.

Bên cạnh những tài nguyên du lịch tự nhiên, Thủy Nguyên còn là mảnh đất lưu giữ nhiều chứng tích lịch sử của dân tộc với nguồn tài nguyên du lịch nhân văn không kém phần phong phú.

#### *2.1.3.2. Tài nguyên du lịch nhân văn*

Tính đến nay, Thủy Nguyên có 5 Đền, 8 Chùa, 34 Đình, 2 Miếu và 1 Nghè, trong đó có 21 di tích lịch sử - văn hóa được nhà nước công nhận, nhiều trong số đó là những nơi có thắng cảnh đẹp hấp dẫn, có thể khai thác phục vụ tham quan du lịch. Bên

cạnh đó, Thủy Nguyên còn có một hệ thống lễ hội đặc sắc và làng nghề thủ công có truyền thống lâu đời, góp phần làm nên sự phong phú của tài nguyên du lịch nơi đây. Có thể kể đến một số tài nguyên du lịch nhân văn tiêu biểu của huyện như sau:

a). *Khu di tích lịch sử và danh thắng Tràng Kênh* với các điểm du lịch: núi U Bò, hang Vua, sông Bạch Đằng, đền thờ Trần Quốc Bảo.

Tràng Kênh thuộc huyện Thủy Nguyên, cách nội thành Hải Phòng 20km về phía Đông Bắc. Đây là quần thể đồi, núi đá vôi, hang động sông nước, áng, hồ, muôn hình ngàn vẻ cảnh trí thiên nhiên giống như Vịnh Hạ Long nên người ta gọi là vùng “Hạ Long cạn”.

Tại địa điểm Tràng Kênh, người ta phát hiện ra 3 ngôi mộ của người Tràng Kênh cổ. Trong 3 ngôi mộ kể trên thì có 2 ngôi mộ là mộ của người lớn và một mộ là trẻ em.

Tràng Kênh có nhiều hang động kì thú, nổi tiếng là Hang Vua ở xã Minh Tân. Hang rộng 5 đến 18m, trần hang như nóc chuông nhà thờ, hang thông với nhiều ngách, có ngách tới 4 tầng, tầng hầm, tầng giữa cao từ 4 đến 6m, tầng tiếp theo cao từ 8 đến 10m và tầng trên cùng cao từ 12 đến 15m. Trong hang có suối nước quanh năm trong mát, gọi là Hang Vua vì theo tương truyền cách đây trên 4000 năm vua Hùng thứ 18 đã lập mê cung ở đây. Ngày nay vẫn còn đền thờ vua Hùng được đặt ở chính giữa hang, tượng vua được tạc bằng đá, kích thước nhỏ hơn người thực nhưng rất sinh động. Hang Vua đầu thế kỉ XX được nghĩa quân Đốc Tít dùng làm căn cứ chiến đấu. Năm 1930, các đảng viên quốc dân Đảng của Nguyễn Thái Học đã hội họp ở đây. Năm 1940, chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên xã Minh Tân ra đời trong hang này và từ đó trong suốt 2 cuộc chiến tranh vệ quốc luôn là căn cứ kháng chiến của ta.

Bao bọc phía đông Tràng Kênh là sông Bạch Đằng, còn dưới chân núi Hoàng Tôn, gần núi U Bò, cách sông Bạch Đằng không xa là đền thờ tướng quân Trần Quốc Bảo.

Đền thờ Trần Quốc Bảo là công trình tưởng niệm về vị tướng của vương triều Trần - người có công trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông của dân tộc ta

ở thế kỷ XIII. Đền nằm ở phía nam chân núi Hoàng Tôn, thôn Tràng Kênh thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên. Căn cứ vào các tư liệu như bản ngọc phả, văn bia, sắc phong của đền và chính sử nước ta thì biết Trần Quốc Bảo vốn là con trai của một vị Hoàng tộc trong vương triều Trần, cháu gọi vua Trần Nhân Tông (1279-1293) bằng ông.

Trong trận chiến Bạch Đằng năm 1288, Trần Quốc Bảo đã hy sinh anh dũng. Do vậy sau khi ông mất triều đình nhà Trần đã truyền cho nhân dân địa phương vùng Tràng Kênh (nơi ông đóng quân và hy sinh) lập miếu thờ và truy phong làm thái tử. Các triều đại phong kiến tiếp theo đã thừa nhận công lao của Trần Quốc Bảo và suy tôn là “thượng đẳng phúc thần”, phong sắc “thành hoàng làng Tràng Kênh”. Như vậy nguồn gốc của di tích đền thờ Trần Quốc Bảo có từ thế kỉ XIII nhưng theo tấm bia hiện còn lưu giữ tại đền dựng vào năm Bính Dần (1926) thì khi mới dựng đền được gọi là Miếu do quy mô nhỏ và sơ sài. Cũng theo tư liệu này thì mãi đến năm 1624 đời vua Lê Thần Tông, niên hiệu Vĩnh Tộ, nhân dân ở Tràng Kênh - Minh Đức mới cùng nhau bỏ tiền góp công sức trùng tu xây dựng lại ngôi đền với quy mô bề thế hơn. Kiến trúc đền thờ Trần Quốc Bảo gồm có 2 phần:

+ Phần trong gọi là hậu cung (hay nội điện) nơi thờ tự Trần Quốc Bảo.

+ Phần ngoài gọi là tiền đường (hay đại bái) có kiến trúc độc đáo gồm 2 tầng, 8 mái đao cong, đắp mô tít “rồng châu, phượng múa” xung quanh bái đường không xây tường làm cửa để ngỏ 4 mặt tạo ra sự thông thoáng mát mẻ. Chính giữa là “trung đình”, nơi đặt hương án, đền thờ. Hai bên tả hữu của đại bái là nơi hội họp của các quan viên trong làng xã xưa kia. Tuy nhiên đền thờ Trần Quốc Bảo đã trải qua nhiều lần tu sửa do đổ nát, xuống cấp nên vết tích cổ có niên đại sớm ở thời kì Trần- Lê hầu như không còn. Lần tu sửa mới đây (1994) chỉ giữ lại được các cột vì xà trong hậu cung mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn (thế kỉ XIX).

Lễ hội Trần Quốc Bảo (hay lễ hội Tràng Kênh) bắt đầu vào mùng 6 tháng giêng âm lịch và kéo dài đến 11 tháng giêng âm lịch. Đây là một lễ hội có quy mô lớn nhất ở huyện Thủy Nguyên, được duy trì và tổ chức đều đặn hàng năm, có sức lôi cuốn sự tham gia đông đảo của nhân dân địa phương và các vùng lân cận.

*b) Lễ hội*

Lễ hội truyền thống có một vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân. Các lễ hội cũng là một tiềm năng du lịch rất quan trọng, vì vậy cần chú ý đầu tư khôi phục và phát triển. Hầu hết các làng xã ở Thủy Nguyên đều có các ngày lễ hội riêng của mình. Xã Minh Đức có ngày lễ hội mồng 6 tháng giêng âm lịch cúng Trần Quốc Bảo, Xã Kiên Bái có lễ hội mồng 10 tháng 11 cúng thần làng, xã Lâm Động có hội chùa 17 tháng giêng, xã Thủy Đường, Phà Ninh thường làm cỗ đem lên đình, chùa, miếu để cúng.

Đáng chú ý ở huyện Thủy Nguyên là một số lễ hội mang tính chất lớn tiêu biểu và có nhiều chất sinh hoạt văn hóa là Hội hát đúm và Hội mở mặt vào 4 - 10/ tháng giêng tại xã Lập Lễ, Phả Lễ, Phục Lễ (Hát đúm là Hát đối đáp Nam - Nữ); Hội Chùa Mĩ Cự - xã Chính Mỹ vào 6/tháng giêng; hội Ca trù Ở Đông Môn, Hòa Bình vào 23 - 24/ tháng 9 âm lịch; hội hát trống quân vào ngày 10/11 âm lịch ở xã Kiên Bái; hội đèn Lê Ích Mộc, hội du xuân ở nhiều làng xã...

*c) Nghề và làng nghề thủ công*

Thủy Nguyên có một số nghề truyền thống như: đúc đồng, đúc gang, mây tre đan, nghề côi, thêu ren..., mỗi nghề đều có lịch sử phát triển lâu dài và khá độc đáo.

*\* Nghề đúc*

Nghề đúc ở xã Mỹ Đồng đã có cách đây 200 năm, bắt đầu ở thôn Phương Mỹ. Vào năm 1918 - 1920, ở thôn Phương Mỹ đã có tới hơn 20 lò đúc, những năm kháng chiến chống Pháp nghe theo tiếng gọi của Đảng, người dân Phương Mỹ đã bí mật rèn vũ khí, các chi tiết máy in cho cách mạng. Dưới sự chỉ đạo và quan tâm chặt chẽ của Nhà nước, nghề đúc Thủy Nguyên đang phát triển mạnh.

*\* Nghề gốm sứ*

Nghề này tập trung ở xã Minh Tân, qua các di chỉ khảo cổ Tràng Kênh người ta đã thu lượm hàng vạn mảnh gốm với nhiều hình thức trang trí chứng tỏ đây là một công xưởng chế tác nhiều loại gốm với chất lượng cao.



Ngoài các sản phẩm chủ yếu như nôi, bình, bát, ấm, chén... thì người dân nơi đây còn làm cả ngói lãn phù điêu. Trải qua nhiều năm nhưng sản phẩm gốm Minh Tân vẫn được nhiều người yêu thích.

*\* Nghề mây tre đan*

Đây là một nghề cổ truyền của xã Chính Mỹ. Theo các cụ trong làng kể lại, khi xưa đây là vùng núi rừng, tre vầu mọc rất nhiều, để phục vụ cho nhà nông, người dân trong làng đã tận dụng nguồn nguyên liệu này làm ra các sản phẩm như thúng, nong, nia theo các mẫu đan hình tròn, hình chữ nhật, xương cá. Ngày nay nghề này vẫn được duy trì.

Như vậy có thể thấy, huyện Thủy Nguyên có tài nguyên nhân văn khá phong phú và có giá trị du lịch cao. Đây là mảnh đất địa linh nhân kiệt đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc và đồng thời cũng là nơi lưu giữ dấu vết của người cổ đại qua các di chỉ khảo cổ Tràng Kênh. Hơn nữa, Thủy Nguyên còn là vùng đất có nhiều lễ hội dân gian đặc sắc, là nơi tập trung của nhiều làng nghề thủ công truyền thống có sức thu hút khách du lịch. Tuy nhiên việc khai thác tiềm năng trên phục vụ du lịch còn rất hạn chế, các di tích lịch sử được khai thác phục vụ du lịch còn quá ít. Lí do chủ yếu là cơ sở hạ tầng kém, giao thông chưa thuận tiện, mặt khác các di tích đang bị xuống cấp nghiêm trọng, có nơi còn bị đổ nát, một số đình chùa được tôn tạo nhưng chưa đảm bảo được tính chân thực của lịch sử và phong cách kiến trúc cổ...

Tuy nhiên với sự đa dạng và phong phú của cả tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn, đồng thời với tình hình kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện rõ nét đang từng bước đưa Thủy Nguyên trở thành một huyện phát triển nhất của thành phố Hải Phòng. Vấn đề đặt ra hiện nay là cần phải có sự quan tâm và đầu tư đúng hướng để du lịch của huyện ngày càng phát triển, xứng đáng với tài nguyên sẵn có của huyện.

## **2.2. Khái quát về nghệ thuật ca trù Đông Môn - Thủy Nguyên- Hải Phòng**

### **2.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của ca trù Đông Môn**

Người dân Đông Môn, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên (trước là huyện Thủy Đường, phủ Kinh Môn, lộ Hải Dương) ngoài các sinh hoạt văn hóa, lễ hội như các làng quê khác còn có loại hình sinh hoạt văn hóa Ca trù tiêu biểu, khá phát triển với

nhiều nghệ nhân nổi tiếng trong Tam phủ Bát huyện. Theo các tài liệu còn để lại và qua lời kể của các cụ xưa thì ca trù Đông Môn ra đời từ thời Lê.

Theo người dân địa phương kể lại rằng: Các cụ xưa có nói, ca trù ở đây đã bắt nguồn từ bốn anh em nhà họ Phạm ở trang Thủy Đường, phủ Kinh Môn, lộ Hải Dương, xưa là Phạm Quang, Phạm Nghiêm, Phạm Huấn, và Phạm Thị Cúc Nương. Cả bốn anh em đều theo Vua Lê Đại Hành đánh giặc. Sau khi chết dân làng đều lập đền thờ - Làng Ngọc Phương (nay là thôn Thủy Tú, xã Thủy Đường) thờ Phạm Quang và Phạm Thị Cúc Nương. Làng Nương Kê và Chiêm Phương (nay thuộc xã Hòa Bình) thờ Phạm Nghiêm - làng Thường Sơn (nay thuộc thị trấn Núi Đèo) thờ Phạm Huấn, là những người đầu tiên mang nghề ca trù về truyền bá ở khu vực này. Đó chỉ là truyền miệng, cũng có thể lối hát ca trù đã bắt đầu từ thời Tiền Lê, nhưng thời kỳ này, ca trù có lẽ còn hòa lẫn với các hình thức ca nhạc dân gian khác chứ chưa trở thành một bộ môn nghệ thuật độc lập và có âm luật riêng như từ thời Hậu Lê trở đi.

Tuy nhiên, căn cứ trên những di tích còn lại có thể khẳng định rằng, làng Đông Môn, huyện Thủy Nguyên cũng là một trong những cái nôi phát tích của nghệ thuật Ca trù. Bằng chứng là ở làng Đông Môn, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên hiện nay còn có đền thờ nhị vị tổ nghề Ca trù Đông Môn dựng từ thời Hậu Lê. Ngôi đền này thờ Đinh Dự hiệu Thanh Xà Đại Vương (có người còn gọi là Đinh Lễ) cùng vợ là Bạch Hoa công chúa (Mãn Đường Hoa công chúa, con gái ông Bạch Đình Sa, là quan châu phủ Thường Xuân, Thanh Hóa). Có hai giả thuyết về hai vị Tổ nghề này. Giả thuyết thứ nhất, ông Đinh Dự và vợ đã tiếp thu nghệ thuật hát ca trù về Đông Môn lập giáo phường và tổ chức truyền nghề cho con em trong làng cùng các làng, phủ lân cận. Chi tiết này có lẽ khó có thể kiểm chứng, nhưng thông qua câu chuyện truyền thuyết về vị Tổ nghề Ca trù cùng hệ thống những di tích thờ họ còn lại đến ngày nay trên khắp cả nước đã được khảo sát trong phần đầu của chương 1, có thể thấy rằng, chưa chắc vợ chồng Đinh Dự đã từng đến Đông Môn và truyền nghề cho dân chúng địa phương, nhưng cũng như nhiều làng nghề ca trù và giáo phường khác, người dân Đông Môn vẫn lập đền thờ họ để tri ân những vị Tổ nghề đã có công truyền lại câu ca tiếng phách tiếng đàn cho hậu thế. Và như thế, giả thuyết thứ hai nghe chừng có vẻ hợp lý hơn, nghe đồn hai vợ chồng họ Đinh ở Thanh Hóa khai sinh ra lối hát mới rất hay, người

dân ở Đông Môn đã cử người vào đây học đàn, hát và về làng truyền lại cho con cháu. Nghệ ca trù Đông Môn chính thức có từ thời đó.

Tiếp theo hai ông bà Tổ nghề Đình Dụ và Bạch Hoa công chúa được cho là 2 người có công đặt nền móng đầu tiên cho nghệ thuật ca trù Đông Môn, thì sử sách và trí nhớ của các thế hệ nghệ nhân đời sau còn truyền tụng lại vai trò của người đã có công tiếp tục duy trì, phát triển và mở rộng loại hình nghệ thuật này ở Đông Môn là bà Chúa Sang (Phạm Thị Sang). Bà vốn là một đào hát nổi danh, nhờ tài sắc vẹn toàn đã được Chúa Trịnh Giang (1729 - 1790) phong làm Thứ Phi và cấp cho 10 mẫu ruộng lộc ở Đông Môn. Sau khi bà mất, do công lao của bà, giáo phường đã tạc tượng và đưa bà vào phối thờ trong ban thờ Mẫu chùa Đông Môn, tuy nhiên vào năm 1968, tượng bà được chuyển sang chùa làng Hà Phú bên cạnh.

Sau bà Chúa Sang, có thể kể tên thế hệ nghệ nhân tiêu biểu tiếp theo của Đông Môn là ông Tô Tiên. Ông nổi tiếng đã tham gia các châu sát hạch do Nhà nước bấy giờ tổ chức và đều đạt bằng cấp cao, tiếp tục nối nghề và phát triển nghệ thuật ca trù, được giáo phường phong làm Trùm trưởng. Hiện còn bài vị, sắc phong (có niên đại cách đây khoảng 200 năm) cùng rất nhiều câu đối, hoành phi của giáo phường đương thời cũng như của các thế hệ giáo phường nối tiếp ca ngợi công đức của ông, đang được lưu giữ tại đền thờ ông của một trong hai chi họ giáo phường của làng Đông Môn.

Đặc biệt trong thời Nguyễn, Ca trù ở Đông Môn đã được triều đại vua Gia Long (1802 - 1819) phong tặng một bản Thần sắc bằng giấy sợi dây màu vàng in hoa chữ “Thọ” tròn. Qua nội dung của bản Thần phả cho thấy Ca trù ở đây đã được triều Gia Long 2 lần sắc phong, ghi nhận công lao vào các năm 1804, 1810, chứng tỏ đây cũng là một trong những cái nôi của nghệ thuật ca trù ở miền Bắc. Chỉ riêng đọc qua Thần sắc nơi đây, đủ nói lên Phủ Từ thờ Tổ công này đã có trên 200 năm. Cụ thể là “Phủ Từ” thờ Tổ Ca công ở đây do con em của Tam phủ bát huyện góp tiền xây dựng. Gọi là Phủ Từ có nghĩa là nhà thờ hàng Phủ, theo hình chữ Tam, có hậu cung 2 gian, trung sảnh 3 gian, tiền đường 5 gian với đồ trang trí nghi trượng tế tự đẹp vào loại nhất huyện, còn có thêm những hình nộm Long, Ly, Qui, Phượng để đồ vũ đạo và các loại nhạc khí truyền thống khác. Sắc phong cũng xác nhận đây là tổ chức giáo phường

thuộc quyền quản lý của Ty giáo phường Bắc thành, hai vị Tổ Ca công được thờ tự là Chính thần thuộc hệ Bắc Thành thờ. Nội dung của sắc phong cũng thể hiện đây không chỉ là đền thờ riêng cho những giáo phường của huyện Thủy Đường, phủ Kinh Môn, mà còn của cả khu vực Duyên hải. Những người già ở địa phương còn kể lại rằng: “Ngày xưa ở hội giỗ Tổ ca công hàng năm, con cháu nhà Thánh ở các nơi như Hà Nam, Kinh Môn, Kim Thành, Ninh Giang, Kiến An, Kiến Thụy, có khi cả Bắc Ninh, Thái Bình... cũng đều về làm lễ, ca múa cúng tế Tổ và kiểm tra tay nghề đàn hát, xét kết nạp Hội viên mới, cùng phân công kèm cặp bồi dưỡng thêm, còn nghệ nhân ở Đông Môn thì không phải đi tế lễ Tổ ở nơi khác”<sup>2</sup>. (Giang Thu và Vũ Thiện Loan, 2001:20-27)

Như vậy, qua hệ thống thờ tự, thần phả, sắc phong hiện còn lưu giữ lại làng Đông Môn cũng như các tài liệu lưu giữ rải rác ở Viện nghiên cứu Hán Nôm, Viện Thông tin Khoa học xã hội, chúng ta có thể khẳng định loại hình sinh hoạt ca trù nói chung, nghệ thuật ca trù nói riêng đã được hình thành tại làng Đông Môn, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng từ rất lâu (muộn nhất cũng đã có từ thời Hậu Lê), phát triển mạnh và trở thành một giáo phường có tính chất là một tổ chức nghề nghiệp với quy mô tổ chức chặt chẽ, có sức chi phối mạnh trong một số vùng rộng lớn mà ít nhất là vùng Duyên Hải Bắc bộ, được các triều đại phong kiến ghi nhận công lao và ít nhất (theo tài liệu còn lưu giữ được) đã 2 lần tấn phong vào những năm 1804 và 1810.

Cũng giống như nhiều giáo phường khác, Phủ từ thờ tổ Ca công ở đây xưa kia có một tổ chức gọi là Hội đồng giáo phường, thường mấy năm bầu trùm trưởng một lần, để điều phối công vụ hành nghề quản lý phủ Từ, lo việc tổ chức ngày Hội thánh hàng năm. Sau khi đất nước rơi vào ách đô hộ của thực dân Pháp, tổ chức giáo phường cũng không còn hoạt động chuyên nghiệp như trước, nhưng Ca trù Đông Môn không vì thế mà mất đi thanh thế của mình. Vùng đất này nhiều đời sống bằng nghề ca trù là

---

<sup>2</sup> Chi tiết rằng, năm 1968, Phủ Từ thờ Ca công của Đông Môn đã bị tháo dỡ làm nhà kho Hợp tác xã, nay chỉ còn một cỗ ngai lớn đặt hai pho tượng Tổ Ca công (Đình Dụ Thanh Xà đại vương và Mãn Đường Hoa công chúa). Dưới bệ tượng Đình Dụ tạc hình rắn xanh, đầu rồng và dưới bệ tượng Mãn Đường Hoa tạc biểu tượng con cá vàng đầu rồng phun hoa cùng hai phù điêu một nam, một nữ đứng châu hai bên.

chủ yếu, nhà nào cũng có kếp đàn và đào hát. Những tao nhân mặc khách thường tới đây nghe hát Ả đào, vào bất cứ nhà nào, hay muốn thưởng thức giọng ai hát, ngón đàn ai vè, tay phách ai gõ tha hồ lựa chọn, như nhà cụ Tô Văn Mô, cụ Nguyễn văn Tọa hay cụ Tô Văn Toại... là những nhà có tiếng đàn hát nổi tiếng ở Đông Môn hồi những năm 20 - 40 của thế kỉ XX.

Không chỉ có thế, lịch sử phát triển Ca trù Việt Nam ghi nhận: “tới năm 1940, một nghệ nhân ca trù làng Đông Môn, Thủy Nguyên, Hải Phòng mới 16 tuổi đã dám vào Phú Nhuận, Sài Gòn dẫn theo một số đào kếp ở quê nhà vào mở Ca quán hát Ả Đào tại thành phố phương Nam này. Vậy là ca trù đã loang ra khắp Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX”. (<http://tranquanghai.info/p2770-nguyen-trong-%3Ahanh-tinh-da-vong-khuc-ca-tru.html>)

Như thế, đủ thấy sức sống của Ca trù Đông Môn mạnh mẽ như thế nào và nghề hát Ca trù có ý nghĩa như thế nào trong đời sống thường nhật của người dân Đông Môn?

Dân làng Đông Môn và đôi ba dòng họ ở các làng phụ cận trước năm 1945 cũng hầu hết sống bằng nghề hát ca trù. Qua nhiều đợt sưu tra từ năm 1985 tới nay đã khẳng định, nghệ thuật ca trù Đông Môn đã hình thành lâu đời, trải qua nhiều đời, lâu nhất là họ Phạm, tiếp đó là họ Tô, rồi họ Nguyễn, họ Trần, họ Lưu. Ai cũng nói tất cả con cháu các dòng họ này đều đã có mười mấy đời liên tục sống với nghề, dần dần phát triển trở thành làng nghề chuyên nghiệp. Cách đây 200 năm, cụ trùm trưởng Tô Tiến là nghệ sĩ đàn đã cùng với vợ là Lại Thị Nhị một đào nương có giọng hát giỏi đã cùng dạy đàn hát cho cả làng. Xưa kia ai qua huyện Thủy Đường, nhất là qua làng Đông Môn đều được nghe và thấy vang vọng tiếng đàn, tiếng trống, tiếng phách, điệu múa, tiếng hát từ sáng sớm tới đêm khuya, ở tất cả mọi nhà. Cụ kị truyền cho ông bà, ông bà truyền cho cha mẹ, cha mẹ truyền cho con cháu. Nam thì học đàn nhạc, trống phách, nữ thì học cách lấy giọng, cách rung ngân luyện láy, cách nhả chữ, buông chữ và nhấn nhá cùng gõ nhịp, phải vừa sao đủ khổ đúng nhịp cùng với đàn và nghe tiếng trống châu điều khiển. Như vậy, rõ ràng ở đây xưa kia đã có một làng nghề ca trù hay làng nghề hát ả đào, khác hẳn với những vùng khác có phường hát. Tuy nhiên, sau nạn

đói tháng 3 năm Ất Dậu – 1945, riêng miền Bắc chết đói trên 2 triệu người, những người làm nghệ thuật truyền thống ở đây cũng cùng chung số phận. Những ai còn sống sót trong nạn đói ấy cũng gặp nhiều khó khăn. Cảnh tiêu điều ấy ít nhiều đã làm làng nghề mai một.

Những người hoạt động nghệ thuật hồi đó và trước đó, có còn sống thì lại cùng cả nước đánh giặc ngoại xâm, rồi cùng nhau chung lưng đấu cật hàn gắn phục hồi, môn nghệ thuật ca trù từ đời cha ông truyền lại dần bị lãng quên, suốt trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, tiếng hát tiếng nhạc ở đây đã hầu như bật vô âm tín. Theo một khảo sát gần đây do địa phương tiến hành, vào cuối những năm 90 của thế kỷ XX, những người còn nhớ nghề tổ chỉ đếm trên đầu ngón tay, và hầu như ai cũng đã già yếu, ít nhất cũng từ 70 tuổi trở lên, như bà Tô Thị Chè là trẻ hơn cả<sup>3</sup>. Một số ca nương khác như bà Thoa, bà Xuyến, bà Nhận thì cũng đã rời đi nơi khác cùng con cháu. Có người xưa kia là nghệ nhân nổi tiếng nay cũng đã bị mất trí, hoặc bệnh hoạn, lại bỏ nghề lâu nên cũng chỉ bập bõm nhớ câu được câu chăng. Đáng chú ý nhất trong thế hệ này có lẽ phải kể đến nghệ nhân Nguyễn Thị Chín. Xuất thân từ giáo phường ca trù Đông Môn - Thủy Nguyên, nghệ nhân Nguyễn Thị Chín thời trẻ là đào nương tài sắc, từng tự mình mở ca quán ở Hải Phòng và Sài Gòn. Khi ấy, không ít người dám "chết" vì tiếng phách tre của bà. Dù đã 84 tuổi nhưng giọng bà còn rất khỏe, nảy hạt, nhuần nhuyễn và hát được nhiều làn điệu khó như: nhịp ba cung bậc, ba mươi sáu giọng... Tuy không còn ở Đông Môn, nhưng bà là một trong những người có công khôi phục lại nghệ thuật ca trù ở Hải Phòng. Năm 1994, 1995, bà đã cùng kếp đàn danh tiếng Trần Trọng Quế, người đã từng có thời gian đệm đàn cho NSND Quách Thị Hồ, đạp xe khắp thành phố để tìm những đào nương, kếp đàn năm xưa từng "một thời vang bóng"<sup>4</sup>, vận động họ tới tập luyện và truyền nghề cho những ca nương, kếp đàn trẻ. Hai người sau này là những người có công sáng lập nên Câu lạc bộ Ca trù Hải Phòng, vẫn hoạt động thường xuyên liên tục, đều đặn từ đó cho đến nay.

---

<sup>3</sup> Cụ Tô Thị Chè đã mất năm 2009.

<sup>4</sup> Khu vực quán Bà Mau trước đây là nơi tập trung nhiều ca quán và các giáo phường nổi tiếng của Hải Phòng vào đầu thế kỷ XX.

Trở lại với Ca trù làng Đông Môn, hòa trong xu thế chung của Ca trù cả nước, đầu thế kỷ XXI, ca trù ở làng Đông Môn sau nhiều năm bị lãng quên nay đã và đang được phục hồi. Chủ nhiệm Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn hiện nay là bác Tô Văn Thiệp. Câu lạc bộ ca trù Đông Môn khi mới thành lập có 7 thành viên, trong đó có 3 ca nương, 2 nhạc công, 2 nghệ nhân với tư cách khách mời danh dự là bà Nguyễn Thị Chè (dạy hát) và ông Trần Văn Sự. Cụ bà Nguyễn Thị Chè ngoài 70 tuổi, còn ông Trần Văn Sự quá lứa tuổi trung niên, là những người của thế hệ trước, những nghệ nhân đã gìn giữ và truyền bá bộ môn nghệ thuật truyền thống này cho lớp trẻ. Họ là những người góp phần làm nên nét riêng của nghệ thuật ca trù Hải Phòng. Hiện nay lớp kế tiếp sau thời các cụ, ở làng còn có cô Tô Thị Linh (ca nương), Trịnh Thị Ngát (ca nương) và anh Tô Văn Tuyền (đánh đàn), anh Phạm Văn Cường (đánh trống). Lớp trẻ kế tiếp đang được đào tạo hát ca trù có 3 em: Nguyễn Thị Duyên, Tô Thị Liên, Tô Thị Huyền. Trong đó em Duyên vừa qua đã dành được huy chương bạc trong cuộc thi ca trù toàn quốc (2009). Nhìn chung, đội ngũ hát ca trù của làng Đông Môn hiện nay còn rất hạn chế và việc giữ gìn nghề hát ca trù của làng còn đang gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Một thực trạng đáng buồn là hiện nay ở thôn Đông Môn, lớp trẻ rời làng đi làm ăn xa khá nhiều, còn người ở lại thì công việc đồng áng cũng vất vả, cho nên số thành viên tham gia Câu lạc bộ Ca trù không thấy tăng lên. Hơn nữa, Ca trù vốn là một môn nghệ thuật khó, đòi hỏi phải có sự kiên trì và khổ luyện, nên nhiều người trong thôn không tha thiết lắm với việc kế tục vốn cổ của ông cha. Vì vậy, để Ca trù Đông Môn tiếp tục được duy trì và phát huy, ngoài sự nỗ lực của các thành viên Câu lạc bộ, cùng cần có sự quan tâm sâu sát của chính quyền địa phương cũng như của nhiều ban ngành đoàn thể có liên quan.

### **2.2.2. Đặc trưng của nghệ thuật ca trù Đông Môn**

Cũng giống như nghệ thuật Ca trù cả nước, Ca trù Đông Môn từ xưa tới nay có nhiều tên gọi. Song bên cạnh những tên gọi chung, người dân ở đây còn dùng một cái tên hết sức dân dã để hình dung về nghề hát của mình, đó là “hát Gõ” và đôi khi hát Cô đầu hay hát Ả đào còn được gọi chệch đi là hát Cô đào (Đào nương).

Về hình thức tổ chức giáo phường ở đây cũng có một số điểm khác biệt. Ban đầu giáo phường được đặt ở Phủ lỵ Kinh Môn, gần 400 năm trước (đầu thế kỉ XVII), được di chuyển về xây dựng và tu tạo tại Phủ từ ở làng Đông Môn với ông trùm trưởng giáo phường là người địa phương vì huyện Thủy Đường khi đó thuộc Phủ Kinh Môn có nhiều nghệ nhân điêu luyện và cũng nhân gặp thời bấy giờ là thời phát triển thịnh vượng nhất của ca trù.

Ở thời ấy, các giáo phường ca trù, với tổ chức có hệ thống từ trên xuống dưới và có quy định luật lệ hẳn hoi nên Phủ từ Đông Môn ở đây do Tam Phủ Bát Huyện tu tạo, đã được coi như của cả vùng. Ngay từ đầu tổ chức đã lập ra Hội đồng giáo phường với nhiều nghệ nhân của các dòng họ có mặt, Hội đồng giáo phường bầu ra trùm trưởng, tiếp nối những lần sau, tùy theo nhu cầu khả năng để đoàn kết củng cố phát triển nghề nghiệp, có thể năm đó không hạn định bầu ra trùm trưởng và không nhất thiết trùm trưởng chỉ trong một dòng họ. Với nhiệm vụ của trùm trưởng là theo dõi quản lí các công việc của hội, điều hành thực thi điều lệ và trông nom phủ từ thờ Tổ Ca Công, đặc quyền của trùm trưởng là được lập thêm bàn thờ, thờ tổ nghề ở tại nhà mình.

Những ngày hội Thánh theo định kì là 23 tháng 3 và 23 tháng 9 Âm lịch hàng năm. Mỗi định kì tổ chức 3 ngày, 3 đêm ấy ở hội, con cháu nhà thánh đi hành nghề ở các nơi đều về lễ hội. Nhưng được vào chiếu tế phải là người có cấp bậc trong Hội, người ngoài hội dù có chức sắc cao tới mấy cũng không được vào dự tế. Trong mấy ngày hội, đều có tổ chức đàn nhạc và múa hát thờ Tổ hay tế Tổ. Những người được vào múa hát trước ban thờ Tổ cũng đều phải là những nghệ nhân có tay nghề sành sỏi. Hội viên mới chỉ được tham gia phụ giúp bên ngoài hoặc biểu diễn giúp vui trong khoảng thời gian không phải là giờ chính thức trong lịch định của hội. Ngoài ra, quan hệ thầy trò, quan hệ sinh hoạt tập thể trong hội cũng rất mực có tôn ti trật tự, có cấp bậc trên dưới. Những luật lệ này luôn luôn được lưu giữ truyền lại từ xa xưa tới đầu thế kỉ XX này.

Về tục lệ gia nhập giáo phường ở đây: Ai muốn vào hội phải có người là một trong những phụ huynh trong Hội nhận làm đỡ đầu, hay nhận làm con nuôi. Nhưng dù



là con đẻ của hội viên hay con đỡ đầu thì người bố hay người mẹ phải đứng ra giới thiệu và trình trước với ông thủ bạ của hội, tiếp đó người xin vào hội phải nộp một khoản lệ phí nhỏ.

Đến ngày Lễ hội Tổ nghề hàng năm, người muốn xin vào hội phải có mặt trước cửa nhà Thánh, trình diễn tiếng hát, tay phách, điệu múa và ngón đàn của mình để Hội đồng giáo phường cùng đông đảo dân chúng, đều là những nghệ nhân sành sỏi trong nghề, có trình độ thẩm âm cao, nhận biết năng khiếu tốt, lại giàu uy tín nghề nghiệp và cũng là để bảo đảm công minh, thành kính, tin tưởng một cách trang nghiêm, theo dõi, nhận xét. Nếu người xin vào hội nhận được nhiều ý kiến phản hồi chưa tốt, giáo phường sẽ phân công hội viên sành nghề gần gũi, kèm cặp, đào tạo với thời gian đàn tối thiểu là 2 năm, hát múa và phách nhịp tối thiểu là 3 năm, để ngày hội giỗ Tổ những năm sau sát hạch lại, nếu đạt sẽ được kết nạp vào hội, không đạt lại phải tiếp tục rèn luyện thêm chờ Hội sau. Chỉ sau khi được kết nạp là hội viên chính thức, mới được hành nghề và được tham dự các kỳ thi tuyển lai Kinh từ giáo phường trở lên. Xem thế, đủ biết việc đào tạo, truyền nghề ở Đông Môn cũng nhiều tiêu chuẩn khắt khe và đòi hỏi lắm công phu. Nhưng có nhờ thế, giáo phường ở đây mới phát triển mạnh mẽ, góp phần quan trọng trong việc truyền nghề cũng như bảo lưu được nhiều sắc thái riêng.

Về bài bản và làn điệu, ca trù Đông Môn không có khác biệt nhiều so với ca trù của cả nước. Ca trù có 80 làn điệu. Trong hơn 80 làn điệu ca trù thực tế không phải nghệ nhân nào cũng biết và sử dụng thành thạo các làn điệu.

Sự khác biệt có lẽ chủ yếu đến từ cách thức trình diễn. Chẳng hạn như, ngày xưa hát ca trù ở cửa đình, tế Tiên thần hay thờ tiên thánh hầu hết là hát những bài thơ, bài kinh, bài truyện có sẵn, vừa múa vừa hát theo các tiết mục hành lễ, như hát dâng rượu, đến cáo biệt Thần, hay hát thờ có Giáo trống, giáo hương, thết nhạc, hát giai, ngâm thơ, hát múa “bỏ bộ”... Ở Đông Môn, trong những buổi hát thờ thần theo như cụ Phạm Quang Thanh, một nghệ nhân già kể lại thì đôi khi còn có thêm một số bài thơ bằng chữ Hán, hoặc nửa Nôm, nửa hán, của những Nho sĩ văn nhân ở địa phương, hoặc quan lại và chức sắc nơi sở tại sáng tác, ca tụng công đức phò nước cứu dân của vị Thành Hoàng ở làng mình.

Hay như các điệu múa trong Ca trù, theo như khảo sát của Viện Âm nhạc - là đơn vị được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch giao nhiệm vụ lập hồ sơ về Ca trù trình UNESCO, thì các nhà nghiên cứu tìm hiểu được rằng (cả trong sách Hán Nôm và lời kể của nghệ nhân), ngoài yếu tố chưa thống nhất được có bao nhiêu loại hình múa trong ca trù, thì mỗi điệu múa tại mỗi giáo phường cũng được trình diễn khác nhau, mang sắc thái khác nhau. Ví như ở Bắc Ninh, ca trù cửa đình được mô tả: Đào tay cầm hai cái sinh đứng một mình hát thờ; trong lễ cửa đình có nhiều cặp (kép/đào) tham gia hát múa; phần bỏ bộ được múa vào lúc gần sáng do cô đào thể hiện; còn múa bài bông thường múa vào dịp giã đám... Còn ca trù cửa đình ở Đông Môn, Hải Phòng lại được diễn theo cách cứ tế xong là đi ba tuần rượu, ba tuần múa và khi múa thờ quay mặt vào đình, khi múa không quy lưng vào cửa đình; đội hình múa lúc thì 4 người, lúc 6 người... Từ những thông tin nhiều chiều về múa ca trù và so sánh nhỏ nêu trên, cho thấy tính dị bản của múa dân gian (ở từng địa phương, từng phường ca trù) là tất yếu đặc trưng của văn hóa nghệ thuật dân gian. Chính nhờ tính dị bản đó tạo nên sự phong phú, đa dạng và sức sống mãnh liệt của nghệ thuật diễn xướng ca trù.

Một nét độc đáo nữa của Ca trù Đông Môn là đã đem vào lối hát khuôn của nghệ thuật Ca trù một sự phá cách rất mới mẻ. Chẳng hạn như, yêu cầu của Ca trù nói chung đối với tiếng hát của Ca nương là phải đạt được những tiêu chí sau:

- Tiếng hát phải mịn màng trong sáng, ngọt mượt một cách tự nhiên.
- Tiếng hát phải đều đặn, tròn vành, rõ chữ và bằng phẳng đúng khuôn nhạc.
- Tiếng hát phải thể hiện tự nhiên, thật linh hoạt, có sáng tạo, đảm bảo ý thơ tình thơ.
- Tiếng hát khi vút cao phải trong suốt.
- Với giọng hát không sai cung bậc Nam hay Bắc, Pha hay nao, hoặc Huỳnh, không sai âm từ bằng trắc làm méo mó cả chữ trong câu thơ, lời thơ. Đó là tiêu chuẩn của nghệ thuật hát nói chung.

Nhưng riêng ở Hải Phòng, đầu thế kỷ XX, do sự phát triển của nhiều ngành nghề và loại hình văn hóa đã hình thành nhiều ca quán hát ả đào. Do giao lưu nhiều, phải tranh tài tranh khách nên từ lối “Hát khuôn” đã phát triển rộng thành lối “Hát hàng hoa”, tiếng hát có linh hoạt bay bướm, ngọt ngào hơn, thoáng đạt hơn, tự do hơn, gây được cảm xúc hơn, hay còn gọi là lối hát tài tử, nên tiếng hát Đào nương ở Hải Phòng, đặc biệt là nghệ nhân ở Đông Môn đã nổi tiếng khắp miền.

Tóm lại, nghệ thuật hát Ca trù Đông Môn đã có một lịch sử lâu đời và một bản sắc rất riêng. Nhưng trải qua thời gian, những nét hào hoa đặc trưng đó đang dần dần bị phai nhạt. Làm thế nào để khôi phục lại một trong những vẻ đẹp truyền thống của dân tộc quả thực là một bài toán không dễ có lời giải với Ca trù của Đông Môn nói riêng và nghệ thuật Ca trù của cả nước nói riêng.

### **2.3. Thực trạng khai thác ca trù Đông Môn trong đời sống và hoạt động du lịch**

#### ***2.3.1. Biểu diễn ca trù trong các lễ hội làng, tiệc mừng***

Các phường hát ca trù ở Đông Môn trước đây và ngay cả bây giờ đều đi biểu diễn trong các tiệc mừng cưới xin, hoặc lễ chúc thọ, mừng nhà mới hay phục vụ những buổi có văn nhân sĩ tử tới nhà yêu cầu nghe hát, nghe nhạc, thưởng thơ, theo lời mời của hàng tỉnh, hàng huyện hay hàng tổng, hàng xã khác. Ca trù còn được biểu diễn ở các lễ hội, phục vụ cúng tế Tiên hiền Tiên thánh, Tiên Vương, Tiên hầu hay Thành hoàng làng nào đó ở các đình làng hay phục vụ cả những vị thần linh khác, được cả vùng tôn sùng trong các ngôi đền lớn với nhiều khách thập phương cùng đến lễ hội.

Mặt khác, những phường hát này không chỉ hát ả đào, mà còn thành thạo các điệu hát văn ca tụng những Đức ông hay chúa Mẫu nơi Tam Hoàng Tứ phủ, như Hoàng Bảy, Hoàng Ba, Cô Bơ, Cô Chín, Chúa Liễu, Chúa Thoải, với tâm linh tưởng tượng nào đấy, có công trị quốc an dân, hoặc có tiếng linh thiêng, với nội dung bài hát được thỉnh cầu, được phù trì cho an khang, thịnh vượng, trường sinh.

Ở Đông Môn hiện nay cứ vào ngày 24/3 và 24/9 âm lịch hàng năm đều tổ chức lễ hội làng nghề hát ca trù để tưởng nhớ ngày sinh và ngày mất của vị Tổ nghề. Vào ngày hội, ca nương ở nhiều nơi đều về dự giao lưu và hát thờ đêm trước diễn ra hội.

Khi tổ chức hội đều có rước sắc phong. Ban tổ chức hội và các hội viên đều là những người tự nguyện đóng góp kinh phí để hoạt động.

Ngoài ra, khi có lời mời, Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn hiện nay đều sẵn sàng đi hát phục vụ, chẳng hạn như tham gia hát thờ tại Đền Phò Mã, thị trấn Núi Đèo huyện Thủy Nguyên những năm gần đây.

### **2.3.2. Biểu diễn ca trù tại nhà của các nghệ nhân hay ca quán**

Ở Đông môn xưa kia hầu hết người dân trong làng đều theo nghề hát ca trù. Bởi vậy nơi đây nghề ca trù phát triển rất rầm rộ và sôi nổi. Nhà nào cũng có kếp đàn và đào hát, chồng đàn vợ hát, hay bố đàn con gái, con dâu hoặc cháu hát. Những tao nhân mặc khách thường tới đây nghe hát ả đào, vào bất cứ nhà nào, hay muốn thưởng thức giọng ai hát, ngón đàn ai vè, tay phách ai gõ tha hồ lựa chọn.

Nhiều nghệ nhân Đông Môn còn đi mở các ca quán hát ả đào ở các thị trấn hay đô thành nơi xa như Hà Nội, Quảng Yên, Hải Phòng, Kiến An... Cụ thể như cụ Phạm Cửu Tuế là một tay đàn tài cùng vợ là Linh Thoa một đào hát giỏi lên Hà Nội mở ca quán ở Khâm Thiên. Hay ở Hải Phòng đầu thế kỷ XX, người ta còn nhắc đến hàng loạt ca quán ở cánh gà ngoài (khu Dư Hàng Kênh ngày nay), cánh gà trong (khu Quán Bà Mau, Lạch Tray) hay Cam Lộ (Thượng Lý) đều do những người có nguồn gốc xuất thân từ làng Ca trù Đông Môn làm chủ. Thậm chí, cả đất Sài Thành những năm 40 của thế kỷ XX cũng bị thu hút bởi lối hát hàng hoa tài tử bay bướm của các nghệ nhân Đông Môn đã mạnh dạn vào đây khai phá và lập nghiệp.

Chỉ tiếc rằng, hiện nay những ca quán này không còn được người Đông Môn duy trì nữa. Đó cũng là xu thế mất mát chung của Ca trù cả nước.

### **2.3.3. Khai thác tại câu lạc bộ Ca trù**

Tại Đông Môn hiện nay có câu lạc bộ ca trù Đông Môn do ông Tô Văn Thiệp làm chủ nhiệm. Câu lạc bộ vẫn thường xuyên hoạt động, biểu diễn theo định kì. Câu lạc bộ vẫn tiếp tục việc truyền dạy cho lớp trẻ những làn điệu ca trù, để ca trù luôn được bảo tồn và phát triển. Tuy nhiên, từ khi cụ Tô Thị Chè mất thì hoạt động của câu

lạc bộ có phần giảm sút, phần vì không có người dạy, phần vì thiếu kinh phí hoạt động. Song nếu du khách nào còn nuôi tiếc cái không gian tài tử thuở xưa, có thể đến nhà bác Tô Văn Thiệp, chủ nhiệm Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn hiện nay để thưởng thức tay đàn điệu hát. Các thành viên của Câu lạc bộ vẫn luôn nhiệt tình đáp ứng yêu cầu của mọi đối tượng khách và trong mọi trường hợp. Tính lợi nhuận ở đây không tính đến mà chủ yếu những người làm nghệ thuật này đều có chung một tâm huyết cố gắng truyền tải cái hồn của cha ông đã được gìn giữ từ bao đời nay.

#### **2.3.4. Khai thác trong các dịp đi lưu diễn, biểu diễn**

Ca trù Đông Môn thường xuyên đi lưu diễn, biểu diễn, giao lưu với các câu lạc bộ khác trong thành phố và với các vùng khác trên toàn quốc nhằm tăng cường khả năng học hỏi. Câu lạc bộ thường giao lưu với câu lạc bộ ca trù Hải Phòng, CLB hội văn nghệ dân gian Việt Nam, CLB UNESCO, CLB Hà Nội, CLB Thái Hà, CLB Hải Dương... Câu lạc bộ ca trù Đông Môn còn thường xuyên đi tham gia biểu diễn trong các cuộc thi, liên hoan và đã đạt được nhiều giải cao như:

- Tại Liên hoan ca trù toàn quốc 2005. Đây là lần đầu tiên một cuộc Liên hoan Ca trù có quy mô cả nước được tổ chức. Ban tổ chức liên hoan đã chọn hai địa điểm là Nghi Xuân (Hà Tĩnh) và Văn Miếu Quốc Tử Giám (Hà Nội) làm nơi tổ chức liên hoan bởi vì Ca trù có hai dòng khác nhau: ca trù cửa đình và ca trù cửa quyền với nghi thức và không gian khác nhau. Một nơi là dòng ca trù của thị thành nghìn năm văn hiến sẽ diễn ra ở Văn Miếu Quốc Tử Giám. Đây là hoạt động nhằm khôi phục dòng ca trù của chốn kinh kỳ nổi tiếng tại phố Khâm Thiên, đất Thăng Long xưa. Không gian ở đây được sắp đặt theo nghi thức hát cửa đình vừa trang trọng, vừa tôn nghiêm, có nhiều hình thức nghệ thuật gắn liền với đời sống ca trù như xướng vịnh, thơ phú... Còn tại Nghi Xuân (Hà Tĩnh) sẽ diễn ra phần thi của dòng ca trù thôn quê. Theo các nhà nghiên cứu, địa phương này là một cái nôi của nghệ thuật ca trù Việt Nam. Tại Nghi Xuân, Ban tổ chức tạo dựng không gian văn hoá dân gian như những quán hàng cổ, các ông đồ viết câu đối, chữ nho, một số quầy hàng thủ công mỹ nghệ để tăng giá trị phục cổ cho cuộc liên hoan. Và hai câu lạc bộ ca trù của Hải Phòng là Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn và Câu lạc bộ Ca trù Hải Phòng thuộc Hội văn nghệ dân gian tham gia liên hoan ở

huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh). Ngay lần tham dự thứ nhất này, Ca nương Trịnh Thị Ngát đã đạt Huy chương Bạc do Bộ VH-TT trao tặng<sup>5</sup>.

- Liên hoan Ca trù toàn quốc 2006 được tổ chức tại Hà Nội, Trịnh Thị Ngát là một trong những đại diện cho TP Hải Phòng về tham dự.

- Liên hoan ca trù toàn quốc 2007 tại Hải Dương.

- Liên hoan ca trù toàn quốc 2009 tại Hà Nội: Ca nương Nguyễn Thị Duyên cũng đã dành được Huy chương bạc.

Với việc tham gia đều đặn các cuộc Liên hoan qui mô lớn do nhà nước tổ chức, Ca trù Đông Môn đã dần khẳng định được tên tuổi của mình trong tổng số 22 Câu lạc bộ ca trù hiện đang hoạt động. Việc tham gia đó không chỉ giúp cho Ca trù Đông Môn duy trì được sức sống của một làng nghề cổ, mà còn là cơ hội cho các nghệ nhân trẻ được cọ xát và giao lưu, học hỏi với các câu lạc bộ khác, với các địa phương khác để trau dồi thêm ngón nghề của mình ngày càng sành sỏi hơn, nhuần nhuyễn hơn. Đó là một phần thưởng tinh thần vô giá mà không một giải thưởng vật chất nào thay thế được.

Bên cạnh việc tham gia các Liên hoan ca trù toàn quốc, Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn còn tham gia biểu diễn ở nhiều nơi. Một trong những địa điểm quen thuộc là không gian văn hóa sống động của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam tại Hà Nội. Dưới đây là một trong những Chương trình biểu diễn nghệ thuật Ca trù do Trung tâm UNESCO Ca trù và Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam phối hợp thực hiện có sự tham gia của Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn:

### **Chương trình ca trù 6 tháng đầu năm 2008 (chủ nhật thứ 4 hàng tháng)**

*Tháng 1: ngày 13, Tưởng niệm cố nghệ sỹ Quách Thị Hồ.*

---

<sup>5</sup> Trịnh Thị Ngát cũng đã đạt giải Nhất Hội thi Ca múa nhạc TP Hải Phòng 2005 và giải Nhất Hội thi Tiếng hát dân ca TP Hải Phòng tháng 5.2006.

*Tháng 2: ngày 24, Chương trình chào mừng xuân Mậu Tý, với sự tham gia của câu lạc bộ ca trù Lỗ Khê (Đông Anh, Hà Nội).*

***Tháng 3: ngày 23, Với sự tham gia của câu lạc bộ ca trù Đông Môn (Hải Phòng).***

*Tháng 4: ngày 27, Về thi sỹ Tản Đà.*

*Tháng 5: ngày 25, Hát nói, Gửi thư, Hát ru-hát giai, Bắc phả, Thơ cổ, Chừ khi.*

***Tháng 6: ngày 22, Với sự tham gia của câu lạc bộ Hải Dương và Hải Phòng.***

Mặc dù nằm trong phạm vi của một chương trình giao lưu văn hóa, nhưng Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam vốn dĩ là một trong những điểm đến du lịch hấp dẫn du khách khi đến với thủ đô Hà Nội với hai khu trưng bày bên trong và đặc biệt là khu trưng bày ngoài trời - nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động triển lãm, giao lưu văn hóa nghệ thuật. Lượng du khách quốc tế đến với Bảo tàng rất đông, vì thế có thể xem những chuyến tham gia biểu diễn như thế này là một cơ hội cho Ca trù Đông Môn tự quảng bá tên tuổi của mình. Rất có thể vì yêu mến tiếng hát của các nghệ nhân Đông Môn mà biết đâu sẽ có thêm nhiều du khách tìm đến với du lịch Hải Phòng để được tự mình tìm hiểu về mảnh đất gốc - nơi đã sản sinh ra những tay đàn, tiếng phách, tiếng hát ngọt lịm, làm say đắm lòng người ấy?

### ***2.3.5. Khai thác trong hoạt động du lịch***

Chính vì có giá trị nhiều mặt như thế, nên trong những năm gần đây, không chỉ có chính quyền địa phương xã Hòa Bình và huyện Thủy Nguyên quan tâm hỗ trợ phục hồi nghề hát Ca trù tại Đông Môn mà ngay cả chính quyền thành phố cũng vào cuộc. Nhiều cuộc khảo sát đã được tiến hành, nhiều nhà nghiên cứu đã tìm về Đông Môn để tìm hiểu và mong muốn phục dựng lại diện mạo huy hoàng xưa kia của Ca trù nơi đây. Thậm chí, nhằm mang lại cho nghệ thuật Ca trù Đông Môn sức sống hơn nữa và cũng nhằm mục đích quảng bá sâu rộng nghệ thuật này đến với du khách, Sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng đã đưa việc thưởng thức Ca trù Đông Môn vào một trong những tour du lịch trọng điểm của thành phố, đó là chương trình du lịch Bắc sông Cấm - Thủy Nguyên - Hải Phòng. Nội dung của tour du lịch là xuất phát từ nội

thành đi Thủy Nguyên, tham quan chùa Lâm Động, thăm Đình Kiền Bái có tuổi trên 300 năm, qua xã Chính Mỹ thăm chùa Mỹ Cự và hợp tác xã đan song mây xuất khẩu, sau đó đến dâng hương tại đền thờ trạng nguyên Lê Ích Mộc, thăm làng cau Cao Nhân, thăm đền thờ tướng quân Trần Quốc Bảo dưới chân núi U Bò. Tiếp theo, du khách sẽ được xuống thuyền xuôi dòng sông Giá thơ mộng với hai bên bờ sông vút ngàn màu xanh của Chuối, Cau, Nhãn trong các trang trại hoặc gia đình, kết hợp nghe ca trù Đông Môn trên thuyền, thuyền cập nhà hàng nổi Sông Giá. Cuối cùng, đoàn lên xe về nội thành Hải Phòng qua lối Cầu Kiền.

Xem qua nội dung và lịch trình của tour du lịch trên, có thể nhận thấy đây là một tour du lịch được thiết kế khá nặng, với nhiều điểm đến và điểm dừng chân. Khi tham gia tour du lịch này, gần như du khách đã được thưởng thức và trải nghiệm hết những tài nguyên du lịch tiêu biểu hiện có trên địa bàn huyện Thủy Nguyên. Hiện chưa có thống kê cụ thể về con số khách du lịch tham gia mua tour du lịch này, nhưng thiết nghĩ để Ca trù Đông Môn thực sự có chỗ đứng hơn nữa trong lòng của du khách bốn phương khi đến với Hải Phòng có lẽ cần đến sự phối kết hợp của nhiều ban ngành đoàn thể và những định hướng đề xuất giải pháp thiết thực và hiệu quả hơn.

## **Tiểu kết chương 2**

Trong chương 2, đề tài đã giới thiệu tổng quan về huyện Thủy Nguyên - quê hương của nghệ thuật Ca trù Đông Môn trên các bình diện từ điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội đến tiềm năng du lịch của huyện, mục đích muốn khẳng định rằng Ca trù Đông Môn được sản sinh ra tại một trong những huyện có tài nguyên du lịch vô cùng phong phú, có nhiều tiềm năng để phát triển nhiều loại hình du lịch, do đó nếu đưa Ca trù vào khai thác trong du lịch chắc chắn sẽ có nhiều thuận lợi, góp phần vào việc vừa bảo tồn vừa phát huy nghệ thuật ca trù Đông Môn nói riêng và nghệ thuật ca trù của cả nước nói chung. Bên cạnh đó, đề tài cũng đi sâu làm rõ lịch sử hình thành và phát triển của nghệ thuật Ca trù Đông Môn, những đặc trưng và giá trị nổi bật của nghệ thuật ca trù nơi đây cũng như việc khai thác loại hình nghệ thuật này trong những năm gần đây, trên cơ sở đó sẽ đề xuất ra những định hướng và giải pháp cụ thể trong chương 3 để việc khai thác Ca trù Đông Môn thực sự có hiệu quả hơn nữa.



### **CHƯƠNG 3:**

## **MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM BẢO TỒN VÀ KHAI THÁC HIỆU QUẢ CA TRÙ ĐÔNG MÔN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH HẢI PHÒNG**

### **3.1. Định hướng bảo tồn và khai thác các giá trị của Ca trù**

Việc định hướng bảo tồn và khai thác các giá trị của ca trù đã được Việt Nam đề cập tới trong hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận ca trù là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Trong hồ sơ đã nêu các biện pháp bảo tồn loại hình nghệ thuật này - một loại hình nghệ thuật cần được bảo vệ khẩn cấp, đồng thời cũng nêu lên các hướng khai thác ca trù một cách có hiệu quả.

Trong 17 năm qua, 7 cuộc hội thảo về ca trù đã được diễn ra với tầm quy mô quốc gia, quốc tế; 5 năm nghiên cứu, xây dựng hồ sơ ca trù hoàn thiện và dày dặn; đi điền dã 14 tỉnh, thành nơi còn tồn tại di sản văn hóa phi vật thể ca trù, tìm ra tài liệu hơn 4.000 trang Hán Nôm về ca trù, phát hiện ra 22 giáo phường còn hoạt động... đó là những sở cứ quan trọng để ban xây dựng hồ sơ ca trù thực hiện việc hoàn thiện hồ sơ.

Bộ hồ sơ do Viện Âm nhạc, Học viện quốc gia Việt Nam xây dựng trong 5 năm qua đã xây dựng được khá hoàn chỉnh về các phương diện của loại hình ca nhạc dân tộc này để đưa ra 4 nguyên cơ, khẳng định ca trù Việt đang bị thất truyền và cần phải bảo vệ.

Trước hết, đó là sự mai một của tầng lớp nghệ nhân dân gian. Theo thống kê của nhà nghiên cứu Đặng Hoàn Loan, hiện nay chỉ còn 21 nghệ nhân được sinh ra từ năm 1945 trở về trước. Trong số đó, chỉ còn 12 nghệ nhân có thể truyền dạy 30 bài/56 thể cách ca trù còn được giữ lại đến ngày nay.

Thêm nữa, Ca trù là một ngành nghệ thuật có 3 không gian trình diễn độc đáo: Hát thờ thánh ở đình làng, hát chơi ở tư gia và Hát chúc hỷ nơi cung vua phủ chúa. Sắp xếp bố cục nghe ca trù cũng khác so với bây giờ, họ chia theo thứ bậc, tuổi tác và trình độ hiểu biết về Hán Nôm để sắp đặt chỗ ngồi. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện

tại, môi trường trình diễn đã phần nào vắng bóng hai hình thức: cung đình và hát ở đình làng. Ca trù hát chơi cũng không còn. Ca trù không phải hát chỉ để thưởng thức, mà còn là không gian để các nhà thơ, các nhà tri thức sáng tác thêm những vần thơ mới cho ca trù - hình thức này nay không còn tồn tại. Hiện nay chỉ còn duy nhất không gian ca trù là hình thức hát ca quán, chủ yếu du khách đến để nghe ca trù và uống trà.

Một nguy cơ cũng được các nhà nghiên cứu đưa ra trong hồ sơ là ca trù đã quá xa so với đời sống cộng đồng. Trong một nghiên cứu mới nhất của nhạc sĩ Đặng Hoàng Loan, sau khi đi điền dã tại 14 tỉnh, thành với 22 giáo phường ca trù còn tồn tại, thì cộng đồng hiện nay không tiếp nhận ca trù như trước. Sau gần 60 năm nghệ thuật này vắng bóng, ca trù đang không có lớp công chúng, nhất là các bạn trẻ.

Từ thực trạng trên, hồ sơ Ca trù đã nhận được báo cáo đánh giá từ Hội đồng Âm nhạc quốc tế là bà Gisa Janichen và ông Barley Norton, chuyên gia độc lập người Anh - những người đã từng đến Việt Nam nghiên cứu Ca trù trong nhiều năm. Bên cạnh những thẩm định khẳng định về giá trị của Ca trù, Hội đồng cũng đưa ra khuyến nghị rằng: mặc dù Việt Nam đã có nhiều cố gắng và có sự hỗ trợ của một số tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ Ca trù song sức sống của Ca trù hiện nay vẫn chưa phải ở mức cao và vẫn cần phải được bảo vệ hơn nữa để phát triển khả năng tồn tại. Việc duy trì thường xuyên và chất lượng nghệ thuật là vấn đề đặt ra đối với công việc bảo vệ Ca trù. Do đó, cùng với việc ghi danh Hát Ca trù vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại cần bảo vệ khẩn cấp, UNESCO cũng đã đưa ra các khuyến nghị đối với Việt Nam để gìn giữ di sản này, trong đó đặc biệt nhấn mạnh việc đầu tư nguồn lực con người.

Theo quyết định của Ủy ban liên Chính phủ Công ước UNESCO, Ca trù đã đáp ứng các tiêu chí để được ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp, đồng thời yêu cầu Việt Nam có các nguồn lực để hoạt động và phát huy Ca trù trong giới trẻ, khuyến khích các ca nương, kép đàn và các tổ chức hiện hành tìm kiếm các học trò tài năng nhằm đảm bảo sự tiếp tục tồn tại của nghệ thuật Ca trù; Khuyến nghị đưa thêm các nghệ sĩ và học trò trẻ vào mục các biện pháp bảo vệ

cùng với những nghệ sĩ và người truyền dạy lớn tuổi để khuyến khích về tài chính cho các ca nương, kép đàn Ca trù.

UNESCO cũng lưu ý tầm quan trọng của các chương trình giáo dục nâng cao hiểu biết về tính thi ca sử dụng trong các bài bản của Ca trù cũng như các hình thức âm nhạc và thẩm mỹ của Ca trù, nhấn mạnh kỹ thuật “đỗ hột” vốn là yếu tố kỹ thuật quan trọng của nghệ thuật trình diễn Ca trù cần phải được chú ý trong nỗ lực trao truyền. Ủy ban cũng khuyến nghị thêm việc bảo vệ bằng biện pháp ghi âm, kiểm kê và hệ thống hóa tài liệu về Hát Ca trù cần phải được thực hiện theo các chuẩn mực tương thích với việc bảo quản âm thanh và tiếp cận.

Mặc dù công nhận việc phục hồi các điểm trình diễn theo tục lệ là quan trọng nhưng Ủy ban khuyến khích Việt Nam tập trung hơn nỗ lực bảo vệ vào việc đầu tư cho nguồn lực con người. Bên cạnh đó, UNESCO khuyến khích việc đảm bảo triển khai các biện pháp bảo vệ với sự kết hợp hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức văn hóa cùng với các cộng đồng, nhóm, cá nhân có hiểu biết và thực hành văn hóa Ca trù.

Tại lễ trao bằng của UNESCO, Bộ trưởng Hoàng Tuấn Anh đã công bố Chương trình hành động quốc gia về bảo vệ hát Ca trù giai đoạn 2010-2015. Chương trình gồm 9 nội dung chính: nâng cao nhận thức và năng lực của các cộng đồng, chủ thể văn hóa nhằm giữ gìn và phát huy giá trị độc đáo của hát Ca trù; tạo điều kiện để cộng đồng giao lưu, trình diễn, học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm, với các cộng đồng khác trong nước và quốc tế nhằm tăng cường sự hiểu biết, góp phần bảo vệ và phát huy đa dạng văn hóa.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng dự kiến sẽ triển khai các biện pháp và kế hoạch cụ thể, ưu tiên kiểm kê, nghiên cứu và hệ thống hóa tư liệu với mục đích bảo tồn bền vững cho di sản này; xây dựng các chương trình văn hóa, giáo dục và truyền thông đa dạng, giới thiệu, phổ biến, quảng bá nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của xã hội đối với việc bảo vệ di sản.

Trong giai đoạn 2010-2015 sẽ ban hành chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân có tài năng xuất sắc, có công bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể vừa được công nhận và các chính sách khác nhằm tạo điều kiện và khuyến khích bảo tồn, truyền dạy di sản cho thế hệ trẻ; tổ chức xét phong tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú cho các cá nhân có tài năng và có đóng góp quan trọng trong việc gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể Dân ca Quan họ Bắc Ninh và hát Ca trù.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ hỗ trợ cộng đồng truyền dạy và đào tạo thế hệ những người thực hành di sản trẻ tuổi để tiếp nối và duy trì truyền thống hát Ca trù trong cuộc sống đương đại; xây dựng các chương trình giáo dục thích ứng để giảng dạy hai loại hình nghệ thuật này trong các trường nghệ thuật và các trường phổ thông.

Nội dung thứ 9 trong Chương trình hành động quốc gia về bảo vệ Ca trù là việc tăng cường nguồn đầu tư của Nhà nước đi đôi với huy động các nguồn lực xã hội, góp phần bảo vệ Di sản văn hóa phi vật thể vừa được công nhận và phát triển du lịch văn hóa bền vững.

Trong hồ sơ đệ trình lên UNESCO, chúng ta đã cam kết với tổ chức này những giải pháp bảo vệ Ca trù. Một trong những điều quan trọng để bảo tồn và giữ gìn di sản là phải tạo môi trường sống và gắn kết với đời sống hôm nay. Sắp tới, chúng ta sẽ vực dậy những bài truyền dạy đã và đang có, với những bài đã bị mất thì sẽ tìm cách phục hồi, làm sao có được nhiều bài bản nhất, để Ca trù phục vụ đời sống tinh thần, thẩm mỹ của con người mới hôm nay mà vẫn giữ được bản sắc riêng.

Viện Âm nhạc cùng tất cả các nhà khoa học đã thống nhất xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn. Đó là chiến lược dự kiến trong từng năm, 3 năm, 5 năm, 10 năm cho tới 50 năm. Nó sẽ gắn với mức độ đầu tư kinh phí của từng thời kỳ, chẳng hạn 1, 3, 5, hay 10 năm ta vẫn có thể tổ chức hình thức liên hoan, từ cấp cơ sở, làng xã cho đến huyện, tỉnh. Ở cấp TƯ có thể tổ chức 2 - 3 năm một lần liên hoan, như vậy cũng là một chất xúc tác cho phong trào Ca trù. Bên cạnh đó phải đưa Ca trù vào trong các trường học, các cơ sở đào tạo. Một việc phải làm nữa là phải biết liên kết với các

ngành khác nhau như ngành giáo dục, du lịch, các cơ quan thông tin, báo chí... để bảo tồn Ca trù thành hành động chung của cộng đồng, của quốc gia.

Ngoài ra, chúng ta cần quảng bá ca trù trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua những buổi nói chuyện, giảng giải của các chuyên gia. Phải có nhiều người nói, mỗi người nói một nét của ca trù. Công chúng từ chỗ chưa hiểu đến chỗ hiểu, từ chỗ hiểu ít đến chỗ hiểu nhiều, hiểu rồi thích, thích rồi yêu, yêu rồi đắm say, mà khi đã đắm say thì cứ muốn gìn giữ mãi, quảng bá rộng cho ca trù. Hiện nay, giới trẻ cũng đang quan tâm nhiều đến ca trù. Nhiều bạn tìm đến với ca trù bằng cách đến nghe ca trù ở các CLB, hoặc đọc các bài viết về ca trù trên mạng internet, hoặc tìm đến các liên hoan ca trù... Đối với một môn nghệ thuật như ca trù thì đó là những dấu hiệu thật sự đáng mừng.

Bên cạnh việc thực hiện tốt việc bảo tồn thì trong tương lai và về lâu dài việc khai thác di sản Ca trù sẽ thực hiện theo chủ trương của Chính Phủ là “lấy di sản nuôi di sản” nhằm giảm nhẹ đối với chính phủ trong việc chi phí cho công tác bảo tồn. Việc khai thác giá trị di sản cũng cần hiểu theo nghĩa là làm tăng thêm hiểu biết về giá trị di sản thông qua con đường đem di sản đến với công chúng.

Với những nỗ lực trong việc bảo tồn, lưu giữ, trong công tác quản lí, khai thác, phát huy những giá trị của Ca trù chắc chắn ca trù sẽ là một tài sản quý giá không chỉ của dân tộc Việt Nam mà còn là tài sản có giá trị toàn cầu. Khai thác Ca trù có hiệu quả chính là góp phần quan trọng phục vụ cho sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế địa phương và đất nước.

Như vậy, việc xem xét những định hướng khai thác chung của UNESCO và của nhà nước Việt Nam đối với nghệ thuật Ca trù nói chung ở trên chính là những gợi mở quý báu cho việc khai thác nghệ thuật Ca trù của Đông Môn, Thủy Nguyên, Hải Phòng trong đời sống hiện đại hôm nay. Thủy Nguyên là một vùng đất có nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn có giá trị to lớn đang được sử dụng, khai thác phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương. Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của Ca trù, thời gian qua Đảng bộ và chính quyền huyện Thủy

Nguyên đã hết sức coi trọng việc bảo vệ, giữ gìn, khai thác và phát huy giá trị của nghệ thuật Ca trù Đông Môn như hỗ trợ hoạt động của Câu lạc bộ Ca trù nơi đây. Đặc biệt sau khi Ca trù được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại cần được bảo vệ khẩn cấp, thì ca trù cả nước nói chung và ca trù Đông Môn, Thủy Nguyên nói riêng ngày càng được quan tâm sâu sắc và đang dần được khôi phục, khẳng định vị thế của mình trong đời sống văn hóa nghệ thuật. Việc khôi phục và phát triển loại hình nghệ thuật này sẽ tạo ra nhiều cơ hội lớn cho huyện Thủy Nguyên trong việc thu hút đầu tư nguồn vốn trong và ngoài nước để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của huyện.

Tuy nhiên, một tài nguyên du lịch dù có giá trị to lớn đến đâu nhưng nếu không biết bảo tồn và khai thác hợp lý thì chắc chắn tài nguyên đó sẽ bị mai một. Hơn nữa, với phạm vi một địa phương nhỏ, nghệ thuật Ca trù Đông Môn muốn tồn tại và phát triển cần phải có những định hướng bảo tồn và khai thác riêng. Nếu chỉ thuần túy áp đặt mô hình như đối với nghệ thuật Ca trù nói chung chưa chắc đã phát huy được giá trị nghệ thuật và hiệu quả khai thác của Ca trù nơi đây.

### **3.2. Đề xuất một số giải pháp bảo tồn đối với nghệ thuật Ca trù Đông Môn**

Để Ca trù được khôi phục và phát huy những giá trị to lớn của nó, chúng ta luôn phải đề ra những biện pháp để bảo tồn loại hình nghệ thuật này. Và những định hướng bảo tồn, khôi phục, phát huy những giá trị của Ca trù mà Viện Âm nhạc Việt Nam đưa ra trong hồ sơ đệ trình UNESCO là hoàn toàn đúng đắn. Song để thực hiện được điều đó cần phải có thời gian lâu dài, nguồn kinh phí khổng lồ, sự nỗ lực của các ban ngành chức năng và của toàn xã hội. Ca trù đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp. Chính vì vậy, đứng từ tư cách cá nhân, người viết nhận thấy rằng việc bảo tồn các giá trị của ca trù là vấn đề cấp thiết cần thực hiện ngay từ bây giờ.

Bên cạnh những định hướng của UNESCO, với tư cách là một cá nhân, người viết xin đề xuất một số ý kiến để công tác bảo tồn đối với Ca trù nói chung và Ca trù Đông Môn nói riêng được hiệu quả hơn.

### **3.2.1. Đào tạo theo mô hình chuyên biệt**

Để ca trù có thể lưu giữ và phát triển bền vững, cần thiết phải có những thế hệ kế thừa những thành tựu của cha ông. Muốn vậy phải mở ra những chương trình đào tạo nghệ theo mô hình chuyên biệt. Đó là việc dạy và học ca trù phải được thể chế hóa để việc lưu truyền các giá trị không bị đứt đoạn theo thời gian. Đào tạo theo mô hình chuyên biệt có nghĩa là các sinh viên đến lớp chỉ học về âm nhạc nói chung và ca trù nói riêng mà không phải học những môn kiến thức không cần thiết khác. Cách đào tạo mũi nhọn như vậy chắc chắn sẽ đem lại hiệu quả cao, đồng thời giảm thiểu tối đa kinh phí và thời gian đào tạo.

Về phương pháp truyền dạy, cần duy trì và coi trọng phương pháp truyền khẩu, truyền ngón nghề trực tiếp thông qua việc truyền dạy theo lối “bắt tay chỉ ngón” theo lối của các giáo phường ngày xưa. Có nghĩa là các nghệ nhân sẽ tự mình dạy từng cách đánh trống, đánh đàn, gõ từng nhịp phách, hát từng câu chữ cho các học viên, bắt tay các học viên sử dụng các nhạc cụ, chỉ từng cách đặt tay, cầm nhạc cụ như thế nào thì đúng cách. Có thể nói đây là cách dạy “tâm truyền tâm”, “nghề truyền nghề”. Với phương thức dạy đó, người học có thể dành hầu như toàn bộ tâm lực để cảm nhận, nắm bắt trực tiếp mọi sắc thái tinh tế của tác phẩm từ người thầy từ thang âm, phương thức vận hành giai điệu, phương thức trang điểm các chữ đàn cho đến bước đi của nhịp điệu. Theo đó, khả năng ngẫu hứng của người thầy cũng được chuyển giao và một nghệ nhân thực sự cũng được sinh ra với đầy đủ chức năng vốn có (một ca nương hay một kép đàn cũng có thể coi là một nhạc sĩ sáng tác tại chỗ với những sáng tạo riêng của tay phách, tay đàn tùy thuộc theo trình độ thâm thấu).

Hiện nay, việc truyền dạy ca trù tại một số địa phương đang được áp dụng theo lối vay mượn hệ thống ký âm của âm nhạc phương Tây với hệ thống ký tự Đồ, rê, mi khiến cho người học bị lệ thuộc rất nhiều vào các ký tự, nhịp điệu như móc đơn, móc kép, chấm đôi... Họ sẽ không thể dành toàn bộ tâm lực tiếp thu các sắc thái tinh tế của tác phẩm từ người thầy, những sắc thái mà không thể kí hiệu hóa trên bản nhạc. Sự bó buộc đó tất yếu sẽ làm triệt tiêu tính ngẫu hứng và khả năng sáng tạo của người nghệ sĩ. Nghệ nhân ca trù không chỉ là những người ca hát một cách thuần túy mà họ còn

phải là những người truyền tải được cái hồn của thi ca nhạc họa đến với công chúng, đồng thời là những dấu gạch nối - nối liền nguồn mạch truyền thống của ông cha tới thời đương đại.

Ngoài ra, việc đào tạo phải luôn đi đôi với chất lượng. Không thể đào tạo ồ ạt, nhanh chóng, cho ra nghề những nghệ nhân chưa đạt tiêu chuẩn. Thời gian vừa qua, một số địa phương chỉ đào tạo Ca nương trong vòng 2 năm đã cho ra nghề, trong khi theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt của Ca trù xưa, tối thiểu Ca nương phải mất tới 5 năm khổ công rèn luyện mới được phép làm lễ mở xiêm y. Theo ông Đặng Hoàn Loan - chuyên viên nghiên cứu ca trù cho rằng, nên đào tạo theo kiểu “nhỏ mà tinh”, có nghĩa là mỗi năm chỉ cần cho ra nghề khoảng 5 - 6 người hoặc hơn một chút nhưng chất lượng cao, như vậy sẽ đảm bảo được chất lượng của ca trù.

Sau khi Ca trù được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại thì đã có nhiều người có chung một ý tưởng là nên thành lập một Học viện Ca trù. TS. Đặng Hoàn Loan, người trực tiếp chỉ đạo xây dựng hồ sơ ca trù có nhận định rằng: "Đây là một nghệ thuật điêu luyện và hoàn chỉnh bậc nhất với đầy đủ niêm luật, phép tắc được ghi chép khoa học trong các văn bản Hán - Nôm". Ông Loan cũng cho biết, kiểu học viện này có nhiều ở Nhật Bản. Việt Nam có Học viện Tỳ bà của nhạc sư Nguyễn Hữu Ba rất nổi tiếng hồi đầu thế kỷ XX. Mô hình này xem ra khá đồng điệu với ý tưởng Hiệp hội những người yêu ca trù của ông Phạm Sanh Châu, Tổng thư ký Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam. ( Vương Hà. 28.01.2010. Học viện Ca trù : Bảo tồn và giữ lửa Ca trù. [trực tuyến]. Đọc từ:

<http://www.doisongphapluat.com.vn/Story.aspx?lang=vn&zoneparent=0&zone=22&ID=2957>)

Còn ca nương Bạch Vân, người lăn lộn nhiều năm với ca trù, tỏ ra vui mừng nếu ý tưởng được hiện thực hóa. Theo bà, "mỗi nghệ nhân ra đi đều là tổn thất lớn. Nếu có một nơi tập hợp được nghệ nhân về dạy thì rất nên". Với tư cách cá nhân, người viết thấy đây là một ý kiến rất hay. Việc thành lập học viện sẽ giúp Ca trù được truyền lại cho thế hệ sau một cách bài bản và đầy đủ hơn và việc truyền dạy này cần phải đặt chất lượng lên hàng đầu.



Ngoài ra, cần phải mở các lớp đào tạo ca trù một cách liên tục, tránh tình trạng đứt đoạn. Ca trù là một môn nghệ thuật khó, khó đối với cả người học và người dạy. Để tiếp thu những bài bản của ca trù đòi hỏi người học phải kiên trì và say mê với ca trù. Nhưng trước tình hình hiện nay, ca trù đã có một thời gian quá dài bị lãng quên, trong khi ảnh hưởng của âm nhạc phương Tây và tân nhạc Việt Nam lại đang lan tràn mạnh mẽ, giới trẻ ngày càng thờ ơ với nền âm nhạc truyền thống. Chính vì vậy để tìm được nghệ nhân dạy đã là một vấn đề khó, tìm lớp trẻ để truyền nghề lại càng khó hơn. Do đó, cần có chính sách tôn vinh, khuyến khích và có những ưu đãi cụ thể đối với cả người dạy và người học.

Đối với người dạy, đặc biệt là các nghệ nhân, những người đóng vai trò là người “truyền lửa” cho ca trù, là những người được coi là linh hồn của bộ hồ sơ trình lên UNESCO công nhận ca trù là di sản văn hóa của nhân loại thì cần phải được tôn vinh trong nghề với việc phong tặng những danh hiệu cao quý như nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú. Song không nên chỉ dừng lại ở sự tôn vinh trên bình diện "tinh thần" thuần túy với những bằng khen, bằng công nhận, danh hiệu... mà điều quan trọng hơn là muốn bảo tồn ca trù, không có cách nào khác là phải trả lương cho các nghệ nhân, bảo đảm một mức sống trên trung bình cho họ, để họ yên tâm trong việc truyền nghề và dạy nghề. Chính sách nuôi dưỡng nghệ nhân là điều cần làm ngay trước khi các bậc cao niên về với tiên tổ. Công lao và tài năng của các nghệ nhân phải được tưởng thưởng xứng đáng để họ dốc hết tâm sức truyền đạt lại cho thế hệ kế cận, không vì tư lợi cá nhân mà giấu nghề hay truyền nghề sai. Có như thế ca trù mới được bảo tồn và phát huy được những giá trị nguyên bản và đích thực của nó.

Bên cạnh một chế độ có tính pháp lý nuôi dưỡng, ưu đãi người thầy nghệ nhân, nhất thiết phải có chế độ đãi ngộ tương xứng đối với lớp trẻ theo học nghề, để có thể bảo đảm sinh ra thế hệ trò nghệ nhân. Hiện nay việc theo học ca trù vẫn nằm ngoài môi trường tự do. Các đào kép học nghề với tư cách cá nhân, bám trụ với ca trù đơn thuần bằng tình yêu cổ nhạc. Nhiều người trong số họ lấy nghề khác để nuôi nghiệp tầm sư học đạo. Không phải ai cũng có điều kiện kinh tế vững để có thể bảo đảm việc học hành, phụng dưỡng thầy. Đa số họ đều có hoàn cảnh khó khăn, chỉ đến với nghề

nhân bằng cái tâm sáng. Một chế độ học bổng chuyên biệt ngoại ngạch trường lớp chính quy là điều cần làm ngay để tạo dựng một thế hệ tiếp nối. Nói cách khác, đối với người học, bên cạnh các suất học bổng như sinh viên bao trường đại học khác, thì cần có nhiều học bổng khác từ các dự án bảo tồn và phát huy các giá trị của ca trù để khuyến khích họ thi tuyển và học tập. Thêm nữa, cần có chính sách ưu đãi đặc biệt đối với những học viên tài năng để kịp thời đào tạo đội ngũ nghệ nhân kế cận. Sau khi tốt nghiệp và cấp bằng, những học viên này phải được tuyển dụng vào những nơi sử dụng ngành nghề của họ như các nhà hát nghệ thuật truyền thống, các trường dạy nhạc. Hay hình thức bao cấp kinh phí của Nhà nước kết hợp huy động sự bảo trợ của các doanh nghiệp cũng là một giải pháp để hỗ trợ các học viên yên tâm theo đuổi con đường nghệ thuật của mình. Nếu để tình trạng học viên sau này ra trường không tìm được chỗ làm hay làm việc trái ngành nghề thì cũng đồng nghĩa với việc ca trù sẽ mất đi những người thực sự tâm huyết và say mê với việc truyền thừa những giá trị của một loại hình nghệ thuật đặc sắc.

Ở Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn trước năm 2010, khi cụ Tô Thị Chè<sup>6</sup> còn sống, lớp ca nương trẻ của CLB may mắn được chính cụ truyền nghề cũng theo lối “bắt tay chỉ ngón”, “tâm truyền tâm, nghề truyền nghề”. Ngoài ra, thỉnh thoảng họ còn được hai nghệ nhân lão thành khác của CLB Ca trù Hải Phòng trực tiếp giảng dạy là nghệ nhân Nguyễn Thị Chín (cũng xuất thân từ giáo phường Ca trù Đông Môn) và nghệ nhân Đào Thị Thắm (xuất thân từ giáo phường Ngãi Cầu - Hà Tây nhưng đã có nhiều năm là đào nương có tiếng ở khu vực Quán Bà Mau, nay bà đã về Hà Tây để truyền nghề cho CLB ca trù ở địa phương). Về nghệ nhân chơi đàn, có ông Trần Văn Sự cũng không tiếc công đào tạo lớp trẻ Đông Môn để tạo nên những tay đàn tài hoa. Nhờ tâm huyết của những người thầy như vậy, mà Ca trù Đông Môn sau bao nhiêu năm vắng bóng, giờ lại được phục hồi và vinh danh cùng bao CLB Ca trù khác trong cả nước trong các cuộc Liên hoan Ca trù toàn quốc những năm gần đây.

Chỉ có điều, sau khi cụ Tô Thị Chè mất năm 2009, nghệ nhân Đào Thị Thắm về Hà Tây, nghệ nhân Nguyễn thị Chín quá già yếu, hiện nay chỉ còn ca nương Tô Thị

---

<sup>6</sup> Cụ Tô Thị Chè đã được nhà nước vinh danh là nghệ nhân dân gian Việt Nam.

Linh - học trò của cụ Chè là có khả năng đảm trách việc truyền nghề cho lớp trẻ ở Đông Môn, tuy nhiên chắc chắn khả năng truyền dạy không thể bằng các nghệ nhân xưa được. Chính vì vậy, để Ca trù Đông Môn tiếp tục sống, tiếp tục được giữ lửa, chính quyền địa phương phải có chính sách quan tâm hỗ trợ như mời các nghệ nhân lão thành từ địa phương khác về để tham gia truyền dạy, hoặc hỗ trợ kinh phí để thành viên của CLB được tham gia các khóa huấn luyện bồi dưỡng do nhà nước tổ chức. Chẳng hạn như, để chuẩn bị cho Liên hoan Ca trù toàn quốc lần thứ nhất, từ năm 2000 đến năm 2002, Cục nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa thông tin, nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) đã mở lớp bồi dưỡng cho 13 CLB Ca trù, trong đó có CLB Ca trù Đông Môn. Nếu được thường xuyên tham gia các khóa học như thế này, CLB Ca trù Đông Môn sẽ có thêm nhiều cơ hội giao lưu, học hỏi để hoàn thiện lời ca, tiếng phách, tiếng đàn của mình hơn. Ngoài ra, trong tương lai không xa, khi mô hình của Học viện Ca trù được thực thi, chính quyền huyện Thủy Nguyên nói riêng và chính quyền thành phố Hải Phòng nói chung rất nên tạo điều kiện để lớp trẻ Đông Môn được theo học tại Học viện, góp phần vào công cuộc bảo vệ và chấn hưng một trong những vốn cổ của dân tộc.

### **3.2.2. Tăng cường công tác nghiên cứu**

Ca trù là một bộ môn nghệ thuật lâu đời, độc đáo và có ý nghĩa đặc biệt trong kho tàng âm nhạc của người Việt Nam. Ca trù gắn liền với lễ hội, phong tục, tín ngưỡng, văn chương, âm nhạc, tư tưởng, triết lý sống của người Việt. Do vậy nghiên cứu ca trù cũng là góp phần vào việc nghiên cứu các giá trị truyền thống trong văn hóa Việt Nam.

Hiện nay, nguy cơ mai một dần và vĩnh viễn mất đi ca trù là một nguy cơ có thực, đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn ca trù như một vốn quý văn hóa của dân tộc. Do vậy việc cung cấp những hiểu biết sâu hơn và có căn cứ về một số vấn đề của ca trù, không những góp phần đáp ứng yêu cầu cấp thiết ấy mà còn góp phần vào việc phục hồi và chấn hưng nghệ thuật và sinh hoạt ca trù.

Trước mắt, cần xây dựng một kế hoạch sưu tầm sách, vở, tranh, ảnh, phim, băng nhạc, đĩa hát... tiến tới việc tư liệu hóa các tác phẩm âm nhạc để dàn dựng các chương trình bảo tồn, đồng thời nhân bản tư liệu để cất giữ, đề phòng mất mát, thất lạc.

Để thực hiện được kế hoạch đó có hiệu quả, nhà nước nên xây dựng một trung tâm bảo tồn, nghiên cứu Ca trù và ở đó hội tụ những nhà khoa học hàng đầu và những nghệ nhân, những người say mê ca trù để thường xuyên kiểm chứng các khúc nhạc, lời ca nhằm kịp thời uốn nắn, chỉnh lí, thậm chí loại bỏ bớt những sai sót không đáng có, tránh sự cải biên nhằm làm giảm thiểu những giá trị của ca trù.

Bên cạnh việc sưu tầm, thu thập những bản nhạc, lời ca cũng cần phải biên soạn và xuất bản các ấn phẩm Ca trù trên cơ sở tiếp cận các nghệ nhân, các nhân chứng sống còn hiểu biết về thể loại âm nhạc này bằng cách chụp ảnh, quay phim những diễn xuất, ca từ mà họ trình bày. Bởi lẽ những nghệ nhân xưa, nay đã lần lượt ra đi về cõi vĩnh hằng, đó là một tổn thất lớn cho nền âm nhạc dân tộc của nước nhà. Những người biết ca trù và có thể truyền dạy và biểu diễn thì không còn nhiều, đa phần là đã già yếu và không còn được minh mẫn như xưa nữa. Chính vì vậy cần phải khẩn trương khai thác các kĩ năng, kĩ xảo, kinh nghiệm quý giá còn ở nơi họ. Nếu công tác này được thực thi sớm, thì ngay cả khi thế hệ nghệ nhân này đã qui tiên mà chưa kịp truyền dạy lại cho thế hệ kế cận, chúng ta vẫn còn lại nguồn tư liệu băng đĩa của họ để tiếp tục đào tạo cho các thế hệ mai sau.

Bên cạnh đó, cũng cần chú ý tới việc sưu tầm, phục dựng lại các trang phục biểu diễn và cần xác định rõ đâu là trang phục truyền thống của Ca trù để phục chế lại các trang phục đó. Trong những năm qua, trang phục biểu diễn của các nghệ sĩ trẻ đã được cải biên lại về màu sắc, kiểu thức cho phù hợp nhằm tạo ra sự lôi cuốn, hấp dẫn và quen thuộc hơn với khán thính giả đương đại. Chính vì thế, nếu chúng ta chủ trương khôi phục lại ca trù cổ truyền theo đúng nghĩa của nó, mọi việc cần bắt đầu từ những khâu nhỏ nhất như lựa chọn trang phục. Việc khôi phục lại ca trù cần tuân theo những quy tắc nghiêm ngặt là một việc làm vô cùng cần thiết. Nếu chúng ta dễ dãi trong một khâu nào đó của quá trình bảo tồn thì sẽ tạo ra một “truyền thống mới” mà không thực

thi được mục đích ban đầu. Từ đó sẽ dẫn tới việc nhận thức sai lệch về bộ môn truyền thống này trong khâu hưởng thụ từ công chúng.

Việc giới thiệu ca trù đến với công chúng qua các ấn phẩm, các buổi thảo luận chuyên đề, các cuộc nói chuyện thường niên về âm nhạc dân tộc cũng rất quan trọng, vì nó làm nâng cao trình độ thưởng thức của công chúng, làm thức dậy tình yêu âm nhạc dân tộc của các tầng lớp nhân dân. Đặc biệt cần phải tiến hành các cuộc nói chuyện với lớp trẻ để tìm hiểu những suy nghĩ của họ về ca trù, lôi cuốn họ tìm đến với bộ môn nghệ thuật truyền thống này. Bởi lẽ họ sẽ là lớp người kế tục sự nghiệp giữ lửa ca trù và bảo vệ ca trù. Chính vì vậy cần lôi cuốn họ để họ yêu thích và đam mê rồi từ đó họ mới có ý thức tự giác học hỏi, rèn luyện nghề nghiệp truyền thống của cha ông, đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm của mình trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị to lớn để bộ môn nghệ thuật này không bị mai một.

Cùng với việc nghiên cứu, sưu tầm, cần xúc tiến thành lập một bảo tàng lưu trữ những gì liên quan tới ca trù để giữ gìn những hiện vật giá trị của ca trù. Trong bảo tàng sẽ lưu trữ những nhạc cụ, trang phục, bài bản, làn điệu, những đĩa băng ghi âm, ghi hình, những tài liệu về ca trù xưa và nay, thậm chí là hình ảnh hay dấu tích về những địa điểm thường tổ chức ca trù xưa và nay... Có như thế công chúng mới có được một cái nhìn sâu sắc hơn về Ca trù, để từ đó có trách nhiệm giữ gìn vốn văn hóa cổ này không bị mai một. Đồng thời một bảo tàng chuyên biệt về Ca trù cũng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo lưu các giá trị và truyền thống cổ cho các thế hệ sau.

Đối với Ca trù làng Đông Môn, mặc dù có truyền thống lâu đời, nhưng đến nay những bài bản, những làn điệu và cả những cách thức biểu diễn cổ đã bị mai một, có chăng chỉ còn lại trong kí ức của một số bậc cao niên trong làng hay của những người đã từng được thưởng thức ngón đàn tay phách của các nghệ nhân Đông Môn đầu thế kỷ XX. Vì thế, chính quyền địa phương cần phải mời một số chuyên gia nghiên cứu có tâm huyết tìm cách phục dựng lại diện mạo đặc trưng của nghệ thuật Ca trù Đông Môn, cần sưu tầm lại những bài bản cổ, những cách thức trình diễn đặc trưng đã làm nên danh tiếng của giáo phường Ca trù xưa... Quá trình này đòi hỏi mất rất nhiều thời gian, công sức cũng như kinh phí thực hiện bởi phải tiến hành một cuộc điều tra, tìm

kiếm trên qui mô rộng đối với thể hệ nghệ nhân cũng như tầng lớp quan viên có thói quen thưởng thức Ca trù Đông Môn xưa. Đó là những nhân chứng sống của thời đại, ngoài ra rất có thể họ còn lưu giữ được những văn bản, tài liệu nghiên cứu cổ về Ca trù cả nước nói chung, ca trù Đông Môn nói riêng. Có một điều chắc chắn là, trải qua thời gian, trong số đó có những người nay đã không còn, có những người đã chuyển địa điểm sống, việc tìm kiếm và qui tập họ không dễ. Nhưng nếu thực sự có tâm huyết, ngoài làng Đông Môn và khu vực lân cận, các nhà nghiên cứu có thể đến với những khu vực trước đây tập trung nhiều ca quán Ca trù ở Hải Phòng như Quán Bà Mau, Thượng Lý...; hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để kêu gọi sự quan tâm của họ đối với việc bảo tồn và phục dựng một trong những thú chơi tao nhã của ông cha. Công tác điều tra, nghiên cứu nhằm phục dựng lại diện mạo của Ca trù Đông Môn chắc chắn là một việc làm không dễ nhưng thực sự cần thiết. Điều đó không chỉ góp phần làm sống lại truyền thống văn hóa địa phương mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng đưa Ca trù Đông Môn vào khai thác phục vụ trong du lịch. Bởi nếu Ca trù Đông Môn không tìm lại cho mình những đặc trưng riêng thì sẽ không tạo ra được sự hấp dẫn đối với du khách. Nếu chỉ để thưởng thức Ca trù, du khách có thể tìm đến với nhiều địa phương khác, thuận lợi cho họ hơn về khoảng cách địa lý hay có sức hấp dẫn hơn về nguồn tài nguyên du lịch...

### ***3.2.3. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế***

Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế là một trong những biện pháp hữu hiệu để vừa bảo tồn vừa giới thiệu, truyền bá văn hóa dân tộc Việt Nam tới bạn bè quốc tế, đồng thời tăng cường sự hiểu biết và kiến thức về tổ quốc, quê hương đối với kiều bào nước ngoài. Nhất là trong điều kiện Việt Nam còn đang gặp nhiều khó khăn thì việc tranh thủ sự ủng hộ và viện trợ của quốc tế là vô cùng cần thiết. Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế có thể được tiến hành bằng cách thường xuyên tham dự liên hoan âm nhạc truyền thống giữa các nước trong khu vực và trên thế giới. Việc làm này sẽ đem lại một hiệu quả tích cực đó là giúp cho người dân tại những quốc gia không có loại hình nghệ thuật này hiểu biết thêm về Ca trù, từ đó nảy sinh nhu cầu muốn được nghe và thưởng thức Ca trù ngay trên chính quê hương của loại hình nghệ thuật đó. Và điều chắc chắn rằng họ sẽ không phải thất vọng vì đây là một loại hình nghệ thuật độc nhất

vô nhị không có quốc gia nào trên thế giới có được, là loại hình mà người dân nước Việt đã tự sáng tạo ra mà không phải vay mượn từ bất cứ nơi đâu.

Bên cạnh việc góp phần bảo tồn, quảng bá hình ảnh về đất nước và con người Việt Nam và phát huy giá trị truyền thống của dân tộc thì việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế sẽ kêu gọi được sự đóng góp của các bậc trí thức, kêu gọi được sự hỗ trợ của các nhà tổ chức, các nhà hảo tâm, những cá nhân yêu quý nghệ thuật này đóng góp kinh phí, phương tiện, kỹ thuật, tư liệu... để bảo tồn loại hình nghệ thuật Ca trù không bị mai một. Trước khi được công nhận là di sản phi vật thể của nhân loại, một điều đáng mừng là Ca trù đã được nhiều nhạc sĩ, nhạc gia, nhà nghiên cứu nước ngoài chuyên tâm tìm hiểu như: TS. Barley Norton (Anh), TS. Alienor Anisensel (Pháp), GS. Stephen Addiss (Mỹ). Một người con Việt Nam xa xứ nhưng luôn nặng lòng với nghệ thuật truyền thống của dân tộc là GS. Trần Văn Khê cũng đã thường xuyên thuyết giảng về nghệ thuật Ca trù của người Việt theo đề nghị của nhiều trường Đại học danh tiếng như Đại học Sorbonne Paris (Pháp), Đại học Hawaii, Đại học Honolulu (Mỹ).

Hẳn chúng ta cũng không thể quên, trước khi nhà nước Việt Nam có điều kiện quan tâm và phục dựng lại vốn cổ Ca trù, thì ngay từ thập niên 70 của thế kỷ XX, Ca trù đã được một số cơ quan, tổ chức quốc tế tôn vinh và góp phần lưu giữ, truyền bá, xuất bản dưới dạng đĩa hát. Tổng thư ký Hội đồng quốc tế Âm nhạc thuộc Unesco - Jack Bornoff, Giám đốc Viện quốc tế nghiên cứu Âm nhạc với phương pháp đối chiếu tại Berlin (Đức) - GS Alain Danielou đã tặng Bằng danh dự cho NSND Quách Thị Hồ, người đã tham gia vào việc thực hiện đĩa hát Ca trù do Unesco phát hành. Đĩa hát này sau đó đã được Unesco gửi tặng trên 400 trường Đại học và Nhà Văn hóa của nhiều nước Âu, Á, Mỹ, Úc, Phi. Năm 1985, Ca trù là 1 trong 9 tiết mục được tuyển lựa vào Diễn đàn âm nhạc châu Á do Unesco tổ chức tại Bình Nhưỡng (CHDCND Triều Tiên). Năm 1994 tại Paris, đĩa Ca trù do Nhà Văn hóa Thế giới phát hành với sự tham gia của nhóm Ca trù Thái Hà đã được Laurent Aubert, nhà phê bình báo Thế giới Âm nhạc (Le Monde de la Musique) xếp hạng “Choc” (chấn động), hạng cao nhất trên cả 4 sao. Quỹ Ford cũng đã hai lần tặng tiền tài trợ cho việc khôi phục Ca trù: lần thứ nhất

vào năm 2002, tài trợ cho Cục nghệ thuật biểu diễn tổ chức một lớp học thể nghiệm Ca trù ngắn hạn cho hơn 200 học viên từ 14 tỉnh thành trong cả nước học trong hai tháng và dạy được ba bài hát; lần thứ hai đóng góp cho việc tổ chức Liên hoan Ca trù toàn quốc 2005 tại Hà Tĩnh và Hà Nội.

Như vậy có thể khẳng định rằng sự ủng hộ, tài trợ của các tổ chức quốc tế cũng như của các cá nhân là vô cùng quan trọng đối với công cuộc khôi phục và bảo tồn vốn cổ Ca trù. Trong điều kiện Việt Nam còn là nước đang phát triển, kinh tế còn chưa lớn mạnh thì việc tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế là rất cần thiết, tuy nhiên chúng ta cần đẩy mạnh chiến lược này để thu hút nhiều hơn nữa các nhà tài trợ không chỉ của UNESCO, Nhật, Pháp, Anh... mà còn của nhiều quốc gia khác cũng muốn cùng Việt Nam chung vai gánh vác nhiệm vụ bảo tồn và phát triển loại hình nghệ thuật này. Một loại hình âm nhạc có bề dày lịch sử (theo sử liệu và văn bia), chiều sâu nghệ thuật, tuy có nguy cơ bị quên lãng, nhưng đang chiếm được sự quan tâm của chính quyền, sự thiết tha gìn giữ của nghệ nhân, sự đón nhận nồng hậu của người trong nước và nước ngoài, sự tôn vinh và tài trợ của các tổ chức quốc tế, thì không thể nào không sống mãi với thời gian.

Đối với Ca trù Đông Môn cũng vậy, nếu chỉ có sự nỗ lực của số thành viên ít ỏi trong Câu lạc bộ hiện nay không thôi thì chưa đủ. Chính quyền thành phố Hải Phòng nên xem xét kêu gọi sự hợp tác, hỗ trợ của các tổ chức văn hóa quốc tế, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước cùng tham gia vào quá trình phục dựng lại diện mạo của giáo phường Ca trù Đông Môn xưa, hoặc hỗ trợ về mặt kinh phí để lớp nghệ nhân trẻ của Đông Môn ngày nay vừa đảm bảo được điều kiện cuộc sống vừa có thể tham gia vào các khóa học, các chương trình giao lưu, học tập để không ngừng hoàn thiện tay nghề, đem lời ca, tiếng hát, chữ đàn đến với quần chúng sâu rộng hơn nữa.

### **3.3. Giải pháp phát triển du lịch**

Ca trù là một bộ môn nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Trải qua bao thăng trầm lịch sử, ca trù vẫn đứng vững và đang ngày càng thể hiện vị trí và giá trị của mình. Tuy nhiên, sau một thời gian dài bị quên lãng, ca trù đã và đang được phục hồi



trong những năm gần đây. Để ca trù ngày càng phát triển và không bị mai một, một trong những giải pháp quan trọng là gắn ca trù với hoạt động du lịch, giúp cho ca trù được quảng bá tới đông đảo công chúng, đồng thời qua hoạt động du lịch, góp phần truyền tải tới du khách một cách trung thực, thuyết phục và hấp dẫn những giá trị chân thực của ca trù. Vì vậy, ngành du lịch cần có những biện pháp hữu hiệu để khai thác có hiệu quả ca trù trong hoạt động du lịch, vừa đóng góp vào ngân sách chung của nhà nước vừa góp phần bảo vệ và tôn vinh nghệ thuật Ca trù.

### ***3.3.1. Xây dựng các chương trình biểu diễn nghệ thuật***

Trước khi Ca trù được công nhận là kiệt tác phi vật thể của nhân loại, sức sống của bộ môn nghệ thuật này đã được khôi phục và duy trì bởi sinh hoạt thường khóa của 22 CLB Ca trù tại 14 tỉnh thành trong cả nước<sup>7</sup>. Một số Câu lạc bộ đã tham gia biểu diễn phục vụ cho đối tượng khách du lịch mỗi khi được yêu cầu, điển hình như một số CLB Ca trù của Hà Nội (CLB Thái Hà, CLB Thăng Long, CLB Lỗ Khê, CLB Bích Câu). Chỉ có điều, nội dung biểu diễn của các Câu lạc bộ còn tương đối giống nhau, đều trình bày những bài bản, làn điệu Ca trù từ lâu đã trở nên nổi tiếng và quen thuộc như “Tỳ bà hành” (thơ Bạch Cư Dị), “Đào hồng đào tuyết” (thơ Dương Khuê), “Hương sơn phong cảnh” (thơ Chu Mạnh Trinh), “Gặp xuân” (thơ Tản Đà), “Tự tình” (thơ Cao Bá Quát)... Đó cũng là những tiết mục biểu diễn tiêu biểu cho thể Hát nói, một thể cách thịnh hành vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX tại các ca quán ca trù. Trong khi đó, Ca trù cổ truyền thực sự có tới 99 thể cách (trong đó loại thể cách hát lên được, tức là làn điệu đã có tới 66 thể cách) và có không gian biểu diễn rộng rãi, từ nơi cung vua phủ chúa đến sân đình rồi đến nhà dân. Nhưng hiện nay, theo thống kê của Viện âm nhạc, chúng ta chỉ còn lưu giữ được tư liệu của 46 thể cách và 7 điệu múa, số người có thể hát được tới 5 bài bản, làn điệu chỉ đếm trên đầu ngón tay. Song cái khác lớn nhất giữa xưa và nay là không gian, không khí ca trù, hay còn gọi là văn hóa thưởng ngoạn ca trù đã không còn tồn tại nữa. Đó là cái không khí rộn rã linh thiêng của những đêm hội làng, các đào kép về hát thờ Thành hoàng theo lệ hằng năm; đó là những ca quán nhộn nhịp khách văn nhân; đó là những cuộc khao vọng, khai

---

<sup>7</sup> Sau 3 năm, tính đến tháng 10/2008, từ 22 CLB đã tăng lên thành 63 CLB Ca trù trong cả nước.

trương cửa hiệu có vời đến đào kép ca trù, để tùy việc tùy duyên mà thưởng ngoạn câu thơ khô phách cung đàn ca trù...

Bên cạnh đó, người nghe cũng đã khác xưa nhiều. Từ phía công chúng, chúng ta thấy ngay cả đối với người Việt Nam nếu chưa được tiếp xúc một cách sâu sắc cũng khó có thể nghe và hiểu được ca trù. Cho nên có thể nói, ca trù hiện nay chỉ còn là những mảnh vỡ còn sót lại của một thể loại âm nhạc đặc sắc của dân tộc. Chính vì vậy để ca trù đến được với công chúng, quan trọng hơn cả để ca trù sống được trong lòng khán giả, điều cần làm đầu tiên là cần phải xây dựng các chương trình biểu diễn nghệ thuật đúng với những chuẩn mực của ca trù, không được làm biến tướng, hay cải biên loại hình nghệ thuật này, bởi nếu làm như vậy có khả năng sẽ tạo ra một xu hướng nghệ thuật mới không phải là ca trù nguyên bản, và khán giả sẽ không bao giờ biết được giá trị đích thực của ca trù dân tộc nguyên bản.

Việc chúng ta cần làm bây giờ là hãy để ca trù về nguyên trạng của nó. Điều đó có nghĩa là phải đặt ca trù vào đúng bối cảnh biểu diễn của nó như ở sân đình, hay ở nhà dân... cùng với việc phục dựng lại một châu hát với trang phục nguyên bản. Trong bối cảnh đó, ca trù sẽ xuất hiện đúng lúc, đúng chỗ căn cứ theo những gì mà các thư tịch cổ và các nghệ nhân lão thành ghi nhận. Làm được như thế chúng ta sẽ có một chương trình biểu diễn đúng quy chuẩn của ca trù truyền thống nhưng vẫn hấp dẫn, lôi cuốn khán giả. Ban đầu sẽ lôi cuốn khán giả bởi trí tò mò của họ, sau dần họ sẽ bị cuốn hút và trung thành với môn nghệ thuật này. Và nếu chúng ta kết hợp với các phương tiện thông tin đại chúng như đài, báo, truyền hình... thì hiệu quả của chương trình sẽ tăng lên nhiều lần. Số lượng khán giả sẽ ngày một tăng và từ đó chất lượng chương trình sẽ ngày càng được nâng cao.

Ca trù là một loại hình nghệ thuật bác học nên việc hiểu và có thể cảm thụ được cũng không phải là việc đơn giản trừ những người thực sự đam mê và hiểu sâu sắc về ca trù. Chính vì vậy, bên cạnh việc xây dựng chương trình biểu diễn đúng với đặc điểm và giá trị của Ca trù thì cũng cần phải chú ý xây dựng nội dung chương trình biểu diễn sao cho phù hợp với từng đối tượng khán giả để ca trù không trở nên cứng nhắc, khô khan, khó hiểu và đơn điệu. Hầu hết các chương trình biểu diễn của các CLB hiện

nay thường dao động từ 30 đến 45 phút. Với thời lượng như thế thường chỉ có thể giới thiệu tổng quan về ca trù và các tiết mục được lựa chọn biểu diễn thường có xu hướng tập trung đánh vào thị hiếu thích lạ, trí tò mò của khán giả. Sau khi thưởng thức xong, sẽ hầu như không để lại ấn tượng sâu sắc với họ, còn với những người thực sự đam mê và muốn tìm hiểu sâu về ca trù thì lại sẽ cảm thấy hụt hẫng. Chính vì vậy mà các CLB Ca trù, trong đó có CLB Ca trù Đông Môn của Thủy Nguyên, Hải Phòng cần xây dựng một chương trình biểu diễn thật đa dạng, linh động, không nên cứng nhắc theo một khung chương trình duy nhất. Chẳng hạn như có thể lập ra một danh sách những tiết mục biểu diễn đã được khôi phục và tập luyện thuần thục. Du khách nhìn vào đó rồi tùy theo nhu cầu thưởng thức, khả năng thẩm thấu và khả năng chi trả để lựa chọn một chương trình biểu diễn cho chính mình. Sẽ có những khách chỉ mong muốn được thưởng thức thuần túy về âm điệu nhạc hay lời ca của ca trù; có khách muốn tìm hiểu kỹ hơn về các lối đánh của đàn đáy, lối thưởng trống châu... và cũng có khách lại muốn đi chuyên sâu hơn, mong muốn được biết rõ về bài bản, làn điệu, điệu múa của ca trù... Nếu làm được như vậy, ca trù sẽ không còn cứng nhắc, khó hiểu nữa mà phù hợp với tất cả các đối tượng, sẽ thu hút được ngày càng đông người đến với ca trù. Dẫu biết rằng để xây dựng nhiều chương trình biểu diễn như vậy đòi hỏi phải có sự đầu tư lâu dài cả về kinh phí, thời gian, tâm huyết của các trung tâm văn hóa ca trù, các câu lạc bộ và các nghệ sĩ nhưng làm được như vậy thì ca trù mới thực sự để lại ấn tượng cho du khách và xứng đáng với danh hiệu kiệt tác phi vật thể của nhân loại mà UNESCO phong tặng.

Không chỉ có thế, với việc được biểu diễn tự do, chắc chắn sẽ góp phần làm tăng thêm nguồn cảm hứng và sáng tạo cho các nghệ nhân biểu diễn, và chính điều đó lại càng làm tăng thêm sự độc đáo và duy trì sức sống trường tồn cho loại hình nghệ thuật này.

### ***3.3.2. Mở rộng không gian biểu diễn***

Trong nền âm nhạc cổ truyền dân tộc Việt Nam, nhìn chung mỗi thể loại đều có đời sống xã hội riêng của nó. Trong đó, môi trường trình diễn cũng như chức năng xã hội bao giờ cũng được coi như đặc trưng riêng của từng thể loại. Mỗi quan hệ hữu

cơ đó khiến cho mỗi thể loại âm nhạc ở đây không phải là thứ âm nhạc của sân khấu mà là thứ âm nhạc của cuộc đời. Nghĩa là chúng không tồn tại như một nghệ thuật âm nhạc biểu diễn thuần túy mà bao giờ cũng gắn liền với một hoạt động cụ thể nào đó trong cuộc sống. Ca trù là một minh chứng cho điều đó. Ca trù sinh ra là để phục vụ cho con người. Có thể khẳng định đây là một trong số ít loại hình nghệ thuật có không gian biểu diễn rộng. Ca trù không chỉ được biểu diễn trong cung đình (gọi là hát trong cung đình, hay hát Cửa quyền) mà còn được biểu diễn ngay cả ở nông thôn phục vụ đời sống sinh hoạt của người dân (hát Cửa đình, hay hát chơi ở ca quán). Nhưng hiện nay, không gian dành cho biểu diễn ca trù ở đình làng, ở cung vua phủ chúa và tư gia đều không còn tồn tại. Ca trù chỉ còn một không gian biểu diễn duy nhất là tại các Câu lạc bộ Ca trù. Những năm gần đây, được sự quan tâm của Nhà nước, Ca trù đã có cơ hội đến được với công chúng nhiều hơn thông qua các cuộc liên hoan ca trù toàn quốc hay các chương trình biểu diễn nghệ thuật đầu năm nhân dịp tết đến xuân về (trong dịp Tết âm lịch, Ca trù thường được biểu diễn tại Văn miếu quốc tử giám Hà Nội). Song những dịp như vậy cũng không phải là thường xuyên, chẳng hạn như 2 năm mới có một cuộc liên hoan ca trù. Do đó, trong những dịp bình thường, công chúng hay du khách muốn thưởng thức Ca trù thì đôi khi không biết thưởng thức ở đâu. Do đó, ngoài việc biểu diễn tại các nhà hát, các câu lạc bộ, giao lưu giữa các câu lạc bộ, tham gia các kì liên hoan toàn quốc thì việc mở rộng hơn nữa không gian biểu diễn là một trong những việc làm cần thiết để đưa ca trù vào khai thác, phục vụ trong du lịch.

Đối với ca trù Đông Môn, giải pháp này có thể thực hiện bằng cách tăng cường biểu diễn tại các buổi liên hoan văn hóa nghệ thuật ở khắp nơi trong cả nước hay tích cực hơn trong việc tham dự các kì liên hoan nghệ thuật truyền thống giữa các nước trong khu vực và trên thế giới. Qua các cuộc giao lưu văn nghệ với các nước hay các cuộc lưu diễn, ca trù Đông Môn sẽ được nhiều người biết đến hơn, và rất có thể trong số đó sẽ có nhiều người tìm đến với Thủy Nguyên để được tìm hiểu sâu hơn về mảnh đất đã nuôi dưỡng câu lạc bộ nghệ thuật này.

Ngoài ra, Ca trù Đông Môn cũng nên tăng cường việc hợp tác biểu diễn tại các ngôi đình làng hay trong các lễ hội làng truyền thống hàng năm của các xã, quận,

huyện lân cận trong địa bàn thành phố Hải Phòng. Các lễ hội truyền thống luôn là nơi thu hút một lượng lớn du khách trong và ngoài địa phương đến tham dự. Những năm gần đây, ngày càng nhiều lễ hội được phục hồi và gắn với mục tiêu phát triển du lịch. Ban tổ chức của các lễ hội này cũng thường tìm kiếm những nội dung hoạt động nghệ thuật hấp dẫn để đem lại nét mới cho chương trình nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của du khách, thu hút khách đến với lễ hội nhiều hơn. Vì thế, nếu Ca trù Đông Môn có thể tham gia trong những lễ hội như vậy chính là một cách góp phần vào sự nghiệp phát triển du lịch địa phương. Du khách có thể kết hợp giữa việc tham gia chơi hội với việc nghe hát ca trù và tìm hiểu thêm về những ngôi đình cổ kính - những di tích lịch sử văn hóa giá trị...

Nhưng để Ca trù Đông Môn thực sự đóng góp hiệu quả trong chính sách phát triển du lịch của địa phương, có lẽ cần tới sự hợp tác hỗ trợ của chính quyền địa phương cũng như của các nhà đầu tư để nâng cấp ca trù Đông Môn từ một Câu lạc bộ nhỏ chỉ có 7 thành viên trở thành một trung tâm biểu diễn nghệ thuật ca trù của cả thành phố, xứng tầm với qui mô của tổ chức giáo phường xưa. Nếu mời gọi được nhà đầu tư, thiết nghĩ bài học làm du lịch một cách chuyên nghiệp của Trung tâm văn hóa ca trù Thăng Long tại Hà Nội thời gian vừa qua sẽ là một mô hình đáng để cho ca trù Đông Môn xem xét và học tập từ cách thức xây dựng cho đến qui chế và nguyên tắc vận hành.

Trung tâm văn hóa ca trù Thăng Long có chức năng như một nhà hát và là địa chỉ đầu tiên và duy nhất hiện nay tổ chức biểu diễn ca trù theo cách chuyên nghiệp ở Hà Nội, chính thức mở cửa vào ngày 31/3/2009. Giám đốc của trung tâm là Nguyễn Lan Hương, vốn là một người mẫu, từng đoạt ngôi Á hậu trong cuộc thi Người đẹp Việt - Trung. Nằm trong tòa nhà Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, đối tượng hướng tới sẽ là khách du lịch với ba suất diễn mỗi ngày.

Tính chuyên nghiệp của Trung tâm được thể hiện trước hết ở việc thiết kế phòng biểu diễn với trang bị âm thanh, ánh sáng, sân khấu hiện đại nhưng vẫn không làm mất đi nét truyền thống của ca trù. Phòng biểu diễn có sức chứa 100 chỗ ngồi cho khán giả, được bố trí sát sân khấu nhằm tạo ra sự giao lưu gần gũi giữa nghệ sĩ và khán

giả. Mỗi ngày, Trung tâm tổ chức 3 ca diễn vào các buổi chiều từ 15-18 giờ; mỗi ca diễn kéo dài 45 phút và gồm 5 tiết mục (2 bài múa, 3 bài hát)... Các tiết mục biểu diễn là những bài hát, làn điệu đã được thời gian kiểm chứng, thuộc hàng kinh điển với ca trù. Hiện tại có khoảng 10 kịch bản biểu diễn được thay đổi theo từng buổi diễn để tạo sự mới mẻ cho khách nghe. Nghệ sĩ Bạch Vân, chủ nhiệm CLB Ca trù Hà Nội trước đây là người phụ trách chính nội dung nghệ thuật.

Để hoạt động biểu diễn đảm bảo tính chuyên nghiệp mà vẫn giữ được nét đặc trưng vốn có của ca trù, Trung tâm được sự hỗ trợ của đội ngũ cố vấn đặc biệt gồm 7 nghệ nhân cao tuổi, có uy tín trong làng ca trù Việt Nam như Kim Đức, Vũ Văn Hồng, Nguyễn Thị Tình... Nghệ sỹ biểu diễn (múa và hát) gồm 15 người trong đó có 6 đào nương, chủ yếu là các nghệ sỹ trẻ của CLB Ca trù Hà Nội và CLB Ca trù Lỗ Khê. Ngoài phòng biểu diễn, Trung tâm còn có không gian trưng bày hình ảnh, hiện vật về ca trù, không gian giới thiệu về làng nghề truyền thống và nghệ thuật thư pháp của Việt Nam.

Bên cạnh đó, Trung tâm còn có chương trình phối hợp với Tổng cục Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hà Nội cùng nhiều công ty du lịch lữ hành để xây dựng tour đến Trung tâm như điểm tìm hiểu văn hoá Việt Nam cho du khách quốc tế. Trước giờ biểu diễn, Trung tâm sẽ có bài giới thiệu về ý nghĩa văn hóa, lịch sử, sự hình thành, phát triển của ca trù trong 1000 năm qua bằng tiếng Anh, Pháp... để du khách hiểu sơ lược về ca trù. Ý nghĩa của lời các bài hát cũng được dịch ra tiếng nước ngoài để du khách đọc tham khảo...

Trung tâm còn hoạt động như một nhà hát chuyên nghiệp qua việc tổ chức đào tạo, hằng năm sẽ tuyển sinh và đào tạo những người theo học biểu diễn ca trù với một tiêu chí tuyển chọn khá khắt khe.

Một điểm đặc biệt nữa, địa chỉ của Trung tâm nằm trong khuôn viên của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Đây là sự hợp tác giữa giám đốc trẻ Nguyễn Lan Hương và Bảo tàng Cách mạng Việt Nam trong một nỗ lực chung nhằm bảo vệ và phát huy vốn cổ của dân tộc. TS Triệu Văn Hiến - Giám đốc Bảo tàng Cách mạng Việt Nam nói: “Để không “đóng khung” các giá trị văn hóa truyền thống, chúng tôi có chủ

trương gắn những hoạt động của bảo tàng với du lịch. Và mô hình biểu diễn ca trù tại Bảo tàng là một hình thức mới mở ra nhiều triển vọng. Trước hết, giới thiệu ca trù với những khách đến tham quan bảo tàng không chỉ là một cách để mở rộng tiếp cận văn hóa truyền thống cho người dân và du khách, mà còn làm phong phú, hấp dẫn hơn các hoạt động của bảo tàng. Sắp tới, chúng tôi sẽ tổ chức cho các em trong CLB Em yêu lịch sử của Bảo tàng Cách mạng tiếp cận với ca trù qua sinh hoạt của trung tâm. Đây là một hình thức thiết thực giúp giới trẻ nhận thức tốt hơn giá trị văn hóa truyền thống”. (<http://thanglongcatrutheatre.com/vietnam/?act=News&do=Detail&cid=27&nid=337>)

Xem qua mô hình làm du lịch một cách chuyên nghiệp đối với Ca trù ở Hà Nội nói trên, có thể nói rằng, Hải Phòng hoàn toàn có khả năng để thành lập một Trung tâm văn hóa Ca trù gần như vậy. Nói là gần như bởi vì nghệ thuật Ca trù của mỗi một vùng miền, mỗi một địa phương sẽ có những đặc trưng riêng biệt khác nhau; tiềm năng về tài nguyên du lịch, khả năng thu hút và giữ chân khách du lịch cũng không giống nhau nên cách làm du lịch cũng không thể áp dụng một cách máy móc như nhau. Nhưng xem xét những điều kiện vốn có, nếu kêu gọi được các nhà doanh nghiệp trên địa bàn thành phố mạnh dạn đầu tư thì việc xây dựng một Trung tâm văn hóa nghệ thuật Ca trù của riêng Hải Phòng không phải là điều không thể. Về nguồn nhân lực, có thể kết hợp thành viên của Câu lạc bộ Ca trù Hải Phòng với Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn. Về địa điểm hoạt động của Trung tâm, có thể đặt trong chính khuôn viên của Bảo tàng Hải Phòng - một tòa nhà có kiến trúc cổ từ thời thuộc Pháp. Sẽ càng ý nghĩa hơn khi du khách đến tham quan bảo tàng, bên cạnh những chứng tích về truyền thống lịch sử hào hùng, du khách còn có cơ hội tiếp cận với truyền thống văn hóa sâu sắc của mảnh đất và con người nơi đây thông qua một bộ môn nghệ thuật đặc sắc như Ca trù. Thậm chí, mô hình của Trung tâm nói trên có thể mở rộng và tiến xa hơn, trở thành Trung tâm văn hóa nghệ thuật truyền thống của Hải Phòng, nơi qui tụ cả nghệ thuật Ca trù Hải Phòng (trong đó có Ca trù Đông Môn), nghệ thuật Hát đúm (Thủy Nguyên), nghệ thuật múa rối nước (Vĩnh Bảo)...

Như vậy, với mọi nỗ lực trong công tác bảo tồn và biểu diễn, mong muốn lớn nhất của những người làm du lịch là đem đến cho du khách những giá trị đích thực của ca trù khi thưởng thức nó, cảm nhận được cái hay, cái đẹp, đồng thời giữ mãi trong

lòng một ấn tượng sâu sắc về một loại hình âm nhạc truyền thống đặc sắc. Có thể nói rằng, hệ quả lớn nhất của việc mở rộng không gian biểu diễn đem lại chính là đã giới thiệu hình ảnh ca trù đến với du khách bốn phương, làm thức dậy nhu cầu được thưởng thức ca trù trên chính quê hương của nó. Từ đó, lượng khách du lịch đến với ca trù ngày càng tăng, góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy du lịch địa phương nói riêng và ngành du lịch trong cả nước nói chung.

### ***3.3.3. Liên kết với các tuyến điểm du lịch khác trong địa bàn huyện Thủy Nguyên***

Thủy Nguyên là mảnh đất có nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phong phú và đa dạng. Trời phú cho thiên nhiên huyện Thủy Nguyên nhiều cảnh đẹp và có đủ các dạng địa hình, có sông dài, núi cao, đồng bằng rộng lớn và nằm ngay trên bờ biển mênh mông. Đây cũng là mảnh đất có lịch sử hào hùng với những chiến công lẫy lừng của các vị anh hùng có công bảo vệ Tổ quốc.

Ca trù làng Đông Môn, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên trước đây rất phát triển và được coi là một nghề kiếm sống của cả làng. Nhưng giờ đây, người hát ca trù không còn mấy. Tuy ca trù đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại nhưng việc bảo tồn vẫn đang gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy việc đưa ca trù vào phát triển du lịch là một giải pháp hữu hiệu để bảo tồn và phát huy các giá trị của ca trù nơi đây. Nhưng nếu chỉ chú trọng vào việc đưa ca trù vào du lịch, xây dựng một tour du lịch mà chỉ có nghe hát ca trù thì rất đơn điệu và dễ gây nhàm chán bởi không phải ai cũng thích nghe ca trù, hơn nữa đây cũng là một môn nghệ thuật rất khó cảm thụ nếu không thật sự đam mê và hiểu về nó. Chính vì vậy, cần xây dựng một chương trình du lịch dựa trên sự kết hợp ca trù với các tài nguyên du lịch của huyện Thủy Nguyên để tạo ra sự phát triển đồng đều và tránh sự lãng phí tài nguyên của vùng cũng như tạo nên được nét hấp dẫn của chương trình. Người viết xin được đề xuất một số chương trình du lịch kết hợp với các tài nguyên du lịch trên địa bàn huyện như sau:



### Tour du lịch Thủy Nguyên 1:

- Sáng: Điểm đầu tiên tham quan là chùa Lâm Động với cảnh quan chùa thoáng mát, rộng rãi, cấu trúc chùa đẹp.

Đoàn rời chùa Lâm Động đi thăm đình Kiền Bái có tuổi trên 300 năm. Đình có bức trướng “Thượng đẳng tối linh thần”.

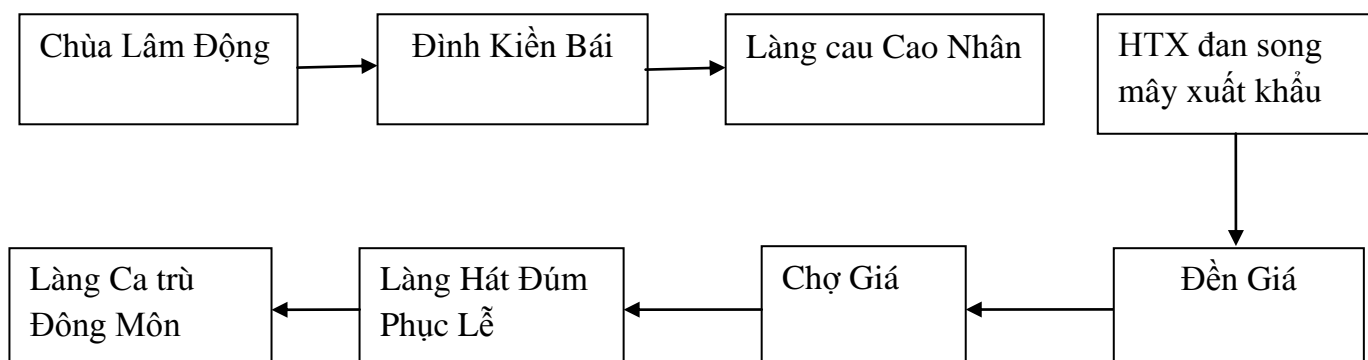
Sau đó, đoàn tới tham quan làng cau Cao Nhân.

- Trưa: ăn trưa tại xã Cao Nhân

- Chiều: Đoàn ghé thăm HTX đan song - mây xuất khẩu xã Chính Mỹ. Sau đó thăm đền Giá, mua sắm ở chợ Giá, qua làng Phục Lễ nghe Hát Đúm.

- Tối: nghe hát ca trù tại đình Đông Môn.

Sơ đồ của tour du lịch như sau:



### Tour du lịch Thủy Nguyên 2:

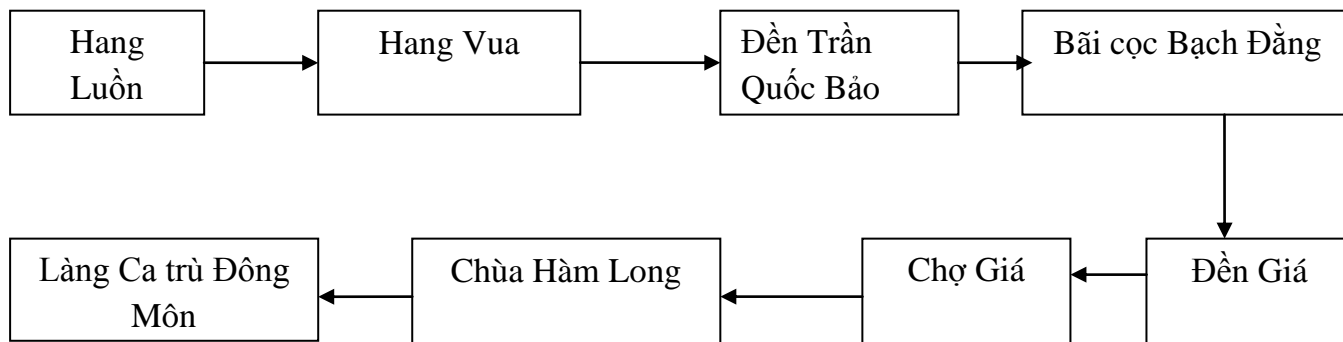
- Sáng: Đi tham quan hang Luồn. Sau đó tham quan hang Vua - hang động đẹp nhất ở Thủy Nguyên. Tiếp theo, đi thăm đền thờ Trần Quốc Bảo dưới chân núi U Bò - Minh Đức, tham quan bãi cọc Bạch Đằng, nghe kể về các chiến công của tướng lĩnh thời Trần với trận đánh lịch sử trên sông Bạch Đằng.

- Trưa: ăn trưa tại thị trấn Minh Đức.

- Chiều: Đi thăm Đền Giá, mua sắm tại Chợ Giá. Tiếp đến đi tham quan tại chùa Hàm Long - ngôi chùa được xây dựng từ thời nhà Lý.

- Tối: nghe hát Ca trù tại đình Đông Môn.

Sơ đồ tour du lịch như sau:



Việc xây dựng tour du lịch là việc cần thiết nhưng để nâng cao chất lượng du lịch thì chính quyền địa phương cần quan tâm tới việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, đường xá thuận tiện cho việc đi lại của khách du lịch, song song với quá trình tu bổ lại các công trình kiến trúc, chùa chiền, đình, đền; cấp kinh phí để phục dựng lại các làng nghề truyền thống, các lễ hội, các loại hình nghệ thuật truyền thống. Một tín hiệu đáng mừng cho ngành du lịch Thủy Nguyên, đó là với thế mạnh và tiềm năng sẵn có, trên địa bàn huyện hiện nay đang có hai dự án đầu tư lớn được triển khai. Thứ nhất là dự án khu đô thị Bắc Sông Cấm – là dự án khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ hiện đại do Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - Singapore làm chủ đầu tư, khởi công từ tháng 9/2009, dự kiến hoàn thành năm 2015. Dự án lớn thứ hai là dự án Khu Resort Sông Giá tại xã Lưu Kiếm với tổng vốn đầu tư ban đầu là khoảng 600 triệu USD, bao gồm các hạng mục: sân golf 27 lỗ, bệnh viện quốc tế, trung tâm vui chơi giải trí, khu triển lãm văn hóa Việt Nam và Hải Phòng, khu biệt thự và nhà nghỉ, khu thương mại và mua sắm, trường học quốc tế, nhiều khách sạn 5 sao. Dự kiến giai đoạn một sẽ hoàn thành vào năm 2010 và hoàn thành toàn bộ vào năm 2015. Đây là tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng nước ngoài lớn nhất từ trước tới nay. Việc hoàn thành tổ hợp khu nghỉ dưỡng sông Giá Resort sẽ là nơi kết nối các khu du lịch trên thế giới, đồng thời là điểm nhấn trong quy hoạch phát triển của thành phố Cảng.

Nếu hai dự án trên được hoàn thành và đưa vào hoạt động thì chắc chắn du lịch huyện Thủy Nguyên sẽ có những bước nhảy vọt lớn. Trong xu thế chung đó, tin chắc rằng làng Đông Môn nhỏ bé, nơi còn lưu giữ nghệ thuật Ca trù cũng sẽ là điểm dừng chân hấp dẫn của du khách bốn phương.

### **Tiểu kết chương 3**

Sau khi ca trù được tổ chức UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại thì đã có nhiều biện pháp được đưa ra nhằm bảo tồn và phát triển loại hình nghệ thuật này. Tuy nhiên, đối với ca trù của từng địa phương, bên cạnh những giải pháp chung được trình bày trong hồ sơ thì cũng cần nghiên cứu kỹ những biện pháp cụ thể thích hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương đó. Trong chương này, trên cơ sở những giải pháp và định hướng chung, người viết đã cố gắng đưa ra những ý tưởng và đề xuất những giải pháp riêng đối với việc bảo tồn và phát triển nghệ thuật Ca trù tại làng Đông Môn, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên - cái nôi của nghệ thuật ca trù Hải Phòng trước đây. Biện pháp còn có thể nhiều hơn nữa nhưng quan trọng là cần phải được áp dụng đúng nơi, đúng chỗ và khoa học. Ca trù Đông Môn hiện nay cũng đang được nhiều tổ chức, cơ quan quan tâm, tạo điều kiện phục hồi và phát triển. Tuy nhiên, bản thân chính quyền địa phương của huyện cần phải quan tâm tới di sản văn hóa của địa phương mình hơn nữa như có thể hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động cho Câu lạc bộ ca trù Đông môn, hay cần phải đề ra những biện pháp cụ thể và những chính sách bảo tồn lâu dài đối với ca trù Đông Môn... Mặc dù, chỉ là những thiên kiến cá nhân, nhưng người viết hy vọng rằng những đề xuất nhỏ bé của mình cũng sẽ là một phần gợi ý cho chính quyền địa phương trong việc đề ra những quyết sách bảo tồn và phát triển đối với bộ môn nghệ thuật truyền thống đặc sắc này.

## **KẾT LUẬN**

Ca trù là một loại hình nghệ thuật độc đáo của dân tộc, có lịch sử hình thành lâu đời và không ngừng phát triển qua các triều đại. Ca trù đặc trưng bởi nhiều yếu tố như tên gọi, nhạc cụ, bài bản và làn điệu, các giá trị nghệ thuật và lịch sử, tất cả tạo nên nét độc đáo riêng của ca trù so với các loại hình nghệ thuật khác. Hiện nay ca trù đang được công chúng biết đến như một di sản văn hóa thế giới cần được bảo vệ khẩn cấp. Chính vì vậy mà ca trù đã được định hướng để bảo tồn và khai thác một cách có hiệu quả trong nhiều lĩnh vực và đặc biệt là trong hoạt động du lịch. Tuy nhiên, công tác bảo tồn, phát triển còn nhiều hạn chế và chưa thực sự được quan tâm đúng mức.

Thủy Nguyên là một vùng đất được thiên nhiên ban tặng nhiều ưu đãi, có nhiều cảnh quan đẹp, hấp dẫn, với những hang động đẹp, nổi tiếng và nhiều di tích lịch sử văn hóa, lễ hội độc đáo, nhiều làng nghề truyền thống...; có nhiều thế mạnh để phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp và giao thông vận tải. Và hiện nay, khi ca trù được công nhận là di sản văn hóa thế giới thì Thủy Nguyên lại được nhiều người biết như là một trong những cái nôi ra đời sớm của nghệ thuật Ca trù. Tuy nhiên, không có gì khác so với ca trù cả nước, việc bảo tồn ca trù nơi đây cũng chưa được các cấp chính quyền thành phố, huyện, xã quan tâm đúng mức. Ca trù còn được giữ gìn và hoạt động đến ngày nay chỉ bởi tâm huyết của những người con yêu ca trù của đất Đông Môn. Với mọi cố gắng và nỗ lực của các cá nhân và tổ chức yêu ca trù thì ca trù Đông Môn đang dần được phục hồi. Tuy là không thể như xưa nhưng ca trù vẫn được quan tâm bảo tồn và chưa bị biến mất trong đời sống. Trong các ngày giỗ tổ nghề ca trù (23/3) và ngày lễ hội ca trù (23/9), tiếng hát tiếng đàn của các Ca nương, kép đàn vẫn được vang lên hàng năm. Ngoài ra, ca trù Đông Môn còn được đem đi biểu diễn tại nhiều nơi như giao lưu với các câu lạc bộ, tham gia các cuộc công diễn, liên hoan... Tuy nhiên, bao nhiêu hoạt động đó dường như vẫn là chưa đủ để phục dựng lại diện mạo của Ca trù nơi đây, nơi ngày xưa đã từng là giáo phường của cả khu vực xứ Đông, nơi mà mọi thế hệ thành viên của các gia đình trong làng đều coi Ca trù như một nghề nghiệp truyền thống của cha ông. Vì thế, vấn đề đặt ra là phải cấp thiết

khôi phục và bảo tồn ca trù Đông Môn nhưng không phải chỉ do một vài cá nhân mà phải được sự chung vai gánh vác của toàn xã hội.

Vì vậy, ngay từ bây giờ, chính quyền địa phương cần xây dựng các phương án bảo tồn cụ thể và định hướng khai thác ca trù trong hoạt động du lịch, nhằm giúp ca trù Đông Môn được phục hồi nhanh chóng và tạo ra một bước tiến mới trong sự phát triển của nền kinh tế huyện Thủy Nguyên nói chung và hoạt động du lịch của huyện nói riêng.

Ca trù đang được các tổ chức trong và ngoài nước biết đến. Có nhiều tổ chức đã cấp kinh phí cho ca trù hoạt động và phát triển như tổ chức UNESCO, quỹ FORD, và nhiều tổ chức khác nữa. Với mọi sự nỗ lực và cố gắng của toàn xã hội thì trong tương lai không xa, ca trù Đông Môn cũng như ca trù của cả nước sẽ được phục hồi và trở về đúng vị trí của nó./.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

### **I. SÁCH:**

Nguyễn Xuân Diện. 2000. Góp phần tìm hiểu lịch sử ca trù. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

Phạm Đình HỔ, Xuân Lan, Phạm Văn Duyệt. 2003. Ca trù nhìn từ nhiều phía. NXB Văn hóa Thông tin.

Trần Văn Khê. 2000. Trần Văn Khê và âm nhạc dân tộc. NXB Trẻ.

Phạm Khương, Ngô Đăng Lợi và Lê Thế Loan. 2001. Văn hóa văn nghệ dân gian Hải Phòng. NXB Hải Phòng.

Ngô Linh Ngọc và Ngô Văn Phú. 1987. Tuyển tập thơ Ca trù. Hà Nội: NXB Văn học.

Trần Đình Ngôn. 2002. Sân khấu Hải Phòng: Công trình nghiên cứu khoa học. NXB Hải Phòng.

Giang Thu và Vũ Thiện Loan. 2001. Tìm hiểu ca trù Hải Phòng. Hải phòng: NXB Bản đồ.

Nguyễn Thị Thu Trang. 2007. Tìm hiểu Nhã Nhạc cung đình Huế và việc khai thác phát triển du lịch. Khóa luận tốt nghiệp Cử nhân Việt Nam học. Ngành Văn hóa du lịch. Đại học Dân lập Hải Phòng.

Nguyễn Quảng Tuân. 2003. Ca trù - thú xưa tao nhã. Hà Nội: NXB Văn học

### **II. Website:**

[http:// Ca trù – Wikipedia tiếng Việt.htm](http://Ca%20tr%C3%BA%20-%20Wikipedia%20ti%E1%BB%82%20Vi%E1%BB%82%20htm).

Nguyễn Xuân Diện. 03.12.2008. Đi tìm vẻ đẹp ca trù.[trực tuyến]. *Lý học đông phương*. Đọc từ: <http://www.lyhocdongphuong.org.vn/News/03/Di-tim-ve-dep-ca-tru-Phan-4/9/1128/>

Lưu Hà. Ca trù được công nhận là di sản văn hóa thế giới.[trực tuyến]. *Ca trù Thăng Long*. Đọc từ: <http://www.catruthanglong.com/p289-ca-tru-duoc-cong-nhan-la-di-san-the-gioi.html>.

Vương Hà. 28.01.2010. Học viện Ca trù : Bảo tồn và giữ lửa Ca trù. [trực tuyến]. Đọc từ:  
<http://www.doisongphapluat.com.vn/Story.aspx?lang=vn&zoneparent=0&zone=22&ID=2957>.

<http://tranquanghai.info/p2770-nguyen-trong-%3Ahanh-tinh-da-vong-khuc-ca-tru.html>

Phạm Mi Ly. 18.04.2010. Quan họ và Ca trù nhận bằng Di sản văn hóa thế giới.[trực tuyến]. *Vnexpress* .Đọc từ: <http://vnexpress.net/GL/Van-hoa/2010/04/3BA1AF38/>

Hồng Minh. 28.03.2009. Chuyên nghiệp hóa Ca trù làm du lịch.[trực tuyến]. *Báo Nhân dân*. Đọc từ:

<http://thanglongcatruthatre.com/vietnam/?act=News&do=Detail&cid=27&nid=337>

<http://nhacvietplus.vietnamnet.vn/>

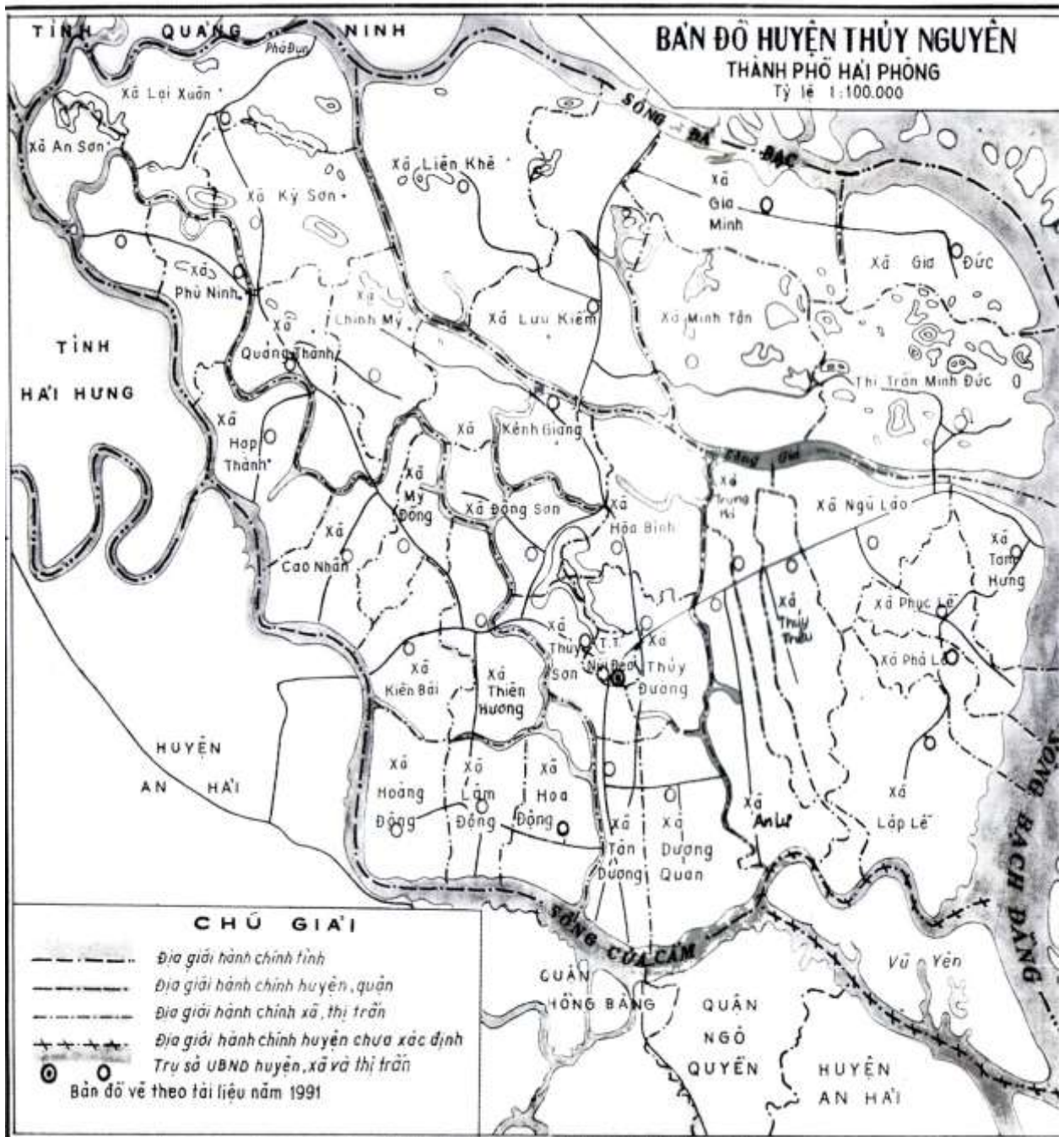
Hữu Trịnh. 29.08.2008. Tìm hiểu về nghệ thuật ca trù.[trực tuyến]. *Họ Đố Việt Nam*. Đọc từ :

[http://hodovietnam.vn/index.php?option=com\\_content&task=view&id=907&Itemid=33](http://hodovietnam.vn/index.php?option=com_content&task=view&id=907&Itemid=33).

Nguyễn Trọng. 11.2009. Hành tinh đã vọng khúc ca trù. [trực tuyến]. *Trần Quang Hải*. Đọc từ: <http://tranquanghai.info/p2770-nguyen-trong-%3Ahanh-tinh-da-vong-khuc-ca-tru.html>

<http://www.vietnamplus.vn/Home/Ca-tru-duoc-UNESCO-cong-nhan-Di-san-the-gioi/200910/19177.vnplus>

## PHỤ LỤC



Hình 1. Bản đồ tự nhiên huyện Thủy Nguyên





Hình 2. Cổng Đình Đông Môn



Hình 3. Tượng thờ nhị vị Tổ Ca công Đình Đông Môn



Hình 4. Bảng xếp hạng Di tích cấp thành phố đối với Phủ từ Đông Môn



Hình 5. Lớp Ca nương trẻ của Làng Ca trù Đông Môn



Hình 6. Hát thờ ngày giỗ Tổ Ca công (24/3/2010)



Hình 7. Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn giao lưu cùng Câu lạc bộ Ca trù Hải Phòng  
tại Đình Hàng Kênh